



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2013



NĂNG LƯỢNG
chức năng

NỘI DUNG

- 04 Tầm nhìn - Sứ mệnh
- 06 Thông điệp của Ban Lãnh đạo

GIỚI THIỆU PV GAS

10-19

- 12 Ngành nghề kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ
- 14 Lịch sử hình thành và phát triển
- 16 Sự kiện nổi bật năm 2013
- 18 Sơ đồ tổ chức



BÁO CÁO CỦA LÃNH ĐẠO

20-51



- 22 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 24 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 25 Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc
- 28 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 30 Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 32 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 46 Chỉ số tài chính
- 49 Dữ liệu cổ đông

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

52-65



- 54 Tình hình quản trị
- 61 Quản trị rủi ro



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

66-77

- 68 Con người và Doanh nghiệp
- 72 Hoạt động cộng đồng
- 74 An toàn - Chất lượng - Sức khỏe - Môi trường
- 76 Danh hiệu và giải thưởng



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

78-91

- 80 Mạng lưới hoạt động
- 85 Đối tác
- 86 Công ty trực thuộc
- 90 Công ty cổ phần

ĐỊNH HƯỚNG VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

92-154

- 95 Mục tiêu phát triển
- 96 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014
- 102 Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán



“ TRẢI QUA 23 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN, ĐẾN NAY, PV GAS ĐÃ TRỞ THÀNH NHÀ CUNG CẤP KHÍ KHÔ CHÍNH TẠI VIỆT NAM VÀ LÀ NHÀ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH LPG SỐ 1 TẠI THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM, TIẾP TỤC LÀ MỘT TRONG SỐ CÁC ĐƠN VỊ DẪN ĐẦU TRÊN SÀN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VỀ LỢI NHUẬN, ĐÓNG GÓP TRÊN 2% GDP CẢ NƯỚC.



Tầm nhìn

Giữ vững vai trò chủ đạo trong ngành Công nghiệp khí Việt Nam, gia nhập thị trường quốc tế, đưa PV Gas trở thành một trong các thương hiệu Khí mạnh trong khu vực ASEAN và châu Á.

Sứ mệnh

Xây dựng, vận hành an toàn hiệu quả toàn bộ hệ thống thu gom, nhập khẩu, vận chuyển, tàng trữ, chế biến, phân phối khí, các sản phẩm khí và đường ống kết nối với hệ thống khí khu vực, đảm bảo cung cấp khí, các sản phẩm khí và dịch vụ khí cho các hộ tiêu thụ trên toàn quốc và mở rộng ra thị trường quốc tế, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

“HÔM NAY, CHÚNG TA - BAN LÃNH ĐẠO, TOÀN THỂ CBCNV CÙNG TẤT CẢ CÁC CỔ ĐÔNG CỦA PV GAS ĐỀU RẤT PHẤN KHỞI CÙNG ĐIỂM LẠI NHỮNG CON SỐ, SỰ KIỆN CÓ Ý NGHĨA QUAN TRỌNG. NĂM 2013, PV GAS HOÀN THÀNH VÀ HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC KẾ HOẠCH ĐÃ ĐƯỢC ĐHĐCĐ THÔNG QUA VÀ TĂNG TRƯỞNG SO VỚI NĂM 2012; VỀ ĐÍCH SỚM TRƯỚC 5 THÁNG ĐỐI VỚI CHỈ TIÊU LỢI NHUẬN...”



NĂM 2013, PV GAS GIỮ VỮNG VỊ TRÍ LÀ ĐƠN VỊ LỚN THỨ 3 TRONG TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM; XẾP HẠNG THỨ 2 TRONG SỐ 50 CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM DO FORBES VIỆT NAM BÌNH CHỌN; XẾP HẠNG THỨ 12 TRONG TOP 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM.

65.597
TỶ ĐỒNG
TỔNG DOANH THU

15.583
TỶ ĐỒNG
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

12.596
TỶ ĐỒNG
LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Kính thưa Quý Cổ đông!

Năm 2013 đi qua, vạn vật thêm tuổi mới và PV Gas cũng có thêm một năm hoạt động thành công trong hành trình phát triển bền vững. Nhưng điều này không có nghĩa mọi hoạt động của PV Gas đều gặp thuận lợi và diễn ra suôn sẻ.

Tình hình chính trị trong khu vực bất ổn, kinh tế trong nước tăng trưởng thấp, điều kiện tín dụng bị thắt chặt, thị trường tiêu thụ giảm sút,... Và trực tiếp hơn nữa nhu cầu tiêu thụ khí của các khách hàng của PV Gas không tăng mạnh; nguồn cung cấp LPG từ nhà máy lọc dầu Dung Quất không ổn định; hoạt động đàm phán giá khí ở phần thượng nguồn Lô B - Ô Môn chưa có kết quả; thành phần khí của một số mỏ thay đổi so với dự báo trước đây;... Các yếu tố này ảnh hưởng đến tất cả các mặt hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư, tài chính,... của PV Gas.

Chủ động nhìn nhận, đánh giá được những trở ngại này, Ban Lãnh đạo và toàn thể CBCNV PV Gas đã có những giải pháp phù hợp trong quản lý, điều hành; tận tâm, sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh; phát huy sức mạnh nội lực kết hợp với tận dụng cơ hội, hỗ trợ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, sự ủng hộ của các khách hàng, đối tác và đặc biệt là Quý cổ đông để khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức, tự tin vững bước.

Và cho đến ngày hôm nay, chúng ta - Ban Lãnh đạo, toàn thể CBCNV cùng tất cả các cổ đông của PV Gas đều rất phấn khởi cùng điểm lại những con số, sự kiện có ý nghĩa quan trọng của PV Gas trong năm 2013:

» Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2013 đã được ĐHĐCĐ thông qua và tăng trưởng so với năm 2012; về đích sớm trước 5 tháng đối với chỉ tiêu lợi nhuận, trước 4 tháng đối với chỉ tiêu nộp ngân sách, trước 2 tháng đối với chỉ tiêu sản lượng LPG, trước 15 ngày đối với chỉ tiêu sản lượng khí khô; đạt lợi nhuận cao nhất kể từ khi thành lập đến nay;

» Đạt doanh thu 65.597 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 15.583 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 12.596 tỷ đồng - lợi nhuận cao nhất kể từ khi thành lập đến nay và cao nhất trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam; giữ vững vị trí là đơn vị lớn thứ 3 trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam; xếp hạng thứ 2 trong số 50 Công ty niêm yết tốt nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam do Forbes Việt Nam bình chọn; xếp hạng thứ 12 trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR500 theo đánh giá của Vietnam Report; đóng góp đáng kể vào ngân sách quốc gia, góp phần cùng PVN ổn định kinh tế vĩ mô của đất nước;

» Đạt trên 6,2 triệu giờ làm việc an toàn trên tất cả các công trình khí;

» Cung cấp m³ khí thứ 80 tỷ cho các nhà máy điện, đạm và khách hàng tiêu thụ khí thấp áp vào tháng 10; đáp ứng nguồn nguyên, nhiên liệu để sản xuất gần 40% sản lượng điện, 70% sản lượng phân đạm cả nước;

- » Sản xuất và kinh doanh tấn LPG thứ 7,9 triệu tại thị trường trong và ngoài nước; chiếm trên 70% thị phần LPG cả nước, giữ vững vị trí là nhà sản xuất và kinh doanh LPG hàng đầu tại Việt Nam;
- » Hoàn thành bảo dưỡng, sửa chữa trong đợt dừng khí trước tiến độ 3 ngày đối với hệ thống khí PM3 - Cà Mau, 2,5 giờ đối với hệ thống khí Nam Côn Sơn và 34 giờ đối với hệ thống khí Cửu Long. (Các con số này thực sự ấn tượng khi xét trong điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Gas là 24/24 giờ, diễn ra trong tất cả các ngày trong năm);
- » Nâng công suất vận hành đường ống khí Nam Côn Sơn lên 22 triệu m³ khí/ngày vào tháng 5;
- » Hoàn thành đầu tư, đưa vào sử dụng các công trình khí quan trọng: kho LPG lạnh Thị Vải vào tháng 3, đường ống khí Hải Thạch - Mộc Tinh vào tháng 9, Rỗng - Đối Mỗi mở rộng và máy nén khí Cà Mau vào tháng 12, giúp tăng cường hệ thống cơ sở vật chất của PV Gas phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại và trong tương lai;
- » Sản xuất và bọc ống cho các dự án Sư Tử Nâu, Thăng Long - Đông Đô, Rỗng - Đối Mỗi, Diamond,...
- » Tinh thần làm việc hăng say, vượt khó, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất lan truyền trong mỗi người lao động PV Gas.

Nhưng những thành công trên cũng sẽ là áp lực cho PV Gas trong năm 2014 khi mà một số khó khăn trong năm 2013 vẫn còn kéo dài và còn có cả những thách thức mới chưa thể dự báo hết được. Tuy nhiên, cũng không vì thế mà chúng ta quá e ngại, lo lắng, vì:

- » Việc tăng giá khí dẫn tiếp cận với giá thế giới tiếp tục được thực hiện theo đúng lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;
- » Nhu cầu tiêu thụ khí của khách hàng vẫn ổn định;

- » Hoạt động đầu tư để khai thác nguồn khí mới và nhập khẩu khí từ nước ngoài để bổ sung nguồn cung cấp khí cho thị trường trong nước được PV Gas triển khai tích cực và đồng thời với các dự án đường ống khí Nam Côn Sơn 2 giai đoạn 1, Hàm Rồng - Thái Bình, nhập khẩu LNG, nghiên cứu phát triển chuỗi dự án từ khai thác, xử lý, vận chuyển, phân phối và tiêu thụ khí mỏ Cá Voi Xanh,...;
- » Lợi thế của PV Gas về nhân lực, cơ sở vật chất, tài sản, tài chính, kinh nghiệm, thương hiệu,... là một trong những yếu tố thuận lợi;
- » Công nghiệp khí là 1 trong 5 lĩnh vực kinh doanh chính trong Chiến lược phát triển của PVN;
- » Và không kém phần quan trọng là mỗi cán bộ lãnh đạo của PV Gas luôn phấn đấu với tinh thần trách nhiệm cao nhất để nâng cao năng lực quản trị chuyên nghiệp hiện đại, nhạy bén với những diễn biến của thực tế, có tầm nhìn chiến lược lâu dài, kịp thời ban hành các quyết sách hợp lý; và mỗi người lao động của PV Gas luôn nỗ lực làm việc sáng tạo với ý thức kỷ luật cao nhất để PV Gas đạt được những mục tiêu phát triển không chỉ riêng trong năm 2014, mà còn cả trong dài hạn, luôn là doanh nghiệp hàng đầu của ngành công nghiệp khí Việt Nam, sớm vươn ra khu vực và thế giới, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông.

Thay mặt cho hơn 3.000 CBCNV PV Gas, Ban Lãnh đạo PV Gas xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các khách hàng, đối tác và đặc biệt là Quý cổ đông đã luôn hỗ trợ, ủng hộ, đồng hành cùng PV Gas trong những năm qua và trên hành trình phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tổng Giám đốc

LÊ NHƯ LINH

ĐỖ KHANG NINH



“... PV GAS LUÔN NỖ LỰC LÀM VIỆC SÁNG TẠO VỚI Ý THỨC KỶ LUẬT CAO NHẤT ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC NHỮNG MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KHÔNG CHỈ RIÊNG TRONG NĂM 2014, MÀ CÒN CẢ TRONG DÀI HẠN, LUÔN LÀ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP KHÍ VIỆT NAM, SỚM VƯƠN RA KHU VỰC VÀ THẾ GIỚI, ĐÁP ỨNG KỶ VONG CỦA CỔ ĐÔNG.

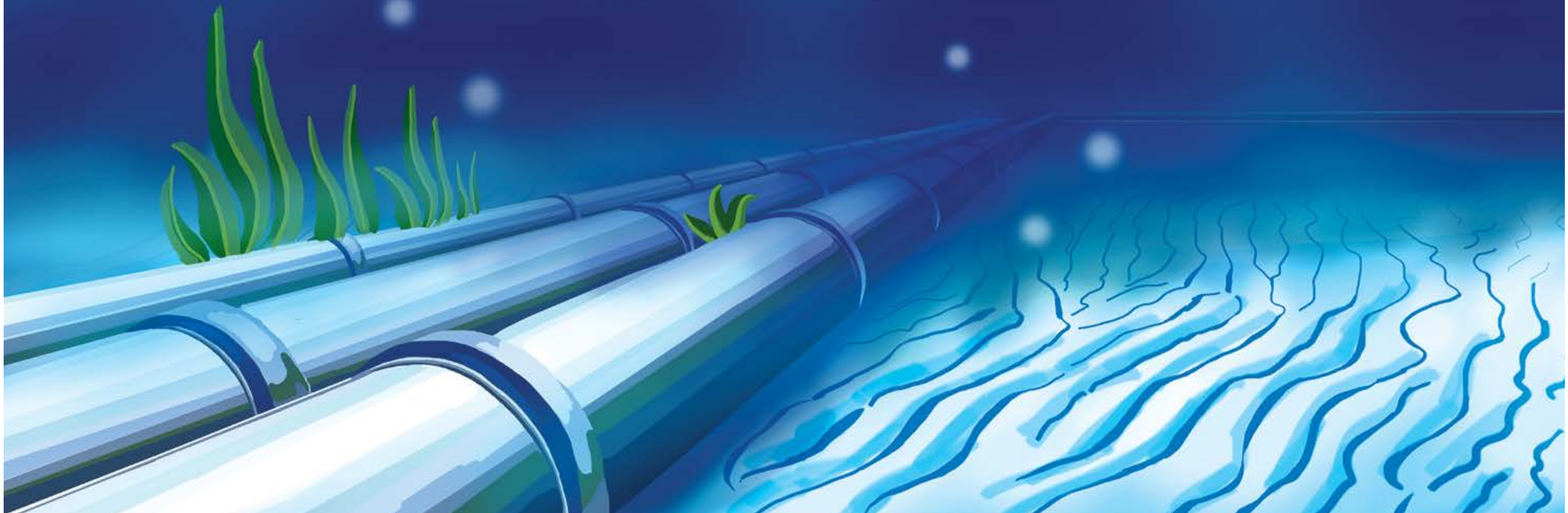
1

GIỚI THIỆU PV GAS

- 12 Ngành nghề kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ
- 14 Lịch sử hình thành và phát triển
- 16 Sự kiện nổi bật năm 2013
- 18 Sơ đồ tổ chức

KHỞI NGUỒN từ BIỂN SÂU

Từ nguồn khí khơi sinh nơi biển sâu, PV Gas là người tiên phong mang nguồn tài nguyên quý giá đó chuyển hóa thành điện năng, khai sinh ngành Công nghiệp khí tại Việt Nam - mở ra thời kỳ mới: Kỷ nguyên của nguồn NĂNG LƯỢNG SẠCH.





“ THÀNH LẬP VÀO NĂM 1990, TRẢI QUA 23 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN, ĐẾN NAY PV GAS TỰ HÀO LÀ CÔNG TY KHÍ HÀNG ĐẦU VIỆT NAM, GÓP PHẦN QUAN TRỌNG VÀO VIỆC PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP KHÍ NƯỚC NHÀ.

Hoạt động chính trong lĩnh vực thu gom, nhập khẩu, vận chuyển, tàng trữ, chế biến, kinh doanh khí và các sản phẩm khí, vận hành 3 hệ thống khí: CỬU LONG, Nam Côn Sơn tại khu vực Đông Nam Bộ, hệ thống khí PM3 tại khu vực Tây Nam Bộ, 2 nhà máy xử lý khí: Dinh Cố, Nam Côn Sơn tại khu vực Đông

Nam Bộ và hệ thống các kho chứa LPG trên khắp cả nước, hằng năm PV Gas cung cấp trên 9 tỷ m³ khí khô, kinh doanh và vận chuyển trên 250.000 tấn Condensate, sản xuất và kinh doanh khoảng 1 triệu tấn LPG cho các nhà máy điện, đạm, pha chế xăng và các công ty kinh doanh LPG.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- » Thu gom, vận chuyển, chế biến, tàng trữ, kinh doanh, xuất nhập khẩu khí và các sản phẩm khí: LNG, CNG, LPG, Condensate; kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến và sử dụng khí và các sản phẩm khí; kinh doanh dịch vụ cảng, kho bãi;
- » Đầu tư cơ sở hạ tầng, hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng đồng bộ, thống nhất trong toàn PV Gas từ khâu nguồn cung cấp đến khâu phân phối bán buôn, bán lẻ trên phạm vi cả nước;
- » Đại lý bao tiêu LPG từ các nhà máy lọc hóa dầu và các nguồn khác của PVN;
- » Nghiên cứu ứng dụng ngành khí, thiết kế, cải tạo công trình khí;
- » Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực khí: vận chuyển khí, sản phẩm khí và vận hành công trình khí, cung cấp ống thép và bọc ống;
- » Tham gia đầu tư các dự án khí thượng nguồn nhằm tăng tính chủ động và hiệu quả cho hoạt động chế biến và kinh doanh sản phẩm khí;
- » Đầu tư tài chính vào các công ty bên ngoài; mua, bán, chuyển nhượng, đàm phán, ký các hợp đồng, dự án, tài sản, công trình khí.

SẢN PHẨM

- » Khí khô, LPG, Condensate, CNG;
- » LNG, Ethane: đang phát triển.

DỊCH VỤ

- » Vận chuyển khí và các sản phẩm khí;
- » Sản xuất ống thép và bọc ống.



3

BỂ KHÍ:

1. CỬU LONG
2. NAM CÔN SƠN
3. MALAY - THỔ CHU



3

HỆ THỐNG KHÍ:

1. Hệ thống khí CỬU LONG (khu vực Đông Nam Bộ) **370km**
2. Hệ thống khí Nam Côn Sơn (khu vực Đông Nam Bộ) **400km**
3. Hệ thống khí PM3 - Cà Mau (khu vực Tây Nam Bộ) **325km**



2

NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ:

1. Nhà máy Dinh Cố
2. Nhà máy Nam Côn Sơn



HỆ THỐNG KHO CHỨA LPG TRÊN CẢ NƯỚC

4

LOẠI KHÍ VÀ SẢN PHẨM KHÍ:

Khí khô, LPG, Condensate và CNG

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG 3 MIỀN BẮC - TRUNG - NAM



09/1990

Thành lập Công ty Khí đốt với nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, chế biến, tàng trữ, kinh doanh khí và các sản phẩm khí.

1990

04/1995

Dòng khí đầu tiên từ bể Cửu Long được đưa vào bờ cung cấp cho hệ tiêu thụ khu vực Đông Nam Bộ.

1995

10/1998

LPG & Condensate lần đầu tiên được sản xuất tại Việt Nam.

1998

12/2002

Dòng khí đầu tiên từ bể Nam Côn Sơn được đưa vào bờ cung cấp cho hệ tiêu thụ khu vực Đông Nam Bộ.

2002

11/2003

Mạng cấp khí thấp áp đầu tiên hoàn thành.

2003

05/2007

Dòng khí đầu tiên từ mỏ PM3 - 46 Cái Nước được đưa vào bờ cung cấp cho hệ tiêu thụ khu vực Tây Nam Bộ.

2007

07/2007

Trở thành Tổng Công ty Khí, hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

2007

05/2011

Trở thành Công ty Cổ phần, vốn điều lệ: 18.950 tỷ đồng.

2011

05/2012

Niêm yết và giao dịch ngày đầu tiên cổ phiếu của PV Gas trên sàn chứng khoán TP. HCM.

2012

Ngày **21/05/2012**
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PV Gas), mã chứng khoán "GAS" chính thức được niêm yết và giao dịch phiên đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE). Đây là bước đột phá của PV Gas, nhằm tăng cường huy động vốn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.



Tiếp nhận nguồn khí mới Hải Thạch - Mộc Tinh từ bể Nam Côn Sơn góp phần tăng nguồn cung cho khu vực Đông Nam Bộ thêm 2 tỷ m³ khí/năm.

Hoàn thành đầu tư và đưa vào vận hành máy nén khí Cà Mau, tăng quyền nhận khí PM3 và sản lượng khí cấp cho các hộ tiêu thụ khu vực Tây Nam Bộ lên 6,2 triệu m³ khí/ngày.

Hoàn thành công tác bảo dưỡng, sửa chữa trong đợt dừng khí hệ thống Nam Côn Sơn, Cửu Long và PM3 - Cà Mau, đảm bảo an toàn và đưa vào vận hành trước thời hạn.

Giá trị cổ phiếu của PV Gas tăng cao và giữ ở mức ổn định trên sàn giao dịch chứng khoán, tạo niềm tin và tâm lý tốt cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

HỆ THỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN CHÀO ĐÓN DÒNG KHÍ THỨ 50 TỶ M³



Hệ thống khí Nam Côn Sơn hoàn thành nâng công suất vận hành lên 22 triệu m³/ngày đêm cùng kỷ niệm 10 năm vận hành an toàn và vận chuyển m³ khí thứ 50 tỷ.



TIẾP NHẬN NGUỒN KHÍ MỚI HẢI THẠCH - MỘC TINH TỪ BỂ NAM CÔN SƠN

ĐƯA VÀO HOẠT ĐỘNG ĐƯỜNG ỐNG KHÍ RỒNG - ĐỔI MỚI MỞ RỘNG



Hoàn thành đầu tư và đưa vào hoạt động đường ống khí Rồng - Đổi Mới mở rộng góp phần bổ sung cho hệ thống khí Cửu Long trên 0,2 triệu m³ khí mỗi ngày.



HOÀN THÀNH ĐẦU TƯ VÀ ĐƯA VÀO VẬN HÀNH MÁY NÉN KHÍ CÀ MAU

HOÀN THÀNH ĐẦU TƯ VÀ ĐƯA VÀO VẬN HÀNH KHO LPG LẠNH THỊ VẢI



Hoàn thành đầu tư và đưa vào vận hành kho LPG lạnh Thị Vải, tăng tính chủ động trong kinh doanh cũng như góp phần bình ổn thị trường LPG trong nước.



HOÀN THÀNH CÔNG TÁC BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA

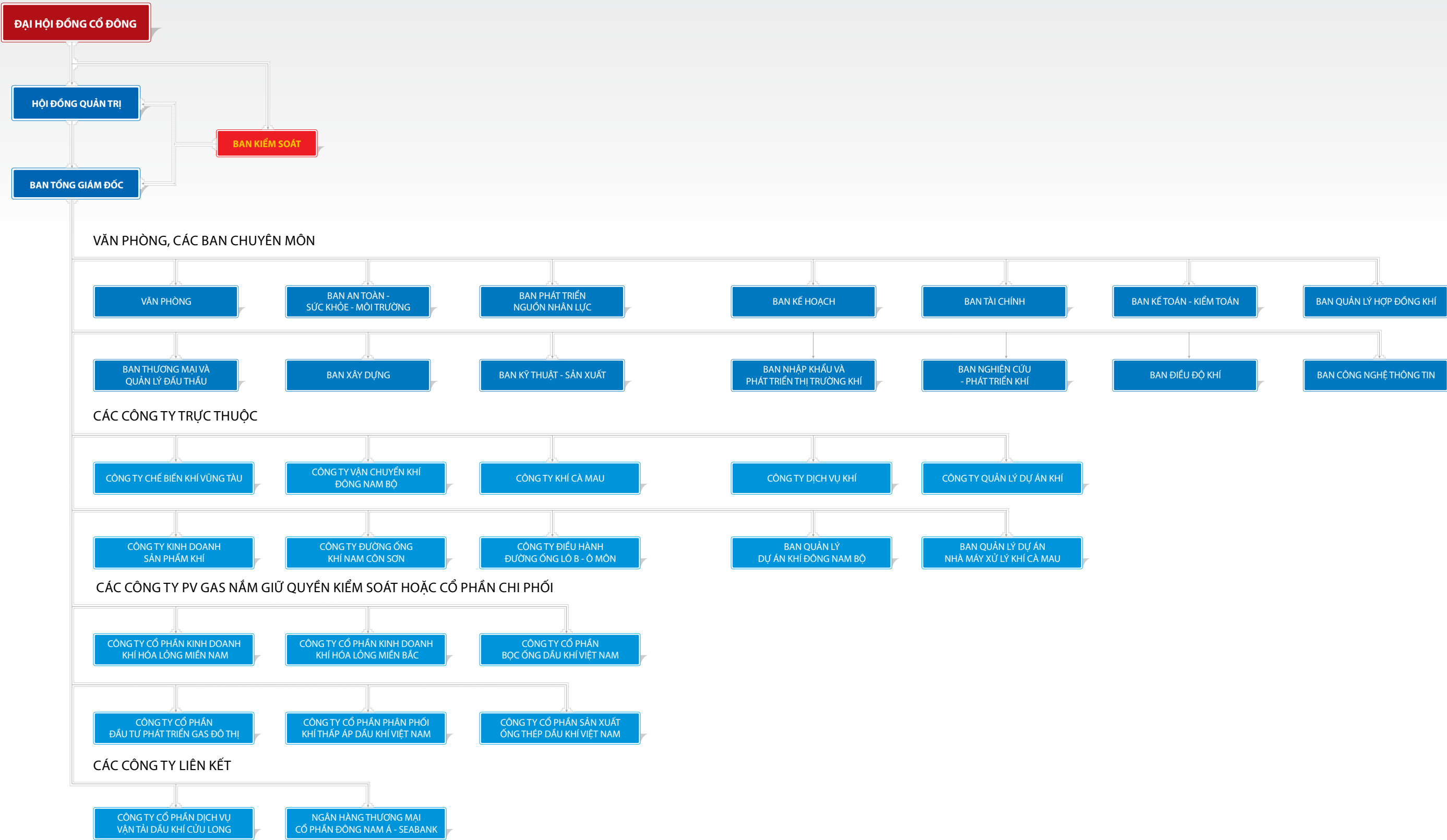
HOÀN THÀNH CÁC CHỈ TIÊU VỀ LỢI NHUẬN VÀ NỢP NGÂN SÁCH



Hoàn thành các chỉ tiêu về lợi nhuận và nộp ngân sách trước kế hoạch năm từ 4 đến 5 tháng.



GIÁ TRỊ CỔ PHIẾU CỦA PV GAS TĂNG CAO VÀ GIỮ Ở MỨC ỔN ĐỊNH



2

BÁO CÁO CỦA LÃNH ĐẠO

- 22 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 24 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 25 Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc
- 28 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 30 Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 32 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 46 Chỉ số tài chính
- 49 Dữ liệu cổ đông



mang **GIÁ TRỊ** **ẨN GIẤU**

Từ những giá trị ẩn giấu trong lòng đại dương, bằng trí óc và sức lao động, PV Gas đã đưa nguồn năng lượng khí thành giá trị đích thực không chỉ cho nền kinh tế, mà còn góp phần nâng cao cuộc sống ngày càng sạch đẹp hơn.

“HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ CÓ 5
THÀNH VIÊN (TỪ
THÁNG 5 - 11/2013
CÓ 4 THÀNH VIÊN
DO 1 THÀNH VIÊN
NGHỈ HƯU THEO
CHẾ ĐỘ), TRONG
ĐÓ 4 THÀNH VIÊN
CHUYÊN TRÁCH
VÀ 1 THÀNH VIÊN
KIỂM NHIỆM
CHỨC DANH
TỔNG GIÁM ĐỐC
PV GAS.

Ông **LÊ NHƯ LINH**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Quá trình công tác

Ông Lê Như Linh đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1994. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT PV Gas, ông Linh đã từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý và lãnh đạo quan trọng tại các đơn vị khác như: Trưởng Ban Đầu tư Phát triển Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PetroVietnam), Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu Khí (PV Drilling), Chủ tịch HĐTV Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil).

Trình độ chuyên môn

» Tiến sĩ Kinh tế Địa chất Dầu khí.

Ông **VŨ ĐÌNH CHIẾN**
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Quá trình công tác

Ông Vũ Đình Chiến đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1977, từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý và lãnh đạo quan trọng tại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PetroVietnam), Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetropet và PV Gas. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT PV Gas, ông Chiến từng đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo quan trọng khác tại PV Gas: Giám đốc, Phó Chủ tịch HĐTV.

Trình độ chuyên môn

» Kỹ sư Cơ khí, Trường Đại học Dầu khí Quốc gia, Cộng hòa Liên bang Nga.

Ông **ĐỖ KHANG NINH**
Thành viên Hội đồng Quản trị,
Tổng Giám đốc



Quá trình công tác

Ông Đỗ Khang Ninh đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1984, từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý và lãnh đạo quan trọng tại Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetropet và PV Gas. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc PV Gas, ông Ninh từng đảm nhiệm nhiều chức vụ lãnh đạo quan trọng khác tại PV Gas: Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc, Thành viên HĐTV, Chủ tịch HĐTV, Chủ tịch HĐQT.

Trình độ chuyên môn

» Thạc sĩ ngành Thiết kế đường ống và kho chứa dầu khí (tốt nghiệp tại CHLB Nga).

Ông **NGUYỄN TRUNG DÂN**
Thành viên Hội đồng Quản trị



Quá trình công tác

Ông Nguyễn Trung Dân đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1980, từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý và lãnh đạo quan trọng tại các đơn vị tiền thân của PV Gas: Ban Quản lý Công trình Dầu khí Vũng Tàu, Công ty Khí đốt, Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm Khí. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT PV Gas, ông Dân từng đảm nhiệm nhiều chức vụ lãnh đạo quan trọng khác tại PV Gas: Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐTV.

Trình độ chuyên môn

» Cử nhân Toán - Cơ lý thuyết (tại Belarus).

Ông **PHAN QUỐC NGHĨA**
Thành viên Hội đồng Quản trị



Quá trình công tác

Ông Phan Quốc Nghĩa đã công tác tại PV Gas từ năm 1999. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT PV Gas, ông Nghĩa từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý và lãnh đạo quan trọng khác tại PV Gas: Trưởng Ban Kinh tế thị trường, Thành viên HĐTV.

Trình độ chuyên môn

» Kỹ sư Cơ khí;
» Cử nhân Anh ngữ;
» Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh;
» Thạc sĩ Kỹ nghệ Công nghiệp (tốt nghiệp tại Thái Lan).

Ông **NGUYỄN ANH TUẤN**
Trưởng Ban Kiểm soát



Quá trình công tác

Ông Nguyễn Anh Tuấn đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1999. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát PV Gas, ông Tuấn từng đảm nhiệm các chức vụ: Trưởng phòng Kế toán Công ty Quản lý Dự án Khí - đơn vị trực thuộc PV Gas, Kiểm soát viên chính.

Trình độ chuyên môn

- » Cử nhân Tài chính Kế toán.

Ông **PHẠM ĐÌNH ĐẠT**
Thành viên Ban Kiểm soát



Quá trình công tác

Ông Phạm Đình Đạt đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1985. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát PV Gas, ông Đạt đảm nhiệm các chức danh: Chuyên viên Ban Kế hoạch, Kiểm soát viên.

Trình độ chuyên môn

- » Cử nhân Kinh tế Kế hoạch.

Bà **HỒ THỊ ÁI THANH**
Thành viên Ban Kiểm soát



Quá trình công tác

Bà Hồ Thị Ái Thanh đã công tác tại PV Gas từ năm 1999 đến nay. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát PV Gas, bà Thanh đảm nhiệm các chức danh: Chuyên viên Ban Kế toán, Kiểm soát viên.

Trình độ chuyên môn

- » Cử nhân Kinh tế Tài chính doanh nghiệp.
- » Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Ông **ĐỖ KHANG NINH**
Thành viên Hội đồng Quản trị,
Tổng Giám đốc



Quá trình công tác

Ông Đỗ Khang Ninh đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1984, từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý và lãnh đạo quan trọng tại Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro và PV Gas. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc PV Gas, ông Ninh từng đảm nhiệm nhiều chức vụ lãnh đạo quan trọng khác tại PV Gas: Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT.

Trình độ chuyên môn

- » Thạc sĩ ngành Thiết kế đường ống và kho chứa dầu khí (tốt nghiệp tại CHLB Nga).

Ông **DƯƠNG MẠNH SƠN**
Phó Tổng Giám đốc thường trực



Quá trình công tác

Ông Dương Mạnh Sơn đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1994, từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý và lãnh đạo tại Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC), Công ty Đăng kiểm Lloyd's Register. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc thường trực PV Gas, ông Sơn từng đảm nhiệm nhiều chức vụ lãnh đạo quan trọng khác tại PV Gas: Trưởng Ban Kỹ thuật Sản xuất, Trưởng Ban Xây dựng, Phó Tổng Giám đốc.

Trình độ chuyên môn

- » Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy - Công nghệ hàn;
- » Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Ông **NGUYỄN QUỐC HUY**
Phó Tổng Giám đốc



Quá trình công tác

Ông Nguyễn Quốc Huy đã công tác tại PV Gas từ năm 1994 đến nay. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc PV Gas, ông Huy từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý và lãnh đạo quan trọng khác tại PV Gas: Phó Giám đốc và Giám đốc Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu - đơn vị trực thuộc PV Gas.

Trình độ chuyên môn

- » Cử nhân Khoa học ngành Tin học;
- » Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Ông **TRẦN HƯNG HIỂN**
Phó Tổng Giám đốc



Quá trình công tác

Ông Trần Hưng Hiến đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1982. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc PV Gas, ông Hiến từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý và lãnh đạo quan trọng khác tại Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC), Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) và đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Quản lý dự án đường ống dẫn khí Phú Mỹ - TP. HCM thuộc Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam (PetroVietnam).

Trình độ chuyên môn

- » Thạc sĩ ngành Xây dựng đường ống, bể chứa dầu khí (tại CHLB Nga);
- » Cử nhân Quản lý Công nghiệp.

Ông **NGUYỄN THANH NGHỊ**
Phó Tổng Giám đốc



Quá trình công tác

Ông Nguyễn Thanh Nghị đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1996. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc PV Gas, ông Nghị từng đảm nhiệm chức vụ quản lý và lãnh đạo quan trọng: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI).

Trình độ chuyên môn

- » Cử nhân Kinh tế Kế hoạch;
- » Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Ông **PHẠM HỒNG LĨNH**
Phó Tổng Giám đốc



Quá trình công tác

Ông Phạm Hồng Lĩnh đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1983. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc PV Gas, ông Lĩnh từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý và lãnh đạo quan trọng tại các đơn vị khác thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam: Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC), Phó Giám đốc Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí (Petrosetco), Phó Giám đốc Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Dầu khí, Trưởng Ban Quản lý Dự án nhà số 1-5 Lê Duẩn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PetroVietnam), Giám đốc Công ty Điều hành đường ống Lô B - Ô Môn.

Trình độ chuyên môn

- » Kỹ sư Xây dựng;
- » Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Ông **BÙI NGỌC QUANG**
Phó Tổng Giám đốc



Quá trình công tác

Ông Bùi Ngọc Quang đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1983. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc PV Gas, ông Quang từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý và lãnh đạo quan trọng tại các đơn vị khác: Phó Giám đốc thứ nhất Công ty Liên doanh ADF - Việt Nam, Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh M-I-Việt Nam, Tổng Giám đốc và Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí (DMC), Trưởng Ban Quản lý Dự án khí Đông Nam Bộ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PetroVietnam).

Trình độ chuyên môn

- » Kỹ sư Khoan - Khai thác Dầu khí.

Ông **HỒ TÙNG VŨ**
Phó Tổng Giám đốc



Quá trình công tác

Ông Hồ Tùng Vũ đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1983. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc PV Gas, ông Vũ từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý và lãnh đạo quan trọng khác tại Công ty Thương mại Dầu khí (Petechim) và chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil).

Trình độ chuyên môn

- » Kỹ sư Kinh tế Dầu khí (tốt nghiệp tại CHLB Nga);
- » Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (tốt nghiệp tại trường Đại học Oklahoma State University của Mỹ).

Ông **NGUYỄN MẬU DŨNG**
Phó Tổng Giám đốc



Quá trình công tác

Ông Nguyễn Mậu Dũng đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1991, từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý và lãnh đạo quan trọng tại Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC), Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí, Công ty CP Tư vấn đầu tư và thiết kế Dầu khí. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc PV Gas, ông Dũng từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý quan trọng khác tại PV Gas: Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam (PV Coating), Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Ống thép Dầu khí (PV Pipe).

Trình độ chuyên môn

- » Kỹ sư Cơ khí;
- » Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Ông **MAI HỮU NGẠN**
Kế toán trưởng



Quá trình công tác

Ông Mai Hữu Ngạn đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1988, từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý và lãnh đạo quan trọng tại Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) và Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco). Trước khi đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng PV Gas, ông Ngạn đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ - đơn vị trực thuộc của PV Gas.

Trình độ chuyên môn

- » Cử nhân Kinh tế – ngành Kế toán.

KHÁI QUÁT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013

NĂM 2013, VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA PV GAS TIẾP TỤC CÓ ĐƯỢC NHỮNG THUẬN LỢI NHẤT ĐỊNH, TUY NHIÊN CŨNG GẶP KHÔNG ÍT NHỮNG KHÓ KHĂN NHƯ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THẤP, NHÀ MÁY LỌC DẦU DUNG QUẤT CUNG CẤP LPG KHÔNG ỔN ĐỊNH, MỘT SỐ DỰ ÁN LỚN THAY ĐỔI PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ/QUY MÔ ĐẦU TƯ (ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN 2, HÀM RỒNG - THÁI BÌNH), TRIỂN KHAI THEO PHƯƠNG ÁN MỚI, TIẾN ĐỘ LUÔN GẤP,...

Với việc nhận định đúng đắn, xác định được những khó khăn của năm mà PV Gas phải đối mặt, ngay từ đầu năm 2013, PV Gas đã tập trung mọi nguồn lực, nỗ lực phấn đấu triển khai tốt các hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả là PV Gas đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch 2013 đã được ĐHĐCĐ thông qua. Đặc biệt,

PV Gas đã về đích sớm, hoàn thành kế hoạch trước 5 tháng đối với chỉ tiêu lợi nhuận, nộp ngân sách trước 4 tháng, doanh thu trước 2 tháng, sản lượng LPG trước 2 tháng và sản lượng khí khô trước 15 ngày. PV GAS tiếp tục nằm trong các doanh nghiệp có quy mô tạo lợi nhuận lớn nhất trên toàn thị trường chứng khoán và 2013 là năm có lợi nhuận cao nhất từ trước đến nay;

tiếp tục là một trong những Tổng Công ty xếp hàng đầu trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam về doanh thu và lợi nhuận (Doanh thu của PV Gas chiếm gần 10% doanh thu của PVN và chiếm trên 2% GDP của cả nước). PV Gas được tạp chí Forbes Việt Nam đánh giá và xếp thứ 2 trong Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam. Cụ thể, kết quả thực hiện năm 2013 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2013	TH 2013/KH 2013	TH 2013/TH 2012
1	Sản lượng khí khô (*)	Tỷ m ³	9,5	105%	103%
2	Sản lượng LPG (**)	Nghìn tấn	1.060,8	115%	103%
3	Sản lượng Condensate	Nghìn tấn	62,2	123%	101%
4	Tổng doanh thu	Nghìn tỷ đồng	65,6	118%	96%
	<i>Trong đó Công ty Mẹ</i>		<i>57,2</i>	<i>114%</i>	<i>95%</i>
5	Nộp ngân sách	Nghìn tỷ đồng	5,8	162%	85%
	<i>Trong đó Công ty Mẹ</i>		<i>5,3</i>	<i>151%</i>	<i>99%</i>
6	Lợi nhuận trước thuế	Nghìn tỷ đồng	15,6	165%	126%
	<i>Trong đó Công ty Mẹ</i>		<i>15,1</i>	<i>161%</i>	<i>126%</i>
7	Lợi nhuận sau thuế	Nghìn tỷ đồng	12,6	164%	125%
	<i>Trong đó Công ty Mẹ</i>		<i>12,2</i>	<i>161%</i>	<i>124%</i>
8	Tỷ suất LNST/VĐL	%	66,5	164%	125%

(*) Cung cấp nguồn nguyên nhiên liệu đầu vào sản xuất gần 40% sản lượng điện toàn quốc và 70% sản lượng phân đạm cả nước.

(**) Nếu tính cả sản lượng LPG của các đơn vị thành viên (trừ phần trùng), năm 2013 toàn PV Gas đã cung cấp ra thị trường trong và ngoài nước trên 1,3 triệu tấn; chiếm trên 70% thị phần trong nước.

Bên cạnh việc vận hành an toàn các công trình khí, hoàn thành công tác bảo dưỡng, sửa chữa lớn các hệ thống khí và đưa vào vận hành an toàn trước thời hạn, hoàn thành toàn bộ các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, năm 2013 có nhiều dự án lớn đã hoàn thành/triển khai tích cực, góp phần quan trọng nâng cao vị thế của PV Gas. PV Gas đã hoàn thành kho LPG lạnh Thị Vải công suất trên 60.000 tấn/năm; hoàn thành đưa vào vận hành máy nén khí Cà Mau, tăng công suất cấp khí khu vực Tây

Nam Bộ lên 6,2 triệu m³ khí/ngày; hoàn thành dự án đường ống khí Rồng - Đồi Mồi mở rộng, tăng sản lượng cấp khí Cửu Long; hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư các dự án đường ống khí Nam Côn Sơn 2 – giai đoạn 1, Đại Hùng, kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải, Hàm Rồng - Thái Bình,...

Cùng với thành công của hoạt động sản xuất kinh doanh chính, lĩnh vực tiền lương, thu nhập và công tác an sinh xã hội cũng đã

đạt kết quả tốt. PV Gas đảm bảo thu nhập của người lao động năm 2013 không thấp hơn năm 2012 và thực hiện các chính sách bảo hiểm tốt nhất cho người lao động mà Nhà nước cho phép. Năm 2013, PV Gas đã dành 1 khoản kinh phí 100 tỷ đồng và 4 ngày lương của tất cả CBCNV PV Gas làm thêm vào 4 ngày thứ 7 cho công tác an sinh xã hội, hỗ trợ rất nhiều chương trình ở các địa phương trong cả nước, góp phần không nhỏ trong công tác an sinh xã hội của Tập đoàn và cả nước.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2014 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo dự báo, kinh tế thế giới vẫn còn nhiều khó khăn, tăng trưởng thấp. Những khó khăn chung của kinh tế thế giới sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến kinh tế Việt Nam và đến hoạt động của các doanh nghiệp Việt Nam.

Đối với PV Gas, nhiệm vụ đặt ra cũng hết sức nặng nề và khó khăn, đó là ngoài việc đảm bảo vận hành an toàn, cấp khí với sản lượng được giao cao nhất từ trước đến nay, trong năm 2014, PV Gas sẽ triển khai đồng loạt nhiều dự án quan trọng với yêu cầu vốn lớn và liên quan đến nhiều bên.

Với đặc điểm tình hình trong và ngoài nước cũng như của riêng PV Gas, để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2014, HĐQT đã xác định những nội dung chính cần thực hiện như sau:

» Tiếp tục tổ chức bộ máy HĐQT làm việc chuyên nghiệp với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Điều hành;

» Duy trì các phiên họp định kỳ theo quy định và tổ chức họp bất thường khi cần thiết để giải quyết

các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời tham gia đầy đủ các phiên họp của Ban Điều hành theo quy định/được mời để cùng Ban Điều hành xử lý kịp thời các công việc;

» Đôn đốc, giám sát chặt chẽ việc triển khai các Nghị quyết của HĐQT;

» Chỉ đạo xây dựng và thực hiện tái cấu trúc PV Gas theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả và tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi;

» Chỉ đạo rà soát tổng thể công tác đầu tư xây dựng, ưu tiên tập trung nguồn lực cho thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm, có hiệu quả;

» Chỉ đạo xây dựng và đưa vào áp dụng văn hóa doanh nghiệp PV Gas, đảm bảo các hoạt động của PV Gas được thực hiện một cách chuyên nghiệp, xứng tầm;

» Chỉ đạo đẩy mạnh nghiên cứu, tìm kiếm đối tác hợp tác chiến lược, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài có chuyên môn sâu và kinh nghiệm về lĩnh vực khí, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của PV Gas.

MỤC TIÊU PHẤN ĐẤU NĂM 2014 LÀ: VẬN HÀNH AN TOÀN, HIỆU QUẢ CÁC CÔNG TRÌNH KHÍ HIỆN CÓ, ĐẢM BẢO TIẾN ĐỘ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ; CUNG CẤP TRÊN 9,5 TỶ M³ KHÍ KHÔ CHO CÁC HỘ TIÊU THỤ, ĐẢM BẢO SẢN LƯỢNG LPG CUNG CẤP CHIẾM TRÊN 70% THỊ PHẦN TOÀN QUỐC, DOANH THU TOÀN PV GAS ĐẠT TRÊN 62 NGHÌN TỶ ĐỒNG VÀ LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ ĐẠT TRÊN 10 NGHÌN TỶ ĐỒNG, TIẾP TỤC LÀ ĐƠN VỊ CHỦ LỰC CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM VÀ ĐẠT ĐƯỢC KỶ VỌNG CỦA CỔ ĐÔNG.

TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2013 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ PV Gas và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, năm 2013, Ban Kiểm soát đã tiến hành thực hiện giám sát các hoạt động của PV Gas cụ thể như sau:

CÔNG TÁC KIỂM TRA, KIỂM TOÁN

- | | | |
|---|--|---|
| <ul style="list-style-type: none">» Ban Kiểm soát tiến hành xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2013 đồng thời thống nhất với HĐQT và đã được HĐQT chấp thuận. Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện kiểm tra, giám sát đơn vị (là các Công ty trực thuộc và Công ty Cổ phần có vốn góp chi phối của PV Gas), và đã phản ánh những kết quả đạt được và những tồn tại, thiếu sót trong hoạt động sản xuất | <ul style="list-style-type: none">kinh doanh tại các đơn vị và nêu kiến nghị, giải pháp khắc phục. Sau mỗi đợt kiểm tra, Ban Kiểm soát báo cáo HĐQT PV Gas để HĐQT ban hành các chỉ thị đối với từng đơn vị; | <ul style="list-style-type: none">nước, của cấp trên như: Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, các đoàn kiểm tra của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| <ul style="list-style-type: none">» Công tác giám sát cũng được thực hiện thông qua các báo cáo định kỳ, đột xuất của các đơn vị, và thông qua kết quả kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý Nhà | <ul style="list-style-type: none">» Định kỳ hàng quý/năm, lập báo cáo kiểm tra giám sát việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính của PV Gas để báo cáo cơ quan cấp trên (PVN). | |

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013

- | | | |
|---|--|---|
| <p>Tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý và cả năm, đảm bảo tính đúng đắn, minh bạch trong các báo cáo, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none">» Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành, lập và nộp báo cáo theo đúng quy định Nhà nước, phản ánh tính đúng đắn và toàn diện hoạt động tài chính của PV Gas;» Báo cáo tài chính năm 2013 của PV Gas đã phản ánh trung thực, | <ul style="list-style-type: none">hợp lý tình hình tài chính của PV Gas tại thời điểm 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013;» Tổ chức quản lý, lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán theo đúng quy định;» PV Gas đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM theo quy định của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; | <ul style="list-style-type: none">» Thực hiện báo cáo quản trị đầy đủ theo quy định của PVN;» Các chỉ số tài chính cho thấy tình hình tài chính năm 2013 của PV Gas là lành mạnh, đảm bảo khả năng thanh toán, bảo toàn và phát triển vốn;» Báo cáo tài chính năm 2013 của PV Gas đã được Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam kiểm toán theo quy định tại Điều lệ PV Gas và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2013. |
|---|--|---|

KẾT QUẢ GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- | | | |
|---|--|--|
| <ul style="list-style-type: none">» Trên cơ sở chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh, HĐQT đã trình ĐHĐCĐ phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 của PV Gas; | <ul style="list-style-type: none">» HĐQT đã ban hành các Nghị quyết liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và tổ chức nhân sự theo đúng quy định | <ul style="list-style-type: none">tại Điều lệ PV Gas. HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc và các phòng, ban chức năng, đơn |
|---|--|--|

vị của PV Gas điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, và đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được ĐHĐCĐ phê duyệt;

» Thực hiện nghiêm túc việc sắp

xếp, ổn định hoạt động của PV Gas theo mô hình Công ty Cổ phần. Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục; thực hiện tái cấu trúc theo Nghị quyết của PVN;

» Tiếp tục công tác thúc đẩy các

hoạt động hợp tác, tìm kiếm cơ hội đầu tư trong và ngoài nước nhằm tìm thêm các nguồn khí, phát triển hệ thống đường ống thu gom, vận chuyển, xây dựng các kho chứa và thị trường tiêu thụ LNG.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- | | | |
|---|---|---|
| <ul style="list-style-type: none">» Ban Tổng Giám đốc đã triển khai, chỉ đạo các đơn vị, phòng ban chức năng phối hợp thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết/Chỉ thị của HĐQT và cố gắng khắc phục các khó khăn, có những biện pháp điều hành sát sao và đã hoàn thành xuất sắc vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013;» Rà soát, đánh giá lại hiệu quả các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án trọng điểm để quyết định đẩy nhanh/dừng hay giãn tiến độ và | <ul style="list-style-type: none">chỉ tiến hành đầu tư khi có hiệu quả, báo cáo PVN quyết định theo phân cấp; đồng thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án khác đang triển khai nhằm đảm bảo thực hiện đúng tiến độ;» Làm việc thường xuyên với các đơn vị để kịp thời chấn chỉnh công tác sản xuất kinh doanh theo định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị; | <ul style="list-style-type: none">» Công tác tuyển dụng tại PV Gas thực hiện theo đúng quy trình, quy chế về tuyển dụng, đúng nhu cầu cần thiết cho công việc. Về đào tạo và phát triển nguồn lực có nhiều chuyển biến tích cực và quản triệт đến từng đơn vị trực thuộc, thành viên, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;» Tiền lương và chế độ chính sách: thực hiện nâng/điều chỉnh lương kịp thời cho CBCNV khi đến thời hạn, thực hiện chi trả lương theo đúng quy định, quy chế hiện hành. |
|---|---|---|

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Giữa Ban Kiểm soát và HĐQT, Ban Tổng Giám đốc PV Gas luôn có sự phối hợp chặt chẽ. Ban Kiểm soát đã nhận được sự hợp tác, tạo điều kiện	từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, như việc cung cấp thông tin, tài liệu, cử cán bộ làm việc với Ban Kiểm soát	khi có yêu cầu. Các báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát đều được gửi tới HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
--	---	--

KẾ HOẠCH KIỂM TRA GIÁM SÁT NĂM 2014 CỦA BAN KIỂM SOÁT

- | | | |
|--|--|--|
| <p>Để thực hiện tốt công tác kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ PV Gas, Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch làm việc năm 2014 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">» Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ PV Gas, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT PV Gas;» Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều | <ul style="list-style-type: none">hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ PV Gas;» Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế, quy trình quản lý nội bộ của PV Gas;» Giám sát các kế hoạch, tình hình triển khai công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư của PV Gas;» Xem xét, thẩm định báo cáo tài | <ul style="list-style-type: none">chính quý, năm của PV Gas;» Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên Ban Kiểm soát tại các đơn vị, với bộ phận kiểm soát nội bộ để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát;» Cử các thành viên trong Ban Kiểm soát tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia đầy đủ các hội nghị chuyên ngành liên quan đến công tác kiểm soát. |
|--|--|--|

“CHỦ ĐỘNG NHÌN NHẬN, ĐÁNH GIÁ ĐƯỢC NHỮNG KHÓ KHĂN THÁCH THỨC, TẬP THỂ LÃNH ĐẠO VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG PV GAS CÀNG QUYẾT LIỆT HƠN TRONG QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH, CÀNG NHIỆT TÌNH, SÁNG TẠO TRONG SẢN XUẤT, KINH DOANH ĐỂ GIẢM THIỂU NHỮNG TÁC ĐỘNG XẤU CỦA TRỞ NGẠI, TẬN DỤNG NHỮNG CƠ HỘI TỐT, PHÁT HUY CÁC THỂ MẠNH ĐỂ KHÔNG CHỈ TĂNG TRƯỞNG MÀ CÒN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.

TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013

Sơ lược đặc điểm môi trường sản xuất kinh doanh của PV Gas:

- » Tình hình chính trị trong khu vực bất ổn, kinh tế trong nước tăng trưởng thấp, điều kiện tín dụng bị thắt chặt, thị trường tiêu thụ giảm sút... làm nhiều doanh nghiệp tại Việt Nam hoạt động cầm chừng, không phát triển được..., ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến nhu cầu tiêu thụ khí của các khách hàng của PV Gas;
- » Nguồn cung cấp LPG từ nhà máy lọc dầu Dung Quất không ổn định làm hoạt động kinh doanh LPG từ nguồn Dung Quất của PV Gas luôn bị động;
- » Hoạt động đàm phán giá khí ở phần thượng nguồn chưa có kết quả; thành phần khí của một số mỏ thay đổi so với dự báo trước đây, buộc PV Gas phải dừng, giãn tiến độ dự án đường ống khí Lô B - Ô Môn, thay đổi phương án đầu tư/quy mô đầu tư các dự án đường ống khí Nam Côn Sơn 2, đường ống khí Hàm Rồng - Thái Bình và khi triển khai lại dự án theo phương án đầu tư mới thì tiến độ luôn gấp.

NĂM 2013, PV GAS ĐÃ HOÀN THÀNH VÀ HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC KẾ HOẠCH NĂM 2013 ĐÃ ĐƯỢC ĐHĐCĐ THÔNG QUA VÀ TĂNG TRƯỞNG SO VỚI NĂM 2012; VỀ ĐÍCH SỚM TRƯỚC 5 THÁNG ĐỐI VỚI CHỈ TIÊU LỢI NHUẬN, TRƯỚC 4 THÁNG ĐỐI VỚI CHỈ TIÊU NỘP NGÂN SÁCH, TRƯỚC 2 THÁNG ĐỐI VỚI CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG LPG, TRƯỚC 15 NGÀY ĐỐI VỚI CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG KHÍ KHÔ; ĐẠT LỢI NHUẬN CAO NHẤT KỂ TỪ KHI THÀNH LẬP ĐẾN NAY.

Chủ động nhìn nhận, đánh giá được những trở ngại này, tập thể lãnh đạo và người lao động PV Gas càng quyết liệt hơn trong quản lý, điều hành, càng nhiệt tình, sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh để giảm thiểu những tác động xấu của trở ngại, tận dụng những cơ hội tốt, phát huy các thể mạnh để không chỉ tăng trưởng mà còn phát triển bền vững. Nhờ vậy, PV Gas đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2013 đã được ĐHĐCĐ thông qua và tăng trưởng so với năm 2012; về đích sớm trước 5 tháng đối với chỉ tiêu lợi nhuận, trước 4 tháng đối với chỉ tiêu nộp ngân sách, trước 2 tháng đối với chỉ tiêu sản lượng LPG, trước 15 ngày đối với chỉ tiêu sản lượng khí khô; đạt lợi nhuận cao nhất kể từ khi thành lập đến nay. Hệ thống khí hoạt động an toàn, ổn định, giúp PV Gas cung cấp nguồn nguyên, nhiên liệu để sản xuất gần 40% sản lượng điện, 70% sản lượng phân đạm toàn quốc, chiếm trên 70% thị phần LPG cả nước; giữ vững vị trí là đơn vị lớn thứ 3 trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam; có lợi nhuận cao nhất trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam; xếp hạng 2 trong số 50 Công ty niêm yết tốt nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam do Forbes Việt Nam bình chọn; xếp hạng thứ 12 trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR500 theo đánh giá của Vietnam Report...

**TOP
12**

TRONG TOP 500
DOANH NGHIỆP
LỚN NHẤT VIỆT
NAM VNR500

50.379
TỶ ĐỒNG
TỔNG TÀI SẢN NĂM 2013

33.358
TỶ ĐỒNG
VỐN CHỦ SỞ HỮU NĂM 2013

18.950
TỶ ĐỒNG
VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2013

KẾT QUẢ NỔI BẬT

ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2013

AN TOÀN, CHẤT LƯỢNG, SỨC KHỎE, MÔI TRƯỜNG VÀ AN NINH

Đảm bảo an toàn, chất lượng, sức khỏe, môi trường và an ninh (AT - CL - SK - MT - AN) luôn là mối quan tâm hàng đầu của PV Gas. Năm 2013, PV Gas đạt trên 6,2 triệu giờ làm việc an toàn tại các cơ sở sản xuất kinh doanh; cả 3 hệ thống khí đều đạt độ tin cậy, sẵn sàng 100%; không xảy ra sự cố ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, an toàn hệ thống khí; tiếp tục thực hiện các chương trình, hoạt động chuyên nghiệp, thường xuyên về AT - CL - SK - MT - AN như:

- » Duy trì hệ thống quản lý tích hợp AT - CL - SK - MT theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008, ISO 14001:2004; BSI đánh giá không có lỗi hệ thống;
- » Tuyên truyền, liên hệ, phối hợp với tất cả các bên có liên quan như: người dân sinh sống xung quanh công trình khí trên bờ, ngoài biển; cơ quan quản lý Nhà nước, đối tác, nhà thầu, khách hàng ở thượng, trung và hạ nguồn; và toàn bộ người lao động của PV Gas;
- » Hiện đại hóa, tăng cường phương tiện, trang thiết bị và ý thức, trình độ chuyên môn, kỹ năng của người lao động;
- » Diễn tập, thực hành, tham gia hội thảo với tình huống điển hình, đặc thù;
- » Cập nhật quy định, quy trình phù hợp với những thay đổi;
- » Duy trì hiệu lực các giấy phép, chứng nhận đã được cấp phép, và hoàn thiện, bổ sung cơ sở vật chất, quy trình, nhân lực... để được cấp thêm các giấy phép, chứng nhận theo các quy định mới của cơ quan quản lý Nhà nước...

VẬN HÀNH, SẢN XUẤT VÀ BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA

Năm 2013, PV Gas duy trì trạng thái vận hành, sản xuất an toàn, ổn định và liên tục 3 hệ thống khí Cửu Long, Nam Côn Sơn và PM3 bao gồm đường ống, nhà máy, trung tâm phân phối khí, kho chứa, cảng xuất; nâng công suất vận hành đường ống Nam Côn Sơn lên 22 triệu m³ khí/ngày vào tháng 5; và tiếp nhận bàn giao và vận hành 4 hạng mục sản xuất mới: Kho lạnh LPG tại Thị Vải vào tháng 3, đường ống khí Hải Thạch - Mộc Tinh vào tháng 9, Rong - Đồi Mồi mở rộng và máy nén khí Cà Mau vào tháng 12.

Kết quả là tổng sản lượng khí về bờ đạt 9.669 triệu m³, sản xuất được 9.469 triệu m³ khí khô, 299.169 tấn LPG và 61.164 tấn Condensate, đều vượt kế hoạch năm 2013 và tăng so với năm 2012, trong đó:

» **KHÍ CỬU LONG:** Khí Bạch Hổ, Rong về bờ giảm. Nhưng bù lại, khí Sư Tử Đen, Vàng, Rạng Đông, Phương Đông, Hải Sư Trắng, Tê Giác Trắng... tăng so với kế hoạch nhờ phối hợp tốt với các chủ mỏ

khí rút ngắn thời gian dừng để bảo dưỡng, sửa chữa, nỗ lực vận hành 5 tổ máy của giàn CPP tại một số thời điểm. Và ngoài ra, do có thêm khí Rong - Đồi Mồi mở rộng nên sản lượng khí Cửu Long năm 2013 không theo xu hướng giảm theo thời gian khai thác mà thậm chí tăng so với năm 2012, đạt 1.422 triệu m³ khí ẩm, giúp sản xuất 1.198 triệu m³ khí khô và tăng đáng kể sản lượng LPG, Condensate;

- » **KHÍ NAM CÔN SƠN:** vẫn vượt trội so với các nguồn khí khác, đạt 6.263 triệu m³ khí về bờ, chiếm 65% tổng sản lượng khí trong điều kiện khí lô 06.1, 11.2 về bờ ổn định, bắt đầu cấp khí Hải Thạch - Mộc Tinh vào tháng 9, và mỏ Chim Sáo hoạt động không ổn định, dừng cấp khí hoàn toàn ngoài kế hoạch từ cuối tháng 8 đến giữa tháng 11 để chủ mỏ khí khắc phục sự cố rò rỉ khí tại hệ thống của chủ mỏ;
- » **KHÍ PM3:** đạt 1.984 triệu m³. Mặc dù phía giàn Talisman có một sự cố ảnh hưởng đến cấp khí vào tháng 2, 3, 7, 10 nhưng PV Gas nỗ lực huy động tối đa nguồn khí vào bờ để tận dụng hết quyền lợi của Việt Nam trong việc khai thác mỏ khí tại khu vực chồng lấn với Malaysia.

SẢN LƯỢNG KHÍ VỀ BỜ VÀ SẢN XUẤT

	ĐVT	2011	2012	KH 2013	TH 2013
Khí về bờ	Tr. m³	8.704	9.347	9.200	9.669
Khí ẩm Cửu Long	Tr. m ³	1.285	1.255	1.269	1.422
Khí Nam Côn Sơn	Tr. m ³	5.869	6.189	6.231	6.263
Khí PM3	Tr. m ³	1.550	1.902	1.700	1.984
Sản xuất					
Khí khô	Tr. m³	8.533	9.175	9.010	9.469
Khí Cửu Long	Tr. m ³	1.114	1.056	1.079	1.198
Khí Nam Côn Sơn	Tr. m ³	5.869	6.216	6.231	6.287
Khí PM3	Tr. m ³	1.550	1.902	1.700	1.984
Condensate	1000T	58	60	51	61
LPG (Dinh Cố)	1000T	245	267	216	299

CƠ CẤU SẢN LƯỢNG KHÍ VỀ BỜ THEO TỪNG HỆ THỐNG KHÍ NĂM 2013

Đơn vị tính: Triệu m³

Khí Cửu Long	1.422	Khí Nam Côn Sơn	6.263	Khí PM3	1.984
Bạch Hổ, Vòm Bắc, Rong, Đồi Mồi	326	06.1	4.345		
Rạng Đông, Phương Đông	209	11.2	1.505		
Sư Tử Đen, Sư Tử Vàng	422	Chim Sáo	118		
Cá Ngừ Vàng	140	Hải Thạch - Mộc Tinh	296		
Hải Sư Trắng, Tê Giác Trắng	325				



Trong năm 2014, khí Hải Thạch - Mộc Tinh được cấp trong cả năm (thay vì chỉ cấp gần 4 tháng và còn gặp sự cố của chủ mỏ khí làm dừng khí Chim Sáo như trong năm 2013), và cùng với sản lượng từ các mỏ khác thuộc bể Cửu Long, Nam Côn Sơn và PM3, PV Gas đảm bảo sẽ tiếp tục đáp ứng đủ nhu cầu khí của khách hàng.

PV Gas đã thực hiện tốt công tác bảo dưỡng, sửa chữa ngăn ngừa, thường xuyên, đột xuất và kiểm định, hiệu

chuẩn đảm bảo hệ thống khí hoạt động ổn định. Một số công việc lớn điển hình sau đây đã thực hiện:

- » Bảo dưỡng, sửa chữa trong đợt dừng khí hệ thống khí PM3 - Cà Mau và Nam Côn Sơn, Cửu Long lần lượt trong các tháng 7 và 9; rút ngắn thời gian thực hiện so với kế hoạch 3 ngày đối với hệ thống khí PM3 - Cà Mau, 2,5 giờ đối với hệ thống khí Nam Côn Sơn và 34 giờ đối với hệ thống khí Cửu Long;

» Phóng thoi đường ống PM3 - Cà Mau, đường ống biển Nam Côn Sơn, 3 đường ống sản phẩm lỏng Dinh Cố - Thị Vải, đường ống dẫn khí Sư Tử Vàng - Bạch Hổ, Bạch Hổ - Dinh Cố, Dinh Cố - Bà Rịa - Phú Mỹ lần lượt vào các tháng 1, 2 và 10;

» Và rất nhiều đầu việc bảo dưỡng, sửa chữa ngăn ngừa, thường xuyên, đột xuất và kiểm định hiệu chuẩn khác.

KẾT QUẢ NỔI BẬT ĐẠT ĐƯỢC

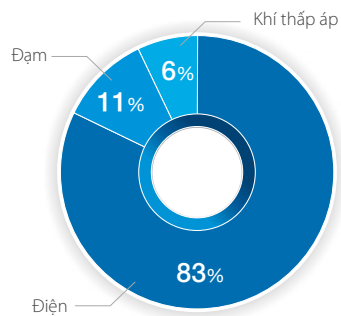
TRONG NĂM 2013 (tiếp theo)

KINH DOANH

9.469

TRIỆU M³

KHÍ KHÔ NĂM 2013



KHÍ KHÔ: Năm 2013, điều kiện thời tiết mưa rất lớn và nhiều vào những tháng mùa mưa, thuận lợi cho EVN huy động thủy điện nhiều hơn, đồng thời hoạt động sản xuất của các khách hàng công nghiệp sử dụng khí thấp áp vẫn chưa phục hồi đáng kể do kinh tế khó khăn làm cho nhu cầu khí của các nhà máy điện sử

dụng nhiên liệu khí và khách hàng công nghiệp không ổn định. Nhưng PV Gas đã nỗ lực ổn định, điều độ khí linh hoạt, hợp lý và cung cấp được 9.469 triệu m³, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2013 và sản lượng thực hiện năm 2012, trong đó khách hàng điện chiếm tỷ trọng 83%, đạm 11% và công nghiệp 6%.

SẢN LƯỢNG KHÍ TIÊU THỤ THEO CƠ CẤU KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: Triệu m³

	2011	2012	KH 2013	TH 2013	Cơ cấu TH 2013
Tổng sản lượng	8.533	9.175	9.010	9.469	100%
Điện	7.472	8.016	7.417	7.845	83%
Đạm	527	545	983	1.011	11%
Khí thấp áp	534	613	610	613	6%

LPG: Trái ngược với xu hướng tăng giá của năm trước, thị trường LPG thế giới năm 2013 diễn biến theo chiều ngược lại, theo đó, giá CP trung bình năm 2013 là 871 USD/tấn, giảm 45 USD so với năm 2012 (CP tháng 5 thấp nhất 755 USD/tấn, CP tháng 12 cao nhất 1.162,5 USD/tấn). Nguồn hàng LPG dồi dào đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ trên toàn thế giới. Do đó, thị trường LPG châu Á cũng không bị thiếu hàng, kéo theo là giá không tăng mà giảm.

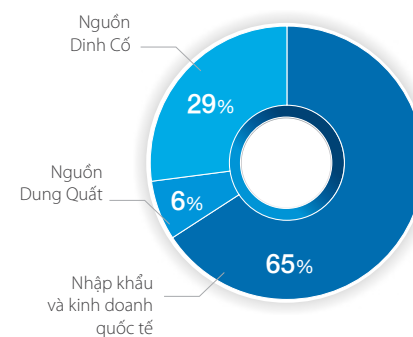
Thị trường LPG Việt Nam đã tăng sản lượng tiêu thụ so với năm 2012, khoảng 1,3 triệu tấn, trong đó, nguồn hàng từ Nhà máy xử lý khí Dinh Cố và Nhà máy lọc dầu Dung Quất đáp ứng trên 50% sản lượng; nguồn hàng nhập khẩu (từ Trung Đông và các nước lân cận như Trung Quốc, Malaysia, Đài Loan, Singapore, Indonesia,...) đáp ứng gần 50% nhu cầu còn lại.

Đối với PV Gas, nhờ tăng đáng kể nguồn LPG do Nhà máy xử lý khí Dinh Cố sản xuất và hoạt động nhập khẩu, kinh doanh LPG quốc tế ổn định nên đã bù đắp được phần giảm sản lượng LPG do Nhà máy lọc dầu Dung Quất sản xuất, giúp hoạt động kinh doanh LPG của PV Gas tiếp tục được duy trì ở mức cao và hiệu quả, cung cấp ra thị trường trong và ngoài nước 1.060.811 tấn, và đạt trên 1,3 triệu tấn nếu tính cả sản lượng LPG của PV Gas South, PV Gas North, PV Gas City (đã trừ phần trùng), chiếm trên 70% thị phần LPG toàn quốc. Lợi thế về cơ sở vật chất, nguồn hàng, đội ngũ nhân viên và đối tác kinh doanh LPG giúp PV Gas tiếp tục giữ vững vị trí là nhà sản xuất và kinh doanh LPG số 1 tại thị trường Việt Nam; và là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam có khả năng nhập khẩu LPG lạnh từ Trung Đông.

SẢN LƯỢNG LPG TIÊU THỤ THEO CƠ CẤU NGUỒN HÀNG

Đơn vị tính: Nghìn tấn

Năm	2011	2012	KH 2013	TH 2013	Cơ cấu TH 2013
Sản lượng Công ty mẹ	1.166	1.027	920	1.061	100%
Nguồn Dinh Cố	244	258	216	302	29%
Nguồn Dung Quất	66	105	102	66	6%
Nhập khẩu và kinh doanh quốc tế	856	664	602	693	65%
Sản lượng hợp nhất	1.350	1.275		1.326	



CONDENSATE: Hoạt động kinh doanh Condensate bán cho PV Oil thực hiện bình thường theo hợp đồng dài hạn với sản lượng 62.200 tấn trong năm 2013.

SẢN LƯỢNG CONDENSATE TIÊU THỤ

Đơn vị tính: Nghìn tấn

Năm	2011	2012	KH 2013	TH 2013
Sản lượng	58	61	51	62

62.200

TẤN

CONDENSATE NĂM 2013

Vận chuyển: PV GAS đã vận chuyển 6.287 triệu m³ khí và 178.550 tấn Condensate Nam Côn Sơn, đáp ứng 100% yêu cầu của bên thuê.

Hợp đồng khí mới: PV Gas đã ký kết một số hợp đồng khí mới: các hợp đồng mua bán, vận chuyển khí Hải Thạch - Mộc Tinh bắt đầu có hiệu lực vào tháng 9; hợp đồng bán khí để nâng cao hiệu suất thu hồi dầu với Công ty Dầu khí Việt Nhật và hợp đồng bán khí Ethane với Công ty lọc hóa dầu Long Sơn để chuẩn bị cho hoạt động bán khí trong các năm tiếp theo.

1.060.811

TẤN

LPG NĂM 2013

KẾT QUẢ NỔI BẬT ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2013 (tiếp theo)

“PV GAS ĐÃ TRIỂN KHAI CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ 7 DỰ ÁN NHÓM A, 15 DỰ ÁN NHÓM B VÀ CÁC DỰ ÁN NHÓM C; GIẢI NGÂN 2.334 TỶ ĐỒNG, BẰNG 79% KẾ HOẠCH NĂM DO TẠM DỪNG/GIÃN TIẾN ĐỘ MỘT SỐ DỰ ÁN LỚN, CHỜ KẾT QUẢ ĐÀM PHÁN GIÁ KHÍ Ở KHÂU THƯỢNG NGUỒN, HOẶC THAY ĐỔI PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ, ĐÁNH GIÁ LẠI HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ PHÙ HỢP VỚI VIỆC THAY ĐỔI SỐ LIỆU VỀ THÀNH PHẦN KHÍ. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỢC TRIỂN KHAI TÍCH CỰC, TẬP TRUNG CHO CÁC DỰ ÁN LỚN.



ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

THU GOM KHÍ: xây dựng các đường ống mới để thu gom khí ở các mỏ mới, bổ sung nguồn cung cấp khí cho thị trường tiêu thụ;

» Đường ống khí Rồng - Đồi Mỏ mở rộng: hoàn thành đầu tư; bắt đầu cấp khí từ tháng 12;

» Đường ống khí Nam Côn Sơn 2: lập và trình duyệt báo cáo phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 (mỏ Thiên Ứng), thiết kế FEED cập nhật, kế hoạch đấu thầu tổng thể, hồ sơ đấu thầu các gói thầu cung cấp ống thép và bọc ống, gói EPC đường ống biển giai đoạn 1; thời gian dự kiến hoàn thành đầu tư giai đoạn 1 là năm 2015;

» Đường ống khí Đại Hùng: lập và trình duyệt dự án đầu tư; khảo sát phục vụ thiết kế; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch đấu thầu tổng thể; ký kết hợp đồng ủy thác đầu tư trên giàn Thiên Ứng, Đại Hùng; phát hành hồ sơ đấu thầu gói cung cấp máy nén; thời gian dự kiến hoàn thành đầu tư là năm 2015;

» Đường ống khí Lô B - Ô Môn: tạm dừng triển khai chờ kết quả đàm phán giá khí ở khâu thượng nguồn, nhưng vẫn tiếp tục triển khai một số công việc cần thiết để chuẩn bị sẵn sàng tái khởi động dự án. Cụ thể là đã hoàn thành 100% thiết kế chi tiết và 30% công tác xử lý nền trạm Ô Môn, thực hiện các thủ tục để triển khai tiếp công tác xử lý nền, đền bù;

» Đường ống khí Hàm Rồng - Thái Bình: lập và trình duyệt dự án đầu tư và kế hoạch đấu thầu điều chỉnh; thời gian dự kiến hoàn thành đầu tư là năm 2015.

2.334

TỶ ĐỒNG

SỐ TIỀN GIẢI NGÂN
XÂY DỰNG CÁC DỰ
ÁN TRONG NĂM 2013



NHẬP KHẨU KHÍ: để bổ sung nguồn cung cấp khí cho thị trường trong tương lai khi nguồn cung trong nước nhỏ hơn nhu cầu tiêu thụ, dự án được triển khai theo 2 giai đoạn:

» Kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải: lập và phê duyệt dự án đầu tư, kế hoạch đấu thầu điều chỉnh; chuẩn bị đấu thầu gói EPC và các gói thầu liên quan; thời gian dự kiến hoàn thành đầu tư là năm 2017;

» Kho chứa, cảng LNG 3 - 6 triệu tấn/năm tại Sơn Mỹ - một dự án thành phần quan trọng của Tổ hợp khí - điện quốc gia tại Sơn Mỹ, Bình Thuận: Đề án quy hoạch tổng thể phát triển chuỗi khí - điện sử dụng LNG tại Sơn Mỹ đã được Thủ tướng và Bộ Công Thương thông qua. PV Gas đang triển khai thực hiện thiết kế cơ sở theo ý kiến của Bộ Công Thương. Ngoài ra, PV Gas cũng đã hoàn thành báo cáo mô hình cung cấp LNG, phương án thu xếp nguồn cung, cơ chế giá khí cho dự án chuỗi khí - điện Sơn Mỹ và trình PVN và Bộ Công Thương.

TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CHẾ BIẾN, TÀNG TRỮ KHÍ, SẢN PHẨM KHÍ.

» Kho lạnh LPG Thị Vải: hoàn thành đầu tư, bắt đầu vận hành vào tháng 3.

» Nâng cấp kho chứa LPG Đình Vũ - Hải Phòng: phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo đánh giá định lượng rủi ro, đấu thầu và ký kết các hợp đồng liên quan.

» Nhà máy xử lý khí Cà Mau: hoàn thành đầu tư máy nén khí (để tăng công suất đường ống khí PM3 - Cà Mau), bắt đầu vận hành từ tháng 12; tạm dừng triển khai hạng mục nhà máy trong khi chờ kết quả đàm phán giá khí Lô B - Ô Môn, đồng thời xem xét thêm giải pháp tối ưu hóa công nghệ và phương án đầu tư theo giai đoạn.

» Tách Ethane từ nguồn khí Cửu Long và Nam Côn Sơn: hoàn thành 60% khối lượng công việc lập dự án đầu tư.

THANH QUYẾT TOÁN dây chuyền cấp khí cho nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Đường ống khí Tê Giác Trắng - Bạch Hổ, Sư Tử Đen/Sư tử Vàng - Rạng Đông, Rồng - Đồi Mỏ, Phú Mỹ - TP. HCM, Kho LPG Dung Quất, Tòa nhà PV Gas Tower,...



3.388

NGƯỜI

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG TẠI
CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH,
CÔNG TY TRỰC THUỘC
VÀ THÀNH VIÊN, TRONG
ĐÓ CÔNG TY MẸ LÀ
1.110 NGƯỜI.



KẾT QUẢ NỔI BẬT ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2013 (tiếp theo)

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Đến 31/12/2013, cơ cấu tổ chức của PV Gas bao gồm ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, 14 Ban Chuyên môn, 10 Công ty trực thuộc trực tiếp sản xuất kinh doanh, quản lý đầu tư xây dựng và 6 Công ty Cổ phần, 2 Công ty liên kết hoạt động trong các ngành nghề liên quan đến lĩnh vực hoạt động, ngành nghề kinh doanh được chuyên môn hóa, phân vùng thị trường kinh doanh cụ thể, không chồng chéo, chống lẫn.

Một số thay đổi lớn về tổ chức nhân sự phù hợp với nhu cầu thực tế của hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Gas như sau:

THAY ĐỔI NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

» Tại cuộc họp thường niên năm 2013, ĐHĐCĐ PV Gas đã thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT đối với bà Nguyễn Thị Lan và thông qua việc ông Đỗ Khang Ninh - Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT (kiêm nhiệm).

» Ngoài ra, căn cứ Điều lệ PV Gas, Biên bản họp HĐQT số 211, 212/BB-KVN ngày 6/12/2013, HĐQT đã ban hành các Quyết định, Nghị quyết ngày 6/12/2013 về việc bổ nhiệm ông Lê Như Linh giữ chức thành viên HĐQT, ông Đỗ Khang Ninh thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT để giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc và bầu ông Lê Như Linh giữ chức Chủ tịch HĐQT.

» Không có thay đổi các nhân sự khác trong BKS, Ban TGD và KTT.

SẮP XẾP CƠ CẤU TỔ CHỨC

» Giải thể Ban Điều hành dự án tòa nhà PV Gas Tower sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ đầu

tư xây dựng tòa nhà PV Gas Tower. Tòa nhà PV Gas Tower đang là trụ sở chính của PV Gas.

» Sáp nhập Ban Phát triển nguồn và thị trường khí và Ban Chuẩn bị nhập khẩu khí để thống nhất nhiệm vụ quản lý và điều hành các hoạt động phát triển nguồn khí, sản phẩm khí.

» Sắp xếp cơ cấu tổ chức và cắt giảm lao động tại Công ty điều hành đường ống Lô B - Ô Môn (BPOC) phù hợp với khối lượng công việc hiện nay của dự án đường ống khí Lô B - Ô Môn mà BPOC đang thực hiện. (Dự án đường ống khí Lô B - Ô Môn tạm dừng triển khai trong khi chờ kết quả đàm phán giá khí ở khâu thượng nguồn; triển khai một số công việc cần thiết để chuẩn bị sẵn sàng tái khởi động dự án).

LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

Tính đến ngày 31/12/2013, tổng số lao động tại cơ quan điều hành, các công ty trực thuộc và thành viên là 3.388 người; trong đó, Công ty mẹ là 1.110 người. PV Gas duy trì được năng suất lao động cao, thể hiện thông qua con số tăng trưởng lợi nhuận. Nhờ vậy, người lao động xứng đáng được hưởng tiền lương, thu nhập ổn định và các chế độ đãi ngộ khác (Chi tiết xem mục Con người và Doanh nghiệp).

Thù lao, lương thưởng của HĐQT và Ban Kiểm soát thực chi trong năm 2013 theo đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 về đối tượng và giá trị.

PV Gas đã tổ chức đào tạo 6.495 lượt người với kinh phí 24,1 tỷ đồng; trong đó, chú trọng hơn đến đào tạo chuyên sâu và định hướng chuyên gia, đào tạo nội bộ và đào tạo tại chỗ, mời các nhà đào tạo nước ngoài có uy tín để tăng chất lượng đào tạo, bố trí số lượng người tham gia và sử dụng hợp lý chi phí đào tạo.

KẾT QUẢ NỔI BẬT ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2013 (tiếp theo)

ĐỔI MỚI, TÁI CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

PV Gas tiếp tục thực hiện quá trình đổi mới và tái cấu trúc doanh nghiệp theo phương án tái cơ cấu PV Gas giai đoạn 2012 - 2015 để có những điều chỉnh phù hợp về mặt cơ cấu, tổ chức, chức năng, nhiệm vụ trong toàn PV Gas nhằm củng cố và tập trung hơn nữa vào ngành nghề kinh doanh chính của PV Gas và các ngành nghề hỗ trợ trực tiếp cho ngành nghề kinh doanh chính của PV Gas.

Giải thể PSCC

Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên



năm 2013 tổ chức vào 01/04/2013, Người đại diện phần vốn góp của PV Gas tại PSCC và ĐHĐCĐ PSCC đã biểu quyết thông

qua Nghị quyết về phương án giải thể PSCC và giao cho HĐQT PSCC chỉ đạo thực hiện các công việc tiếp theo, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành. Đến tháng 12, PSCC đã hoàn thành các thủ tục cần thiết và nộp bộ hồ sơ giải thể PSCC cho Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

Bán toàn bộ phần vốn góp của PV Gas tại PV Gas Cylinder cho PV Gas South

Tháng 10, PV Gas đã ký hợp đồng bán toàn bộ cổ phần của PV Gas tại PV Gas Cylinder cho PV Gas South.

Mua cổ phần tại PV PIPE

Tháng 6 và 11, PV Gas đã góp vốn bổ sung để tăng vốn điều lệ và mua thêm cổ phần tại PV Pipe, nâng tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại PV Pipe lên 99%.



VỚI NHỮNG HỖ
TRỢ THIẾT THỰC,
KỊP THỜI TỪ
PV GAS - CÔNG
TY MẸ, CỔ ĐÔNG
LỚN VÀ NỖ LỰC
CỦA CHÍNH
CÔNG TY CỔ
PHẦN, HOẠT
ĐỘNG CỦA CÁC
CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐẠT KẾT
QUẢ KHÁ TỐT,
CÙNG GÓP
PHẦN XÂY
DỰNG NGÀNH
CÔNG NGHIỆP
KHÍ VIỆT NAM.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

Với sự hỗ trợ thiết thực, kịp thời từ PV Gas - Công ty mẹ, cổ đông lớn và nỗ lực của chính Công ty Cổ phần, hoạt động của các Công ty Cổ phần đạt kết quả khá tốt, cùng góp phần xây dựng ngành công nghiệp khí Việt Nam.

PV Gas D, PV Gas South, PV North, PV Coating kinh doanh hiệu quả, có lợi nhuận cao. PV Gas D đang đầu tư đường ống khí thấp áp Tiên Hải - Thái Bình để cấp khí thấp áp cho các khách hàng công nghiệp tại tỉnh Thái Bình cũng như hợp tác với PV Gas North kinh doanh CNG tại các vùng lân cận, mở ra một thị trường kinh doanh mới cho PV Gas D tại thị trường miền Bắc. PV Gas South và PV Gas North cùng chiếm thị phần bán lẻ LPG lớn nhất nước, khoảng 30%. Riêng PV Gas South cùng Công ty con CNG Việt Nam vẫn chiếm lĩnh thị trường kinh doanh CNG tại khu vực Đồng Nam Bộ, cung cấp cho các khách hàng công nghiệp và phương tiện giao thông vận tải. Còn PV Gas North, trên cơ sở hợp tác với PV Gas D sẽ bắt đầu kinh doanh CNG tại tỉnh Thái Bình và các vùng lân cận từ năm 2015, 2016, giúp PV Gas North đa dạng hóa sản phẩm và có thêm lợi nhuận.

Công tác bọc ống, bàn giao ống bọc thành phẩm của PV Coating cho chủ đầu tư của các dự án thực hiện theo đúng tiến độ cam kết và đảm bảo chất lượng. Đặc biệt, trong tháng 11, PV Coating đã ký hợp đồng bọc ống cho dự án Sư Tử Nâu với trị giá gần 18 triệu USD, thời gian thực hiện trong 2 năm 2013 và 2014, giúp PV Coating ngày càng nâng cao uy tín trong lĩnh vực bọc ống, là điều kiện thuận lợi để PV Coating niêm yết cổ phiếu tại HNX vào tháng 12.

Tuy chưa thể phát triển nhanh được hoạt động đầu tư và kinh doanh hệ thống gas trung tâm cho các khu đô thị, chung cư do thị trường bất động sản còn trầm lắng, làm ảnh hưởng dây chuyền đến



tiến độ triển khai các dự án của mình, nhưng PV Gas City vẫn đạt lợi nhuận năm 2013 tăng cao so với năm 2012 do những nỗ lực của mình trong điều hành hoạt động kinh doanh, kiểm soát chi phí. Hiện nay, PV Gas City đang tập trung các nguồn lực để đẩy nhanh dự án cấp CNG cho khu đô thị Phú Mỹ Hưng, tạo bước khởi sắc cho hoạt động kinh doanh của PV Gas City.

Sau khi hoàn thành đầu tư nhà máy sản xuất ống thép, PV Pipe đã được các tổ chức thế giới cấp chứng nhận hệ thống quản lý HSE theo ISO 14001 & OHSAS 18001, chứng chỉ API 2B, API 5L - là những điều kiện cần thiết để PV Pipe tham gia đấu thầu và ký kết hợp đồng sản xuất ống thép trong và ngoài ngành Dầu khí. Năm 2013, PV Pipe đã sản xuất và bàn giao xong những lô hàng đầu tiên cho khách hàng, khẳng định năng lực và tính sẵn sàng của PV Pipe trong hoạt động sản xuất ống cho dự án đường ống khí Nam Côn Sơn 2 giai đoạn 1, Đại Hùng và các khách hàng ngoài ngành khác trong năm 2014.

18
TRIỆU USD

GIÁ TRỊ HỢP
ĐỒNG BỌC ỐNG
CHO DỰ ÁN SƯ
TỬ NÂU CỦA PV
COATING TRONG
2 NĂM 2013
VÀ 2014

KẾT QUẢ NỔI BẬT ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2013 (tiếp theo)

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, SÁNG KIẾN CẢI TIẾN KỸ THUẬT

Hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật ngày càng có tính thực tiễn cao, đem lại lợi ích kinh tế thiết thực, tức thời cũng như chuẩn bị cho hoạt động sản xuất kinh doanh mới của PV Gas trong những năm tiếp theo như kinh doanh LNG nhập khẩu, phát triển mỏ khí có hàm lượng CO₂ cao. Cụ thể là:

» Hoàn thành 3 đề tài: Nghiên cứu nhập khẩu LNG để phát triển thị trường khí miền Bắc và miền Trung; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất nhiên liệu lỏng sử dụng

khí Cá Voi Xanh; Nghiên cứu công nghệ xử lý khí có hàm lượng CO₂ cao - Áp dụng cho mỏ Cá Voi Xanh;

» Hoàn thành báo cáo thu gom khí mỏ biên bằng FLNG, FCNG, FGTL;

» Lập quy hoạch hệ thống tiếp nhận và phân phối LNG tại Việt Nam;

» Biên dịch và biên soạn TCVN cho kho LNG vệ tinh - Hệ thống thiết bị và lắp đặt;

» Phối hợp với Công ty UOP tổ chức hội thảo về công nghệ chế biến khí nhiều CO₂ và các giải pháp tăng trưởng hiệu quả các dự án khí; với Công ty DNV tổ chức hội thảo về

tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn cho phát triển dự án LNG tại Việt Nam;

» Đang triển khai xây dựng tiêu chuẩn Việt Nam về hệ thống đo lường áp dụng trong hệ thống cung cấp khí dân dụng (LPG, khí tự nhiên, LNG) cho các khu đô thị;

» Cập nhật và ban hành Tiêu chuẩn cơ sở cho LPG,...

Như truyền thống của các năm trước, phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất được phát động đến từng đơn vị, bộ phận và được toàn thể CBCNV PV Gas hưởng ứng sôi nổi, thiết thực, làm lợi cho PV Gas hàng trăm tỷ đồng.



CÔNG TY MẸ

LỢI NHUẬN CỦA NĂM 2013 VƯỢT QUA CẢ CON SỐ LỢI NHUẬN NĂM 2012, LỚN NHẤT TRÊN SÀN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM. KHÉP LẠI NĂM 2013 LÀ CON SỐ LỢI NHUẬN LỚN NHẤT TỪ KHI THÀNH LẬP ĐẾN NAY: 15.088 TỶ ĐỒNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ, 12.242 TỶ ĐỒNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ.

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2013
Doanh thu	Tỷ đồng	57.168
<i>bao gồm:</i>		
Bán khí Cửu Long	Tỷ đồng	8.334
Bán khí Nam Côn Sơn	Tỷ đồng	22.453
Bán LPG	Tỷ đồng	21.573
Bán Condensate	Tỷ đồng	461
Vận chuyển khí PM3	Tỷ đồng	1.572
Vận chuyển khí Nam Côn Sơn	Tỷ đồng	2.438
Vận chuyển Condensate Nam Côn Sơn	Tỷ đồng	31
Khác	Tỷ đồng	307

TÀI CHÍNH

Doanh thu của năm 2013 thấp hơn không nhiều so với năm 2012, mặc dù trong năm 2013 đối với sản lượng khí PM3 thì PV Gas chỉ có doanh thu vận chuyển khí PM3 với vai trò là bên vận chuyển. Bởi vì, doanh thu bán khí Cửu Long, khí Nam Côn Sơn, bán Condensate, vận chuyển khí và Condensate đều tăng so với năm 2012 và hơn nữa đơn giá bán tăng, phù hợp với lộ trình tăng giá bán khí trong nước, dẫn tiếp cận với giá thế giới. Riêng doanh thu LPG thấp hơn năm 2012 do sản lượng và giá bán giảm tương ứng với mức giảm giá CP bình quân.

Lợi nhuận của năm 2013 vượt qua cả con số lợi nhuận năm 2012, lớn nhất trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam và là con số lợi nhuận lớn nhất từ khi thành lập đến nay: 15.088 tỷ

đồng lợi nhuận trước thuế, 12.242 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Điều này cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Gas đang trong giai đoạn rất ổn định; sản lượng khí năm sau cao hơn năm trước; quyền lợi của PV Gas và cổ đông được đảm bảo hơn từ lộ trình tăng giá bán khí trong nước, dẫn tiếp cận với giá thế giới; chi phí hoạt động luôn được quản lý chặt chẽ, tiết giảm được hàng tỷ đồng từ việc phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất. Ngoài ra, PV Gas đã hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ 1.146 tỷ đồng. Nhưng trên hết, đội ngũ cán bộ quản lý và lực lượng lao động của PV Gas là nhân tố quan trọng tạo nên kết quả ấn tượng này.

Công tác thu xếp vốn được triển khai tích cực, bám sát tiến độ của từng dự án và có kết quả tốt nhờ uy tín của PV Gas và hiệu quả kinh

tế của các dự án đầu tư có nhu cầu vốn vay, mặc dù điều kiện tín dụng bị thắt chặt. Cụ thể là PV Gas đã ký hợp đồng tín dụng thu xếp vốn cho dự án kho LPG lạnh Thị Vải, đường ống khí Rồng - Đồi Mồi mở rộng, kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải; ký thư ủy nhiệm với Ngân hàng Cathay United và đang tiếp tục làm việc để hoàn thiện thủ tục thu xếp vốn cho một số dự án lớn khác trong giai đoạn 2013 - 2015.

Đầu tư tài chính: Hầu hết các Công ty cổ phần có phần vốn góp của PV Gas đều đạt lợi nhuận cao hơn năm 2012, đóng góp cho lợi nhuận của PV Gas - Công ty mẹ. Có 5 Công ty cổ phần đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, trong đó cổ phiếu của PV Gas D, PV Gas South, PV Gas North, PV Coating thu hút được sự quan tâm của các nhà đầu tư.

PV GAS HỢP NHẤT

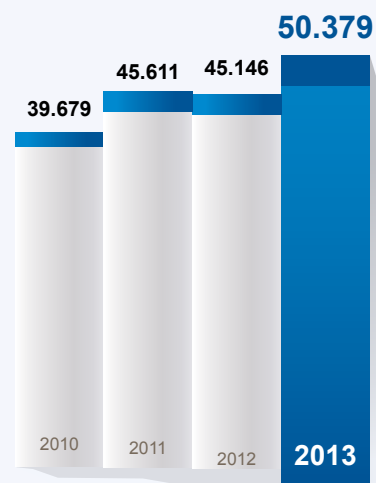
Hoạt động sản xuất kinh doanh tốt, tình hình tài chính lành mạnh

của cả PV Gas - Công ty mẹ và các Công ty thành viên, liên kết đã gặt hái được kết quả tài chính toàn PV Gas với doanh thu hợp nhất

65.597 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất 15.583 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hợp nhất 12.596 tỷ đồng.

TỔNG TÀI SẢN

(TỶ ĐỒNG)



7% CAGR

Tỷ lệ tăng trưởng
bình quân từ năm 2010 - 2013

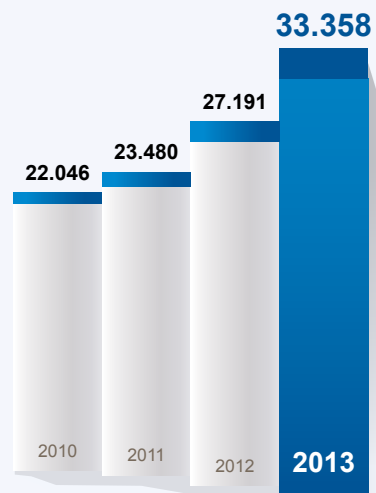
Tổng tài sản hợp nhất năm 2013 là 50.379 tỷ đồng. Tỷ lệ tăng trưởng Tổng tài sản bình quân từ 2010 đến 2013 đạt 7%/năm, đây là mức tăng tài sản tương đối lớn đối với những doanh nghiệp có tổng tài sản lớn như PV Gas.

Tỷ lệ tài sản dài hạn trong tổng tài sản của PV Gas trong năm 2013 giảm so với năm 2012 do trong năm 2013 tài sản cố định tăng ít hơn so với mức trích khấu hao trong kỳ. Trong kỳ, PV Gas thực hiện phân bổ chi phí trả trước dài hạn 910 tỷ đồng, làm giảm chi phí trả trước dài hạn. Ngoài ra, các khoản đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ cũng giảm so với số đầu năm. Là một doanh nghiệp sản xuất, tỷ lệ tài sản dài hạn chiếm 43% tổng tài sản là một tỷ lệ an toàn và phù hợp với loại hình sản xuất kinh doanh.

Cơ cấu tài sản	2010	2011	2012	2013
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	0,41	0,42	0,45	0,56
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	0,59	0,56	0,54	0,43

VỐN CHỦ SỞ HỮU

(TỶ ĐỒNG)



15% CAGR

Tỷ lệ tăng trưởng
bình quân từ năm 2010 - 2013

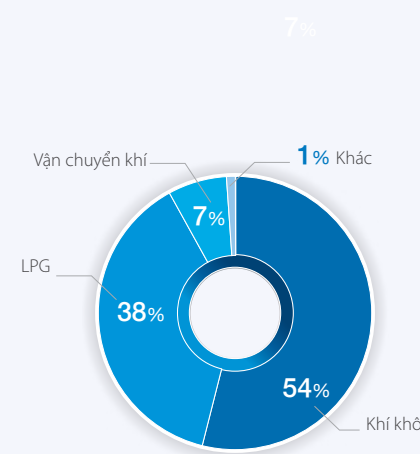
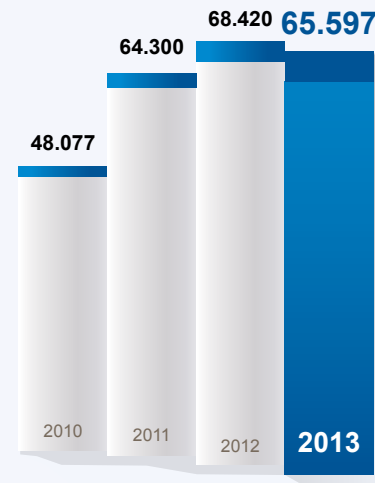
Vốn chủ sở hữu hợp nhất năm 2013 đạt 33.358 tỷ đồng, tăng 22,6% so với năm 2012, trong đó vốn điều lệ là 18.950 tỷ đồng. Tỷ lệ tăng trưởng vốn chủ sở hữu bình quân từ năm 2010 đến năm 2013 là 15%/năm. Tỷ lệ này thể hiện sự tăng trưởng về vốn của PV Gas là rất lớn, lợi nhuận để lại để tái đầu tư cao trong khi mức cổ tức phân chia hàng năm cho các cổ đông vẫn được đảm bảo.

Mặc dù là đơn vị sản xuất với chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng lớn nhưng PV Gas có tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong tổng nguồn vốn luôn lớn hơn 50% và có xu hướng tăng, đạt 66% trong năm 2013. Tỷ trọng này tăng là do trong năm 2013 PV Gas đã thực hiện trả nợ đầy đủ và đúng hạn khoản vay, với giá trị trả nợ lớn hơn giá trị giải ngân mới nên dư nợ dài hạn giảm. Tỷ trọng này thể hiện lợi nhuận để tái đầu tư của PV Gas lớn và khả năng tự chủ về nguồn vốn để đầu tư của PV Gas cao.

Cơ cấu nguồn vốn	2010	2011	2012	2013
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	0,43	0,45	0,36	0,30
Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	0,56	0,51	0,60	0,66

DOANH THU

(TỶ ĐỒNG)



CƠ CẤU DOANH THU NĂM 2013

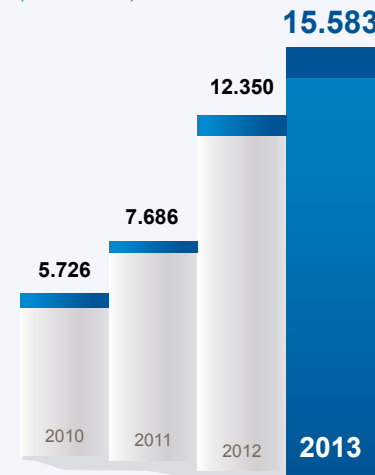
11% CAGR

Tỷ lệ tăng trưởng
bình quân từ năm 2010 - 2013

Doanh thu hợp nhất năm 2013 đạt 65.597 tỷ đồng, giảm 4,1% so với năm 2012. Nguyên nhân là do từ tháng 7/2012, PV Gas chỉ còn đóng vai trò là bên vận chuyển khí PM3 - Cà Mau, nên đối với khí PM3, PV Gas chỉ ghi nhận doanh thu vận chuyển khí trong cả năm 2013, thay vì ghi nhận doanh thu bán khí trong 6 tháng đầu năm 2012 và doanh thu vận chuyển khí trong 6 tháng cuối năm 2012.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

(TỶ ĐỒNG)



40% CAGR

Tỷ lệ tăng trưởng
bình quân từ năm 2010 - 2013

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2013 đạt 15.583 tỷ đồng, tăng 26,11% so với năm 2012. Lợi nhuận trước thuế năm 2013 tăng mạnh do sản lượng khí khô tăng 5%, sản lượng LPG Dinh Cố tăng 12% so với năm 2012 và giá khí bình quân bán cho khách hàng tăng so với năm 2012. Ngoài ra, trong năm 2013, PV Gas hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ 1.146 tỷ đồng, làm lợi nhuận trước thuế của PV Gas năm 2013 tăng mạnh so với năm 2012.

Tỷ lệ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế bình quân từ năm 2010 đến 2013 đạt 40%/năm. Đây là một tỷ lệ tăng trưởng cao, cho thấy hoạt động kinh doanh của PV Gas phát triển tốt, đặc biệt là sau khi PV Gas chuyển đổi thành Công ty Cổ phần.

KHẢ NĂNG SINH LỜI

Các chỉ số về khả năng sinh lời đều đạt ở mức cao và tăng trưởng so với năm 2011 và 2012, cho thấy hiệu quả kinh

doanh của PV Gas tốt và tăng trưởng cao hàng năm ngay kể cả khi tình hình kinh tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn

như những năm qua. Hay nói cách khác, việc sử dụng vốn chủ sở hữu và tài sản của PV Gas đạt hiệu quả cao.

	2010	2011	2012	2013
Lợi nhuận trước thuế/ Tổng doanh thu	12%	12%	18%	24%
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng doanh thu	10%	10%	15%	19%
Lợi nhuận ròng/ Tổng tài sản (ROA)	16%	15%	22%	26%
Lợi nhuận ròng/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	33%	28%	40%	42%

KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Khả năng thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh trong năm 2013 của PV Gas đều ở mức cao và cao hơn so với các năm trước đó. Trong năm 2013, vì các khoản nợ đã thanh toán

của PV Gas lớn hơn số giải ngân mới trong năm, nên dư nợ các khoản vay dài hạn giảm. Trong khi đó, lợi nhuận của Công ty tăng dẫn đến tài sản ngắn hạn của PV Gas tăng. Các hệ số khả

năng thanh toán như trên cho thấy năng lực tài chính của PV Gas tốt, khả năng thanh toán các khoản nợ tốt và không gặp khó khăn về tài chính khi các khoản nợ đến hạn.

	2010	2011	2012	2013
Hệ số TT hiện hành (lần) = TS NH/Nợ NH	1,66	1,86	2,53	2,87
Hệ số TT nhanh (lần) = (Giá trị TS NH - HTK)/Nợ NH	1,57	1,76	2,33	2,62

VÒNG QUAY CÁC KHOẢN PHẢI THU, HÀNG TỒN KHO

Vòng quay các khoản phải thu năm 2013 đạt 11,58 vòng (tương đương 31,53 ngày/vòng quay), đây là tỷ lệ phù hợp với chính sách bán hàng của PV Gas cũng như thể hiện tình hình thu nợ ngày càng tốt hơn với số ngày của 1 vòng quay giảm dần qua các năm. Để đạt được hiệu quả trong việc thu hồi nợ phải thu, PV Gas luôn tăng cường công tác thu hồi nợ, phân tích tuổi nợ, phân loại và lựa chọn khách hàng để hạn chế tối đa nợ xấu.

Vòng quay hàng tồn kho trong năm 2013 là 23,64 vòng (tương đương 15,44 ngày/vòng quay), giảm so với năm 2012. Trong giai đoạn từ 2010 - 2012, vòng quay hàng tồn kho của PV Gas biến động không theo xu hướng nhất định là do đặc thù kinh doanh LPG của PV Gas. Hoạt động kinh doanh LPG của PV Gas là hoạt động thương mại, trong trường hợp PV Gas nhập LPG vào thời điểm cuối năm tài chính thì số dư hàng tồn kho tại thời điểm

cuối năm sẽ cao (do PV Gas chưa kịp bán được nhiều LPG), trường hợp PV Gas nhập LPG vào thời điểm trước thời điểm kết thúc năm khoảng 20 - 30 ngày thì khi đó số dư hàng tồn kho LPG sẽ thấp. Về hoạt động kinh doanh LPG, PV Gas đã lập 1 tổ công tác LPG để thường xuyên theo dõi giá LPG cũng như xác định cung - cầu thị trường theo tháng để đảm bảo việc nhập khẩu và tiêu thụ LPG đạt hiệu quả, không để tình trạng ứ đọng hàng tồn kho.

	2010	2011	2012	2013
Vòng quay các khoản phải thu (vòng)	8,55	8,94	11,08	11,58
Thời gian quay vòng khoản phải thu (ngày)	42,69	40,81	32,93	31,53
Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	40,27	55,70	39,96	23,64
Thời gian quay vòng hàng tồn kho (ngày)	9,06	6,55	9,13	15,44

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH KHÁC

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) năm 2013 của PV Gas là 6.478 đồng/cổ phiếu, hệ số P/E (tại ngày 31/12/2013)

đạt 10,27 lần. Các chỉ số này đều tăng so với năm 2012, thể hiện hiệu quả kinh doanh của PV Gas ngày càng tăng.

	2012	2013
EPS (đồng)	5.167	6.478
P/E (lần)	7,47	10,27



GIÁ TRỊ VỐN HÓA
THỊ TRƯỜNG VÀO
NGÀY 31/12/2013

NGÀY 21/05/2012 ĐÃ ĐÁNH DẤU SỰ HIỆN DIỆN CỔ PHIẾU PV GAS - GAS TRÊN SÀN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM. VỚI GIÁ TRỊ VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG GẦN 6 TỶ USD VÀO NGÀY 31/12/2013, HIỆN NAY GAS ĐANG LÀ MỘT TRONG NHỮNG CỔ PHIẾU CÓ GIÁ TRỊ VỐN HÓA LỚN NHẤT THỊ TRƯỜNG VÀ LÀ CỔ PHIẾU MẠNH NHẤT TRONG HỌ PETROVIETNAM, TẠO ĐƯỢC NIỀM TIN CHO NHIỀU NHÀ ĐẦU TƯ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC, LÀ ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI ĐỂ PV GAS NÂNG CAO KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG VỐN, NĂNG LỰC TÀI CHÍNH VÀ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ TRONG NGÀNH CÔNG NGHIỆP KHÍ.

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Vốn điều lệ	: 18.950.000.000.000 đồng
Số lượng cổ phiếu niêm yết	: 1.895.000.000 cp
Loại cổ phiếu	: Phổ thông
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 1.895.000.000 cp
Sàn giao dịch	: HOSE
Cổ phiếu quỹ	: 0 cp
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cp

THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG CỔ PHIẾU GAS GIAO DỊCH TRONG NĂM 2013

Tổng số phiên	: 250 phiên
Tổng khối lượng khớp lệnh	: 142.654.500 cp
Tổng giá trị khớp lệnh	: 8.315.382.150.000 đồng
Giá cao nhất	: 70.400 đồng
Giá thấp nhất	: 37.200 đồng
Khối lượng giao dịch bình quân/ngày	: 557.195 cp
Khối lượng giao dịch CAO NHẤT 52 tuần	: 2.422.223 cp (28/02/2013)
Khối lượng giao dịch THẤP NHẤT 52 tuần	: 33.453 cp (08/03/2013)

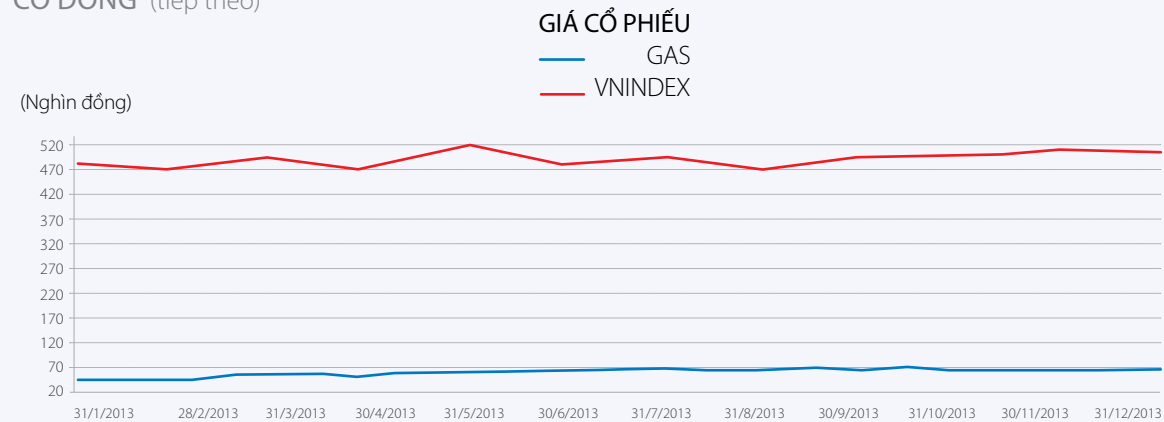
GIÁ CỔ PHIẾU GAS

Năm 2013, cổ phiếu GAS luôn thu hút được sự quan tâm của nhà đầu tư trong và ngoài nước, có độ thanh khoản cao với khối lượng giao dịch bình quân/ngày đạt trên 500.000 cổ phiếu và khối lượng giao dịch cao

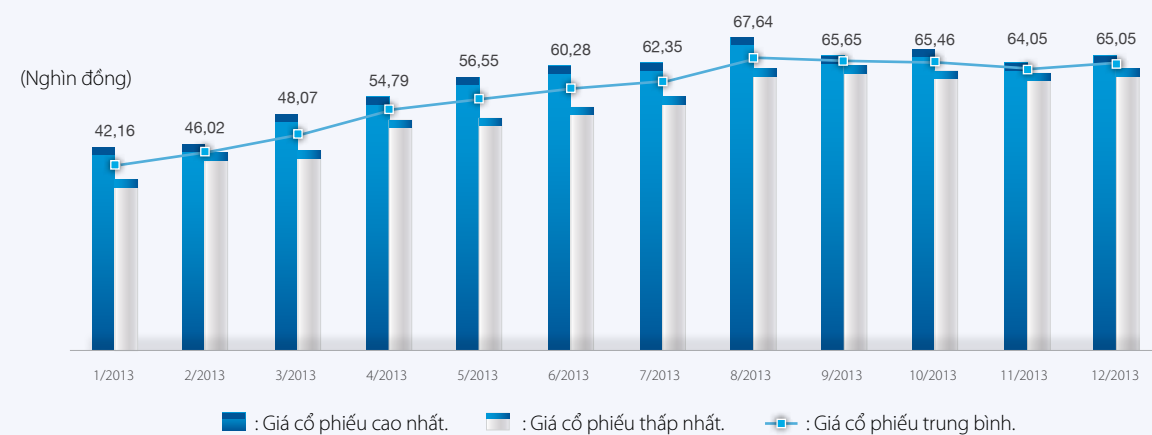
nhất trong 52 tuần đạt 2.422.223 cổ phiếu (tại ngày 28/02/2013).

Năm 2013, cổ phiếu GAS có biên độ tăng giảm mạnh hơn khá nhiều so với diễn biến của thị trường

chung. Từ ngày 02/01/2013 đến ngày 31/12/2013, giá trị cổ phiếu GAS tăng 78,7% và luôn giữ ở mức cao so với các đơn vị thành viên khác trong PVN.

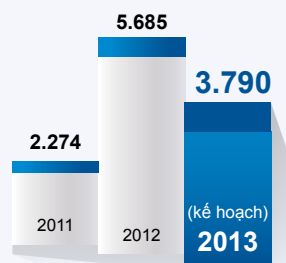


GIÁ CỔ PHIẾU CAO NHẤT, THẤP NHẤT, TRUNG BÌNH THÁNG



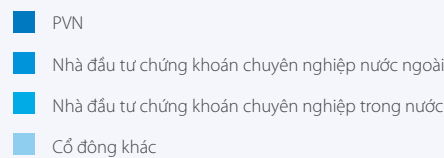
CỔ TỨC

Năm	Tỷ lệ cổ tức bằng tiền mặt (%/Vốn điều lệ)
2013 (kế hoạch)	20
2012	30
2011 (16/05/2011 - 31/12/2011)	12



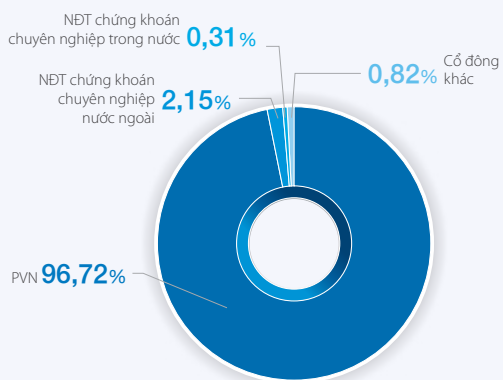
Cổ tức bằng tiền mặt qua các năm (tỷ đồng)

CƠ CẤU CỔ ĐỒNG



Ngày 16/05/2011, PV Gas chính thức cổ phần hóa và hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần. Đến ngày 23/10/2013, cổ đông lớn nhất của PV Gas là PVN - chiếm 96,72% tổng

số cổ phần, 3,28% tổng số cổ phần còn lại được nắm giữ bởi các cổ đông là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong, ngoài nước và các cổ đông khác.



(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 23/10/2013)

DANH SÁCH CỔ ĐỒNG PV GAS

(sở hữu trên 0,05% tổng số cổ phần) là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp

STT	Cổ đồng	% số Cổ phiếu sở hữu
1	The Caravel Fund Ltd	0,21%
2	Jp Morgan Vietnam Opportunities Fund	0,17%
3	Kitmc Worldwide Vietnam RSP Balance Fund	0,16%
4	Norges Bank	0,10%
5	Epsom Limited	0,10%
6	Government Of Singapore	0,09%
7	Pheim Aizawa Trust	0,08%
8	Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam	0,06%
9	Schroder International Selection Fund	0,06%
10	Royal Bank Of Scotland Plc	0,06%
11	Goldman Sachs Funds	0,05%
12	Danske Invest Sicav-Sif-Emerging And Frontier Markets Smid	0,05%
13	Kitmc Worldwide Vietnam Fund	0,05%
14	Amundi Vietnam Opportunities Fund	0,05%
15	Vietnam Infrastructure Investment Ltd	0,05%
16	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Á	0,05%
17	Citigroup Global Markets Ltd	0,05%

CÔNG TÁC QUAN HỆ CỔ ĐỒNG VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

SAU 3 NĂM HOẠT ĐỘNG THEO HÌNH THỨC CÔNG TY CỔ PHẦN, PV GAS ĐANG DẪN THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUAN HỆ CỔ ĐỒNG VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CHUYÊN NGHIỆP HƠN VÀ ĐA DẠNG HƠN. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUAN HỆ CỔ ĐỒNG LÀ MỘT PHẦN QUAN TRỌNG TRONG ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC CỦA PV GAS. HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ VỚI NHÀ ĐẦU TƯ CỦA PV GAS LUÔN HƯỚNG TỚI VIỆC BẢO VỆ VÀ THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ QUYỀN CỔ ĐỒNG, TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT, ĐẢM BẢO CÔNG BỐ THÔNG TIN KỊP THỜI, MINH BẠCH, THEO ĐÚNG QUY ĐỊNH. CỤ THỂ LÀ PV GAS:

» Tổ chức bộ phận chuyên trách quản trị website của PV Gas www.pvgas.com.vn về hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin và về nội dung thông tin, đảm bảo tính sẵn sàng, liên tục, nhanh chóng của website và thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Gas được cung cấp, cập nhật đầy đủ, thường xuyên và chính xác;

» Lập riêng chuyên mục Quan hệ cổ đông trên website www.pvgas.com.vn, tạo cầu nối giữa cổ đông và PV Gas;

» Tổ chức/tham dự các hội thảo, buổi gặp gỡ giữa PV Gas với nhà đầu tư trong và ngoài nước, tạo mối giao lưu trực tiếp;

Thông tin về hoạt động của PV Gas được đăng tải đầy đủ trên website:

www.pvgas.com.vn



» Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự và biểu quyết tại ĐHCĐ thường niên năm 2013;

» Thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật thông qua website của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM và website của PV Gas;

» Tham dự họp báo định kỳ do PVN tổ chức;

» Cải chính kịp thời những thông tin sai lệch về PV Gas, tránh gây thiệt hại cho PV Gas và cổ đông.

bằng **NĂNG LỰC** QUẢN LÝ

Trong những năm qua, PV Gas luôn giữ vị thế dẫn đầu trong việc cung ứng nguồn khí sạch và ổn định cho khách hàng. Cam kết mang lại lợi ích cao nhất cho nhà đầu tư, đảm bảo chính sách cho người lao động, từng bước thúc đẩy kinh tế địa phương, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia.

TK-0801
REFRIGERATED LPG TANK

TK-0701
REFRIGERATED LPG TANK

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2013



“HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ 5 THÀNH VIÊN (TỪ THÁNG 5 - 11/2013 CÓ 4 THÀNH VIÊN DO 1 THÀNH VIÊN NGHỈ HƯU THEO CHẾ ĐỘ), TRONG ĐÓ 4 THÀNH VIÊN CHUYÊN TRÁCH VÀ 1 THÀNH VIÊN KIÊM NHIỆM CHỨC DANH TỔNG GIÁM ĐỐC PV GAS.

Trong năm 2013, HĐQT đã hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ của mình trong việc chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Điều hành thông qua các Quy chế, Nghị quyết/Quyết định (200 NQ/QĐ), các cuộc họp với Ban Điều hành. HĐQT luôn hỗ trợ tốt cho Tổng Giám đốc và Ban Điều hành PV Gas trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ của PV Gas. Trong công tác chỉ đạo, HĐQT cũng đã có nhiều văn bản hỗ trợ các Công ty thành viên. Việc giám sát, đôn đốc, hỗ trợ, kiểm tra của HĐQT đã giúp Ban Điều hành tổ chức triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT kịp thời, hiệu quả, giúp cho PV Gas hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 một cách xuất sắc, tiếp tục là một trong những đơn vị dẫn đầu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Cụ thể:

» Các cuộc họp HĐQT: Các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và các cuộc họp khác, trừ trường hợp đi công tác ở các tỉnh, thành khác. Khi không thể tham gia các cuộc họp do phải đi công tác ở các tỉnh, thành khác, thành viên HĐQT vắng mặt sẽ cho ý kiến, biểu quyết,... qua điện thoại:

- Tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2013;
- Chủ trì/đồng chủ trì/tham gia rất nhiều cuộc họp định kỳ, đột xuất đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Gas, đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên để thảo luận, xem xét và giải quyết;
- Tổ chức 1 cuộc họp để bổ nhiệm 1 thành viên HĐQT PV Gas;
- Tổ chức 1 cuộc họp bầu Chủ tịch HĐQT PV Gas;
- Tham gia tất cả các cuộc họp giao ban định kỳ của Ban TGD (15 cuộc họp).

» Kế hoạch: HĐQT đã chỉ đạo xây dựng, xem xét, thông qua đề trình PVN đúng hạn và được PVN chấp thuận Kế hoạch 5 năm điều chỉnh 2011-2015 vào tháng 8, và kế hoạch năm 2014 vào tháng 12; đồng thời thông qua/phê duyệt kịp thời kế hoạch hoạt động năm

2014 cũng như các kế hoạch điều chỉnh/bổ sung trong quá trình triển khai thực hiện của tất cả các đơn vị trong PV Gas;

» HĐQT đã ban hành và giám sát chặt chẽ Chương trình hành động

đến năm 2015 theo hướng tập trung chính vào lĩnh vực khí, đồng thời nghiêm túc thực hiện theo chỉ đạo của PVN. PV Gas đã hoàn thành giải thể PSSC, bán toàn bộ phần vốn của PV Gas tại PV Gas Cylinder, mua Phần vốn của PVC IC và PVC MS tại PV Pipe, tăng vốn điều lệ của PV Pipe, chấp thuận tăng vốn điều lệ của PV Gas D;

» HĐQT đã ban hành mới/sửa đổi nhiều quy chế/quy trình để phù hợp với thực tế cũng như đảm bảo tính thống nhất, như Điều lệ PV Gas, Quy chế quản lý nợ, Quy trình giám sát và đánh giá đầu tư, Quy chế quản lý hoạt động kinh doanh khí thấp áp/CNG, Quy trình đấu giá LPG Dinh Cố,...



số 01/CTr-KVN ngày 27/02/2013 về việc thực hiện Chương trình hành động số 1096/CTr-DKVN ngày 08/02/2013 của PVN triển khai thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2013;

» Tái cấu trúc: HĐQT đã chỉ đạo xây dựng và trình PVN trong tháng 2 về phương án tái cấu trúc PV Gas

» Đầu tư xây dựng và hoạt động sản xuất kinh doanh: HĐQT đã thực hiện phân cấp mạnh mẽ cho Tổng Giám đốc và các đơn vị, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát. Trong năm 2013, trên cơ sở kế hoạch được thống nhất giữa HĐQT và Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh tại 10 đơn vị (6 Công ty trực thuộc và 4 Công ty Cổ phần có vốn góp chi phối của PV Gas). Từ kết quả kiểm tra, Ban Lãnh đạo PV Gas đã có

HOẠT ĐỘNG CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2013 (tiếp theo)

“HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CỦA PV GAS THỰC HIỆN THEO ĐÚNG ĐỊNH HƯỚNG, ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH.

chỉ thị chấn chỉnh kịp thời đối với từng đơn vị. Về đầu tư xây dựng, ngay từ đầu năm, HĐQT đã phê duyệt Chương trình giám sát và đánh giá đầu tư cả năm 2013 làm cơ sở triển khai thực hiện. HĐQT đã thông qua/phê duyệt nhiều dự án lớn quan trọng, đó là: thông qua nội dung trình PVN phê duyệt dự án đầu tư/kế hoạch đầu thầu điều chỉnh dự án đường ống khí Hàm Rồng - Thái Bình, dự án đầu tư đường ống khí Đại Hùng, báo cáo đầu tư phân kỳ giai đoạn 1 dự án đường ống Nam Côn Sơn 2, kế hoạch đầu thầu điều chỉnh dự án kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải, báo cáo quyết toán các dự án đường ống khí Phú Mỹ - Tp Hồ Chí Minh, Sư Tử Vàng - Rạng Đông, Rồng - Đổi Mới,... Kết quả là các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của PV Gas thực hiện theo đúng định hướng, đúng các quy định hiện hành;

» Hợp tác đầu tư và các thỏa thuận dài hạn: Để phục vụ cho chiến lược phát triển ổn định, lâu dài, việc tìm kiếm, hợp tác với các khách hàng có tiềm lực về lĩnh vực khí/liên quan đến lĩnh vực khí là hết sức quan trọng và cấp thiết. Chính vì vậy, trong năm 2013, một số nội dung hợp tác liên quan đến lĩnh vực này với đối tác nước ngoài đã được HĐQT xem xét, chấp thuận làm cơ sở cho Ban Điều hành triển khai tiếp (với Công ty BG LNG Trading về hợp tác trong việc tìm kiếm cơ hội cung cấp LNG cho các dự án nhập khẩu LNG tại Việt Nam từ các nguồn LNG thuộc sở hữu của BG, bao gồm dự án Queensland Curtis LNG (Úc); với Tập đoàn GDF SUEZ (Pháp) về hợp tác trong việc triển khai dự án nhập khẩu LNG tại Sơn Mỹ (Bình Thuận), bao gồm việc đánh giá lựa chọn mô hình kinh doanh, phương án giá khí cấp cho tổ hợp nhà máy điện Sơn Mỹ và phương án mua LNG; cùng PVN ký thỏa thuận thành lập Liên doanh giữa PetroVietnam với Gazprom Gazomotornoe Toplivo và Gazprom EP International B.V để thực hiện các dự án đầu khí trong lĩnh vực sản xuất và sử dụng khí thiên nhiên làm nhiên liệu (PV Gas thay mặt PVN tham gia vào Liên doanh này));

» Bồi dưỡng, đào tạo, nâng cao kiến thức quản trị Công ty cho các thành viên HĐQT: Các thành viên HĐQT đều có năng lực kinh nghiệm quản lý, đã tham gia khóa đào tạo và được cấp chứng chỉ về "Quản trị Công ty" vào tháng 8.

QUYỀN LỢI CỦA
BAN ĐIỀU HÀNH

PV Gas xây dựng và áp dụng chế độ tiền lương, tiền thưởng cho Ban Điều hành phù hợp với các quy định của Pháp luật và quy định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về tiền lương, tiền thưởng và các chế độ chính sách đối với người đại diện của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PV Gas theo chức danh công việc đảm nhận và kết quả hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên, đồng thời hài hòa với chính sách nhân viên của PV Gas. Chế độ tiền lương, tiền thưởng của Ban Điều hành PV Gas đều phải được ĐHĐCĐ thông qua.

NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT
(PHẢI CÔNG BỐ THÔNG TIN (CBTT)
THEO QUY ĐỊNH CỦA THÔNG TƯ 52/2012/TT-BTC)

STT	NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	71/NQ-KVN	09/04/13	NQ về việc thông qua nội dung CBTT giải thể PSCC
2	74/NQ-ĐHĐCĐ	15/04/13	NQ cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 của Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP
3	85/NQ-KVN	23/04/13	NQ phê duyệt chi trả cổ tức đợt 3 năm 2012 bằng tiền mặt
4	109/NQ-KVN	25/07/13	NQ phê duyệt tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 bằng tiền mặt
5	134/NQ-KVN	03/10/13	NQ phê duyệt tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2013 bằng tiền mặt
6	137/NQ-KVN	23/10/13	NQ thông qua phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của PV Gas tại PV Gas Cylinder
7	169/NQ-KVN, 170/NQ-KVN, 1426/QĐ-KVN	06/12/13	NQ/QĐ về thay đổi nhân sự chủ chốt của PV Gas

SỞ HỮU CỦA
CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP nắm giữ (tại 31/12/2013)	% tổng số CP (tại 31/12/2013)
1	Ông Lê Như Linh Đại diện phần vốn PVN	Chủ tịch HĐQT	0 506.335.900	0 26.7196
2	Ông Vũ Đình Chiến Đại diện phần vốn PVN	Phó Chủ tịch HĐQT	0 379.000.000	0 20
3	Ông Đỗ Khang Ninh Đại diện phần vốn PVN	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	107.000 379.000.000	0,00565 20
4	Ông Nguyễn Trung Dân Đại diện phần vốn PVN	Thành viên HĐQT	0 284.250.000	0 15
5	Ông Phan Quốc Nghĩa Đại diện phần vốn PVN	Thành viên HĐQT	15.900 284.250.000	0,00084 15

SỞ HỮU CỦA
CỔ ĐÔNG NỘI BỘ (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP nắm giữ (tại 31/12/2013)	% tổng số CP (tại 31/12/2013)
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng BKS	0	0
2	Ông Phạm Đình Đạt	Thành viên BKS	11.500	0,00061
3	Bà Hồ Thị Ái Thanh	Thành viên BKS	6.100	0,00032

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP nắm giữ (tại 31/12/2013)	% tổng số CP (tại 31/12/2013)
1	Ông Đỗ Khang Ninh Đại diện phần vốn PVN	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Như trên	Như trên
2	Ông Dương Mạnh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	0	0
3	Ông Nguyễn Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc	0	0
4	Ông Trần Hưng Hiến	Phó Tổng Giám đốc	16.400	0,00087
5	Ông Nguyễn Thanh Nghị	Phó Tổng Giám đốc	0	0
6	Ông Phạm Hồng Linh	Phó Tổng Giám đốc	5.000	0,00026
7	Ông Bùi Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc	0	0
8	Ông Hồ Tùng Vũ	Phó Tổng Giám đốc	0	0
9	Ông Nguyễn Mậu Dũng	Phó Tổng Giám đốc	0	0

KẾ TOÁN TRƯỞNG

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP nắm giữ (tại 31/12/2013)	% tổng số CP (tại 31/12/2013)
1	Ông Mai Hữu Ngạn	Kế toán trưởng	0	0

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP nắm giữ (tại 31/12/2013)	% tổng số CP (tại 31/12/2013)
1	Ông Đỗ Tấn	Trưởng Ban KH	1.500	0,00008

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ
VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN NĂM 2013

CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP đầu kỳ	Số CP cuối kỳ
1	Ông Vũ Đình Chiến	Phó Chủ tịch HĐQT	103.200	0
2	Ông Đỗ Khang Ninh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	182.600	107.000
3	Ông Nguyễn Trung Dân	Thành viên HĐQT	52.900	0
4	Ông Phan Quốc Nghĩa	Thành viên HĐQT	30.900	15.900
5	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng BKS	31.200	0
6	Bà Hồ Thị Ái Thanh	Thành viên BKS	11.100	6.100
7	Ông Dương Mạnh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	61.500	0
8	Ông Trần Hưng Hiến	Phó Tổng Giám đốc	52.800	16.400
9	Ông Nguyễn Thanh Nghị	Phó Tổng Giám đốc	50.000	0
10	Ông Phạm Hồng Linh	Phó Tổng Giám đốc	52.700	5.000
11	Ông Nguyễn Mậu Dũng	Phó Tổng Giám đốc	100.000	0
12	Ông Mai Hữu Ngạn	Kế toán trưởng	32.200	0

NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Họ và tên	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số CP đầu kỳ	Số CP cuối kỳ
1	Bà Hồ Thị Mai Lan	Vợ của Phó Chủ tịch HĐQT Vũ Đình Chiến	9.100	0
2	Bà Lê Thị Thương Hoài	Vợ của Phó Tổng Giám đốc Dương Mạnh Sơn	5.200	0
3	Bà Phùng Duy Quỳnh Trâm	Vợ của Phó Tổng Giám đốc Hồ Tùng Vũ	0	0

HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH
VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

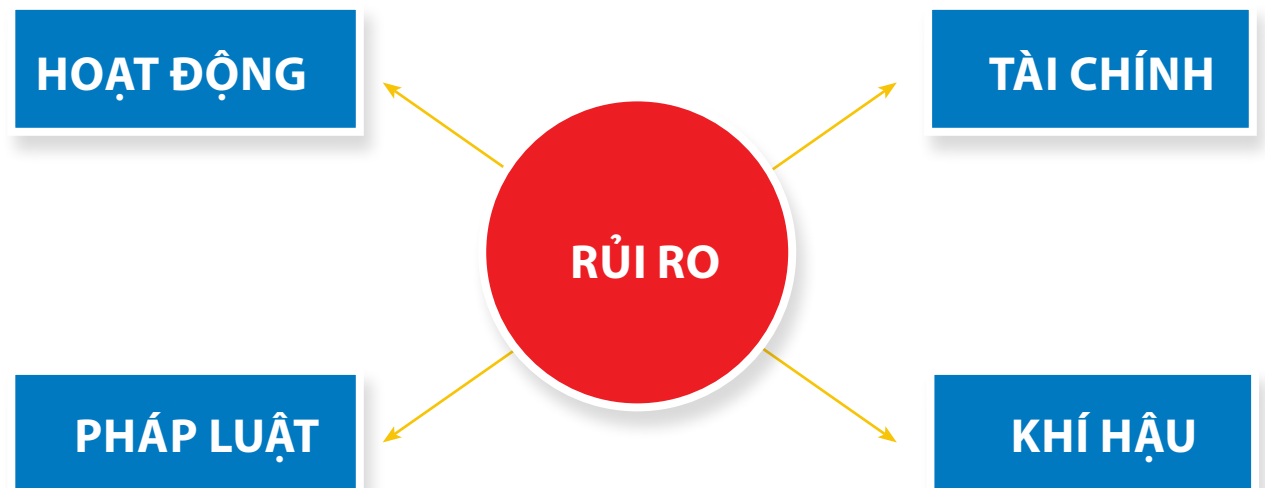
Trong năm 2013, không phát sinh các giao dịch giữa PV Gas với các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý.

“LÀ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU VÀ CHỦ ĐẠO TRONG NGÀNH CÔNG NGHIỆP KHÍ VIỆT NAM, PV GAS ĐÓN NHẬN NGÀY Càng NHIỀU CƠ HỘI CÙNG NHƯ NHỮNG THÁCH THỨC MỚI ĐÒI HỎI SỰ ĐỔI MỚI, NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP. PV GAS NHẬN THỨC RÕ TẦM QUAN TRỌNG CỦA CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG VIỆC MANG LẠI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA MỘT DOANH NGHIỆP, LÀ KIM CHỈ NAM GÓP PHẦN MANG LẠI HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP.

QUẢN LÝ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Hiện nay, công tác quản trị rủi ro được Ban Lãnh đạo PV Gas đặt lên hàng đầu, quan tâm hơn bao giờ hết, thông qua việc nhận định, đánh giá những nhân tố rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Gas, xây dựng và hoàn thiện hệ thống xác định, đánh giá, phân tích, kiểm soát rủi ro nhằm đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất. Các hệ thống, công trình khí của PV Gas được vận hành an toàn, liên tục góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, lương thực quốc gia.

Hoạt động kinh doanh của PV Gas chủ yếu chịu sự tác động của các loại rủi ro sau:



QUẢN LÝ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

VẬN HÀNH

Khí và các sản phẩm khí là những sản phẩm dễ cháy nổ, là nguyên nhân tiềm tàng gây thiệt hại về tài sản, con người, môi trường. Ngoài ra, nếu sự cố xảy ra trên các công trình, hệ thống đường ống dẫn khí thì đó sẽ là những nguyên nhân làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Gas.

» Giải pháp:

- Đặt mục tiêu vận hành an toàn, chất lượng, bảo vệ môi trường lên trên hết;
- Thường xuyên kiểm tra việc tuân thủ các quy trình quản lý AT-CL-MT theo tiêu chuẩn quốc tế như OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008, ISO 14001:2004;
- Xây dựng đầy đủ các phương án chữa cháy, ứng cứu khẩn cấp, định kỳ hàng năm tổ chức thực tập các phương án;
- Công tác bảo dưỡng, sửa chữa ngăn ngừa, thường xuyên, đột xuất, kiểm định hiệu chuẩn, phóng thoi được triển khai theo kế hoạch, đúng quy trình, có chất lượng và đảm bảo hệ thống/công trình/nhà máy hoạt động ổn định, liên tục.

NHÂN SỰ

Để phát triển ngành công nghiệp khí đặc thù đòi hỏi công nghệ và kỹ thuật cao, thì một lực lượng lao động thiếu hụt năng lực, nhân sự chủ chốt sẽ không thể tạo nên đòn bẩy để phát triển PV Gas.



» Giải pháp:

- Luôn tạo mọi điều kiện cho CBCNV PV Gas phát huy năng lực bản thân;
- Xây dựng và áp dụng chính sách lao động phù hợp.

QUY TRÌNH, QUY CHẾ

Sự thiếu hụt hoặc sai sót của các Quy trình, Quy chế trong quản trị nội bộ sẽ gây nên tính mất thống nhất trong doanh nghiệp.

» Giải pháp:

- Thường xuyên ban hành mới/sửa đổi và ban hành lại các Quy chế, Quy trình để phù hợp với thực tế: Điều lệ, Quy chế tài chính, Quy chế kinh doanh khí thấp áp, Quy trình đấu giá LPG Dinh Cố, Chương trình giám sát đánh giá đầu tư năm 2013,...

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Trở thành Công ty Cổ phần, PV Gas chú trọng nhiều hơn nữa đến hệ thống công nghệ thông tin, cầu nối quan trọng giúp nâng cao hiệu quả

hoạt động sản xuất kinh doanh, thiết lập quan hệ với khách hàng, nhà đầu tư, đối tác, cổ đông. Hệ thống công nghệ thông tin không phù hợp, bị gián đoạn, sai lệch, không bảo mật sẽ gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động của PV Gas.

» Giải pháp:

- Hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Gas: áp dụng hệ thống quản lý ERP trong quản trị tài chính, kế toán; mở rộng phần mềm Maximo trong bảo dưỡng, sửa chữa; thiết lập phần mềm KPoint Online Project Collaboration trong quản lý dự án...;
- Ngày càng hoàn thiện website PV Gas, tăng cường công tác quan hệ cổ đông;
- Tăng cường hệ thống bảo mật thông tin.

THƯỜNG XUYỀN KIỂM TRA VIỆC TUÂN THỦ CÁC QUY TRÌNH QUẢN LÝ AT - CL - MT THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ NHƯ OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008, ISO 14001:2004.

QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

LÃI SUẤT

PV Gas chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi đã được ký kết. PV Gas chịu rủi ro lãi suất khi PV Gas vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định.

» Giải pháp:

- Duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

Một số hoạt động của PV Gas chịu ảnh hưởng từ biến động tỷ giá: kinh doanh khí thiên nhiên và các sản phẩm lỏng; vay vốn bằng ngoại tệ để đầu tư các dự án.

» Giải pháp:

- Hoạt động kinh doanh khí thiên nhiên và các sản phẩm lỏng: PV Gas ký hợp đồng bán khí, LPG cho khách hàng theo tỷ giá hiện hành;
- Các khoản vay ngoại tệ dài hạn: PV Gas chủ động làm việc với các Ngân hàng thương mại để thu xếp được nguồn ngoại tệ với giá cạnh tranh nhất, tránh phát sinh chi phí chênh lệch tỷ giá.

BIẾN ĐỘNG GIÁ LPG

Giá LPG mà PV Gas đang nhập khẩu biến động theo giá CP tại thị trường Trung Đông.

» Giải pháp:

- Đầu tư xây dựng hệ thống kho chứa LPG để tăng năng lực tồn trữ;
- Lập tổ chuyên trách theo dõi thị trường và dự báo giá LPG để hoạch định kế hoạch kinh doanh LPG hiệu quả.

TÍNH THANH KHOẢN

Hoạt động của PV Gas được duy trì rất ổn định và tăng trưởng liên tục trong những năm qua. Do đó, các chỉ số liên quan đến tính thanh khoản đều ở mức hợp lý, đảm bảo nguồn vốn và đáp ứng các nghĩa vụ tài chính của PV Gas.

» Giải pháp:

- Theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo duy trì đủ mức dự phòng tiến mặt, các khoản vay và đủ vốn mà

các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng, dẫn đến các tổn thất tài chính cho PV Gas. Hiện nay, PV Gas không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc với đối tác, bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

» Giải pháp:

- Duy trì chính sách tín dụng phù hợp;
- Thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem PV Gas có chịu rủi ro tín dụng hay không.



QUẢN LÝ RỦI RO PHÁP LUẬT

Hoạt động của PV Gas chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Dầu khí và thị trường chứng khoán, ... Sự thay đổi của Luật, các văn bản dưới Luật và biến động của thị trường chứng khoán ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Gas.

» Giải pháp:

- Cập nhật thường xuyên Luật và các văn bản dưới Luật;
- Phổ biến rộng rãi các Quy định, văn bản Luật liên quan tới CBCNV PV Gas.

QUẢN LÝ RỦI RO KHÍ HẬU

Sự thay đổi khí hậu, mùa trong năm ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ khí và các sản phẩm khí, đến sự cân đối cung - cầu khí của PV Gas.

» Giải pháp:

- Tăng cường công tác dự báo nhu cầu tiêu thụ nhằm khai thác hiệu quả, triệt để nguồn khí và sản phẩm khí.

4

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 68 Con người và doanh nghiệp
- 72 Hoạt động cộng đồng
- 74 An toàn - Chất lượng - Môi trường
- 76 Danh hiệu và giải thưởng

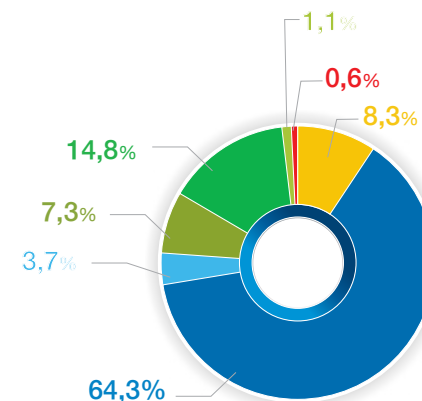
bằng **CON TIM** HIẾU THẤU

PV Gas cam kết sẽ chia cùng xã hội bằng trách nhiệm cao nhất của doanh nghiệp. Các hoạt động của PV Gas luôn gắn liền với phương châm khai thác hiệu quả, vận hành an toàn, giảm thiểu tác động đến môi trường, hướng đến cộng đồng Xanh - Sạch - Đẹp.

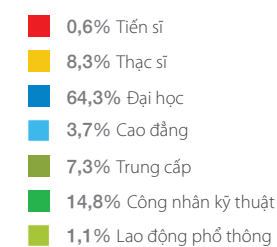




TIỀM LỰC CON NGƯỜI



CƠ CẤU CỞ ĐÔNG



Tính đến ngày 31/12/2013, tổng số CBCNV của PV Gas là 3.388 người, trong đó tổng số CBCNV tại Cơ quan

điều hành và các đơn vị trực thuộc của PV Gas là 1.110 người.

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO GIỚI TÍNH

Trên 80% lao động của PV Gas là nam giới, trong đó tập trung vào các

lĩnh vực vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, xây dựng công trình khí.

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ

Đội ngũ lãnh đạo, CBCNV của PV Gas là những người có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, có ý thức tổ chức kỷ luật trong lao động, trưởng thành qua thực tiễn sản xuất kinh doanh, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế xã hội, làm chủ khoa học công nghệ. Lao động có trình độ từ đại học trở lên chiếm tỷ trọng 73,2%, tập trung trong nhóm

lao động quản lý cấp cao và cấp trung, nhóm chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật. Nguồn lực lao động chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của ngành công nghiệp khí là tài sản quý báu đối với PV Gas, tạo thêm thế và lực cho PV Gas, là nhân tố then chốt giúp PV Gas đạt kết quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

CHÍNH SÁCH NHÂN VIÊN

PV Gas đã xây dựng và ban hành chính sách nhân viên theo các quy định của pháp luật và đặc thù của PV Gas với cơ chế trả lương, trả thưởng linh hoạt, có tính cạnh tranh theo cơ chế thị trường nhằm giữ và thu hút nhân tài trong và ngoài nước làm việc lâu dài tại PV Gas.

CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI

» Đảm bảo tiền lương, thu nhập cao và ổn định; việc trả lương, trả thưởng và các chế độ đãi ngộ khác dựa trên năng lực thực sự và hiệu quả công việc của từng cá nhân;

» Thường thành tích định kỳ và đột xuất cho cá nhân và đơn vị, thưởng sáng kiến cải tiến; thưởng vận hành an toàn công trình khí; thưởng nhân các ngày lễ của quốc gia và sự kiện đặc biệt của PV Gas;

» Các loại phụ cấp đặc thù ngành khí được áp dụng phù hợp với điều kiện, môi trường làm việc của từng vị trí công việc;

» Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước; chế độ bảo hiểm mang tính phúc lợi cao cho CBCNV (Bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sinh mạng và phẫu thuật nằm viện);

» Được khám và theo dõi sức khỏe định kỳ; chương trình du lịch trong và ngoài nước hàng năm; trợ cấp, tặng quà nhân các sự kiện đặc biệt của CBCNV;

» Phúc lợi cho gia đình CBCNV (Chính sách hỗ trợ đào tạo, khen thưởng thành tích học tập, ngày hội gia đình...); chế độ nhà công vụ hoặc trợ cấp tiền thuê nhà và hỗ trợ vay tiền mua nhà;

» Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao cho CBCNV.

CHÍNH SÁCH NHÂN VIÊN (tiếp theo)

“CON NGƯỜI LÀ
YẾU TỐ THEN CHỐT.
TRÂN TRỌNG, PHÁT
HUY TỐI ĐA TIỀM
NĂNG CỦA MỖI NHÂN
VIÊN VÀ TRỌNG DỤNG
NHÂN TÀI LÀ MỘT
TRONG BỐN GIÁ TRỊ
CỐT LÕI QUAN TRỌNG
CỦA PV GAS.”

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

- » CBCNV thường xuyên được đào tạo bồi dưỡng, trau dồi, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề;
- » Các khóa đào tạo trọng điểm của PV Gas cũng rất đặc thù và chuyên sâu như đào tạo về hệ thống đo đếm khí, chống ăn mòn đường

CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI

Do đó, việc xây dựng, củng cố và phát triển nguồn nhân lực có chất lượng luôn là ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển của PV Gas. Cụ thể:

- » Xây dựng và áp dụng triệt để hệ thống quy trình chuẩn từ tuyển mộ - tuyển chọn - đào tạo, hội nhập - để bạt, bổ nhiệm/phân công công việc - đánh giá thực hiện công việc - luân chuyển, điều động - đào tạo, phát triển - đãi ngộ;
- » Đảm bảo tính công bằng, minh

bạch và tiêu chuẩn hóa; không hạn chế nguồn ứng viên, tích cực đa dạng hóa công tác tuyển mộ, kể cả lao động là người nước ngoài, Việt kiều; công khai hóa quá trình tuyển dụng, các vị trí tuyển dụng có tiêu chuẩn chức danh công việc, yêu cầu trình độ cụ thể;

- » Thực hiện xây dựng quy hoạch cán bộ toàn diện hàng năm, thực hiện chính sách luân chuyển cán bộ nhằm nâng cao năng lực và có khả năng đảm nhận được nhiều công việc khác nhau khi cần thiết.

ống, chế biến khí, đánh giá an toàn thiết bị dầu khí, kỹ năng vận hành, bảo dưỡng, xử lý sự cố, kỹ năng quản lý, quản lý an toàn;

- » Xác định hạt nhân của công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực chính là công tác đào tạo

nội bộ (On the Job Training - OJT), là hình thức đào tạo mà PV Gas đặc biệt quan tâm, chú trọng. Đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo nội bộ là các cán bộ quản lý, quản đốc, trưởng ca, kỹ sư có tay nghề chuyên môn cao, có thâm niên công tác trong ngành khí, am hiểu sâu sắc về công nghiệp khí.



VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Để hòa nhịp với xu thế phát triển chung, PV Gas đã phát huy những thành tích đạt được và những kinh nghiệm đã tích lũy được, cùng với sức trẻ, truyền thống đoàn kết nhất trí của tập thể lãnh đạo và CBCNV, PV Gas sẽ có những bước phát triển mạnh mẽ, trong điều kiện Việt Nam đang hội nhập sâu, rộng với cộng đồng quốc tế, để thực hiện thành công mục tiêu chiến lược phát triển PV Gas.

Nhận thấy tầm quan trọng của văn hóa doanh nghiệp trong việc nâng cao hiệu quả kinh doanh, là nhân tố củng cố sự gắn kết và cố gắng của đội ngũ CBCNV, Ban Lãnh đạo PV Gas luôn mong muốn xây dựng một nền văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng của PV Gas, tạo nên giá trị cốt lõi PV Gas, nhưng đồng thời cũng phù hợp, nhất quán với văn hóa doanh nghiệp PetroVietnam, để PV Gas không ngừng hoàn thiện và phát triển bền vững để thành một tổ chức thật sự chuyên nghiệp, hiệu quả và mang đến cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ với chất lượng tốt nhất. Tất cả nhân viên của PV Gas ở mọi cấp, đặc biệt là quản lý cấp cao đều phải là những “đại sứ” cho những giá trị này trong và ngoài PV Gas để tạo nên một thông điệp thương hiệu đồng nhất, khác biệt, góp phần phần đầu thực hiện mục tiêu chiến lược là đưa nền công nghiệp khí trở thành một trong những ngành công nghiệp đầu tàu trong nền kinh tế, từng bước vươn ra thị trường quốc tế.

Giá trị cốt lõi bao gồm:

- » An toàn là vấn đề sống còn;



- » Trân trọng, phát huy tối đa tiềm năng của mỗi nhân viên và trọng dụng nhân tài;
- » Phát triển bền vững cùng cộng đồng xã hội và môi trường thân thiện;
- » Đề cao tính trách nhiệm với nhân viên, khách hàng, nhà đầu tư và đối tác;
- » Tính chuyên nghiệp: thành thạo công việc, năng động, sáng tạo và hiệu quả;
- » Tính liên kết: thống nhất, khả năng làm việc theo nhóm, phối hợp giữa các bộ phận trong PV Gas;
- » Tính hội nhập: luôn luôn chủ động thích ứng với những thay đổi của tình hình trong hội nhập quốc tế, bảo đảm hiệu quả và lợi ích quốc gia;
- » Tính trung thành: trung thành với lợi ích quốc gia, Tập đoàn và PV Gas;

- » Tính quyết liệt: tự tin, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì sự phát triển của PV Gas;

- » Tính truyền thống: phát huy truyền thống của “Những người đi tìm lửa”.

Ngành công nghiệp khí là ngành có yêu cầu đầu tư lớn về vốn, về kỹ thuật, về công nghệ với cơ sở vật chất, thiết bị hầu hết là loại kỹ thuật cao, tự động hóa. Vì vậy, công nghiệp khí có tiềm ẩn nguy cơ rủi ro rất cao, môi trường lao động nguy hiểm, độc hại cao, công trình khí tập trung trên biển hoặc xa khu dân cư. Đối với PV Gas, giá trị cốt lõi quan trọng nhất là “An toàn là vấn đề sống còn”. Đây là nhân tố được PV Gas đánh giá, xác định, lựa chọn và định hướng phát triển, thấm nhuần và lan tỏa trong từng ý nghĩ, hành động và cảm giác của từng người lao động PV Gas.



100

TỶ ĐỒNG VÀ 4 NGÀY LƯƠNG
LÀM THÊM VÀO 4 NGÀY THỨ
7 CỦA TẤT CẢ CBCNV PV GAS
CHO CÔNG TÁC AN SINH XÃ
HỘI NĂM 2013.



LÀ DOANH NGHIỆP
HÀNG ĐẦU TRONG
NGÀNH CÔNG NGHIỆP
KHÍ VIỆT NAM, PV GAS
NHẬN THỨC RÕ VAI TRÒ
KHÔNG CHỈ LÀ ĐƠN
VỊ TIÊN PHONG, ĐÓNG
GÓP TÍCH CỰC CHO
NỀN KINH TẾ VIỆT NAM,
MÀ CÒN LÀ ĐƠN VỊ GÓP
PHẦN QUAN TRỌNG
CHO SỰ PHÁT TRIỂN
XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG,
ĐẢM BẢO AN SINH.

Trong những năm vừa qua, PV Gas đã chia sẻ, hỗ trợ các chương trình giáo dục thanh niên, nâng cao ý thức cộng đồng, gắn bó và mang lại lợi ích thiết thực cho công cuộc phát triển thể hệ tương lai, cũng như các chương trình y tế cộng đồng để chăm sóc sức khỏe và nâng cao đời sống cho nhân dân, là hoạt động ưu tiên có ý nghĩa mà PV Gas luôn tích cực tham gia. Trong năm 2013, PV Gas đã dành khoản kinh phí 100 tỷ đồng và 4 ngày lương làm thêm vào 4 ngày thứ 7 của tất cả CBCNV PV Gas cho công tác an sinh xã hội, thông qua các hoạt động:

» **Y tế:** Xây dựng trạm y tế tại Thanh Hóa, Hà Giang, Quảng

Trị, Hà Nội; tặng trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Thống Nhất, Bệnh viện Đắc Lắc; tài trợ các chương trình khám bệnh cho người nghèo ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu...;

» **Giáo dục:** xây dựng trường học ở Hưng Yên, Thanh Hóa, Thái Bình, Lạng Sơn, Hà Nội, Yên Bái...; ủng hộ các quỹ học bổng của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Quỹ bảo trợ trẻ em Việt Nam, Hội khuyến học TP. Hồ Chí Minh, Quỹ khuyến học huyện Nhà Bè, Trung tâm hỗ trợ sinh viên TP. Hồ Chí Minh, các trường Đại học và các tổ chức đoàn thể xã hội khác...;

» **Hoạt động khác:** thường xuyên tài trợ các tổ chức đoàn thể, xã hội, địa phương trong các hoạt động an sinh xã hội hướng đến chiến sỹ Trường Sa, nhân dân có hoàn cảnh khó khăn, các đối tượng chính sách xã hội; xây dựng nhà Đại đoàn kết; hoạt động từ thiện, thể thao, văn hóa, ủng hộ khắc phục thiên tai lũ lụt....

THÔNG QUA CÁC CHƯƠNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI, HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG, MÀ Ở ĐÓ CÓ SỰ CHIA SẺ, ĐỒNG CẢM, ĐỒNG LÒNG VÀ ĐOÀN KẾT CỦA TOÀN DÂN TỘC, BAN LÃNH ĐẠO CŨNG NHƯ CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ, NGƯỜI LAO ĐỘNG PV GAS MONG MUỐN GÓP PHẦN XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC PHỒN VINH, GIÀU MẠNH.

**HỆ THỐNG
QUẢN LÝ AT - CL - SK -
MT ÁP DỤNG TRONG
TOÀN PV GAS CƠ
BẢN BAO GỒM CÁC
QUY ĐỊNH CỦA PHÁP
LUẬT VÀ HỆ THỐNG
QUẢN LÝ TÍCH HỢP
THEO TIÊU CHUẨN
OHSAS 18001:2007,
ISO 9001:2008, ISO
14001:2004.**

TỔ CHỨC, NHÂN SỰ QUẢN LÝ AT - CL - SK - MT

Hệ thống quản lý AT - CL - SK - MT của PV Gas được quản lý thống nhất từ cấp lãnh đạo đến các phòng ban, Công ty trực thuộc và thành viên. Ban An toàn - Sức khỏe - Môi trường chịu trách nhiệm xây dựng, ban hành và trực tiếp kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách, quy định, quy trình của Hệ thống, cũng như tham mưu cho Ban Lãnh đạo PV Gas về định hướng phát triển Hệ thống quản lý tích hợp AT - CL - SK - MT. Tại các Công ty trực thuộc và thành viên Phòng An toàn - Môi trường chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các chính sách, quy định, quy trình của PV Gas, cũng như tư vấn, hỗ trợ các phòng, bộ phận sản xuất thực hiện, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ và kịp thời phản ánh những vấn đề cần bổ sung, điều chỉnh nhằm bảo đảm hiệu lực và hiệu quả của Hệ thống trong thực

tế. Ngoài ra, còn có Hội đồng bảo hộ lao động, Ban chỉ đạo ứng cứu tình huống khẩn cấp và mạng lưới các an toàn vệ sinh viên cùng tham gia bộ máy tổ chức quản lý AT - CL - SK - MT.

HỆ THỐNG QUẢN LÝ AT - CL - SK - MT

Hệ thống quản lý AT - CL - SK - MT áp dụng trong toàn PV Gas cơ bản bao gồm các quy định của pháp luật và Hệ thống quản lý tích hợp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008, ISO 14001:2004. Điều này cho phép PV Gas vừa tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật Việt Nam, vừa tiếp thu được những điều tiến bộ trên thế giới để áp dụng trong quản lý AT - CL - SK - MT.

**PV GAS TIN TƯỞNG
RẰNG HỆ THỐNG
QUẢN LÝ AT - CL -
SK - MT ĐÁP ỨNG
TIÊU CHUẨN VIỆT
NAM, THẾ GIỚI
VÀ CÔNG TÁC
AT - CL - SK - MT
CỦA PV GAS ĐÃ,
ĐANG VÀ SẼ LUÔN
TẠO RA NHỮNG
SẢN PHẨM, DỊCH
VỤ ĐÁP ỨNG YÊU
CẦU CỦA KHÁCH
HÀNG; ĐẢM BẢO
AN TOÀN CHO TÀI
SẢN, NGƯỜI LAO
ĐỘNG CỦA PV GAS
VÀ NGƯỜI DÂN
XUNG QUANH; GIỮ
GÌN MÀU XANH
CHO MÔI TRƯỜNG
SỐNG XUNG
QUANH TA.**



THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH VỀ AN TOÀN

- » Xây dựng, ban hành và cập nhật thường xuyên để cải tiến các quy định, quy trình về an toàn.
- » Thực hiện và kiểm soát an toàn 24/24h trong sản xuất kinh doanh.
- » Kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất và đánh giá chi tiết việc thực hiện an toàn.
- » Điều tra, thống kê, lưu trữ đầy đủ, bài bản các tai nạn, sự cố và vi phạm an ninh, an toàn; thực hiện khắc phục, phòng ngừa kịp thời, rút kinh nghiệm và phổ biến rộng rãi.
- » Duy trì và nâng cao hiệu quả huấn luyện, đào tạo về an toàn, thực hiện bảo hộ lao động, STOP và các chương trình an toàn khác.
- » Chuẩn bị sẵn sàng và ứng cứu kịp thời, hợp lý trong các tình huống khẩn cấp.
- » Phối hợp chặt chẽ với công an, bộ đội biên phòng, chính quyền địa phương, người dân trong công tác an ninh, an toàn.

CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG

- » Khám sức khỏe: thực hiện định kỳ mỗi năm cho 100% số người lao động.

- » Duy trì sức khỏe: tổ chức nhiều hoạt động luyện tập, thi đấu thể thao, văn hóa.
- » Chăm sóc sức khỏe tại nơi làm việc: sắp xếp bộ phận y tế làm việc thường trực tại mỗi cơ sở sản xuất kinh doanh; khám, chữa bệnh ngay tại chỗ cho người lao động.
- » Chăm sóc sức khỏe tại bệnh viện: mua bảo hiểm y tế, bảo hiểm con người với mức trách nhiệm cao cho 100% số người lao động, giúp người lao động được hỗ trợ chi phí và được hưởng dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao.
- » Phục hồi sức khỏe: tổ chức đều đặn các kỳ nghỉ an dưỡng.
- » Quản lý sức khỏe: xây dựng và vận hành hệ thống phần mềm quản lý, chăm sóc sức khỏe người lao động.

GIỮ GÌN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- » Sử dụng máy móc, trang thiết bị, kỹ thuật, công nghệ hiện đại.
- » Đảm bảo hoạt động sản xuất, kinh doanh, xây dựng tuân thủ các quy định của pháp luật.
- » Quản lý, xử lý chất thải nghiêm ngặt.
- » Giữ gìn môi trường làm việc xanh - sạch - đẹp.



TOP 10

DOANH NGHIỆP ĐÓNG THUẾ THU NHẬP
DOANH NGHIỆP NHIỀU NHẤT VIỆT NAM

NHÃN HIỆU NỔI TIẾNG VIỆT NAM;

TOP 50

CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT TRÊN THỊ
TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM
(XẾP HẠNG 2);CÔNG TY KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT
VIỆT NAM;

TOP 100

GIẢI THƯỞNG SAO VÀNG ĐẤT VIỆT

TOP 500

DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT
VIỆT NAM VNR500 (XẾP HẠNG 12);**TRUSTPRO**
Brand 2013DOANH NGHIỆP ĐẠT CHỈ SỐ TÍN NHIỆM - TRUSTPRO BRAND 2013 VỀ
CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ, HỆ THỐNG QUẢN LÝ THEO TIÊU
CHUẨN QUỐC TẾ, TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG, TRÁCH NHIỆM VỚI
CỘNG ĐỒNG;

GIẢI VÀNG NGỌN HẢI ĐĂNG;

THƯƠNG HIỆU NỔI TIẾNG ASEAN;

CỜ THI ĐUA CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG.

bằng **MẠNG LƯỚI** RỘNG SÂU

Để đáp ứng nhu cầu khí ngày càng cao, PV Gas đã có những bước chuẩn bị cho việc cung ứng khí bằng cách phát triển mạng lưới phân phối rộng khắp, đầu tư thêm nhiều dự án thu gom và xử lý khí, hợp tác đầu tư nhằm ứng dụng công nghệ trong khai thác - vận hành, nâng cao năng lực quản lý, giữ vững vị thế số 1 của PV Gas tại thị trường trong nước.

5

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

- 80 Mạng lưới hoạt động
- 85 Đối tác
- 86 Công ty trực thuộc
- 90 Công ty cổ phần



9,67
TỶ M³ KHÍ
TỔNG SẢN LƯỢNG
KHÍ THU GOM NGOÀI
KHƠI VIỆT NAM

**CÙNG VỚI VIỆC
LIÊN TỤC ĐẦU
TƯ THU GOM,
KHAİ THÁC KHÍ BỂ
CỬU LONG, NAM
CÔN SƠN, PM3,
SẢN LƯỢNG KHÍ
VỀ BỜ VÀ CUNG
CẤP CHO KHÁCH
HÀNG ĐẾN NAY
LÊN ĐẾN TRÊN 9,5
TỶ M³ KHÍ/NĂM.**

KHÍ

KHÍ KHÔ

Khí khô là sản phẩm khí thu được từ khí thiên nhiên hay khí đồng hành sau khi đã xử lý tách nước và các tạp chất cơ học, tách khí dầu mỏ hóa lỏng và condensate tại nhà máy xử lý khí, có thành phần chủ yếu là methane (CH₄); được sử dụng rộng rãi trên thế giới và Việt Nam, làm nhiên liệu cho các nhà máy điện và làm nguyên liệu sản xuất phân đạm, methanol, DME...

Khí khô là sản phẩm đầu tiên PV Gas sản xuất và kinh doanh từ năm 1995 khi có dòng khí đầu tiên từ mỏ Bạch Hổ, bể Cửu Long với công suất ban đầu là 1 triệu m³ khí/ngày đêm. Cùng với việc liên tục đầu tư thu gom, khai thác khí bể Cửu Long, Nam Côn Sơn, PM3, sản lượng khí về bờ và cung cấp cho khách hàng đến nay lên đến trên 9,5 tỷ m³ khí/năm.

Hiện nay, hoạt động thu gom, mua bán, vận chuyển khí của PV Gas được thực hiện theo 3 hình thức:

- » PV Gas mua khí từ PVN (PVN mua khí từ các chủ mỏ) và bán khí cho các khách hàng. Hình thức này hiện đang được áp dụng đối với khí bể Cửu Long;
- » PV Gas mua khí trực tiếp từ chủ mỏ và bán khí cho các khách hàng. Hình thức này hiện đang được áp dụng đối với khí bể Nam Côn Sơn;
- » PV Gas chỉ vận chuyển khí, đóng vai trò là bên vận chuyển. Hình thức này hiện đang được áp dụng đối với khí mỏ PM3, bể Malay - Thổ Chu.

Thu gom, vận chuyển

Tổng sản lượng khí thu gom ngoài khơi Việt Nam, từ 3 bể Cửu Long, Nam Côn Sơn (Đông Nam Bộ) và Malay - Thổ Chu (Tây Nam Bộ) và vận chuyển về bờ đạt 9,67 tỷ m³ khí, tăng 3% so với năm 2012; tương ứng với 9,47 tỷ m³ khí khô sau khi đã tách lỏng để chế biến LPG và Condensate. Trong đó:

- » Nguồn khí bể Cửu Long (mỏ Bạch Hổ, Vòm Bắc, Rạng Đông, Phương Đông, Rỗng, Đối Mỗi, Sư Tử Đen, Sư Tử Vàng, Sư Tử Trắng, Hải Sư Trắng, Tê Giác Trắng, Cá Ngừ Vàng,...) đạt 1,42 tỷ m³ khí về bờ. Do có các giếng mới được đưa vào khai thác và các bên trong dây chuyền khí tối ưu hóa thời gian bảo dưỡng sửa chữa để tối đa hóa lượng khí về bờ, nên sản lượng khí bể Cửu Long về bờ không theo xu hướng giảm theo thời gian khai thác, mà thậm chí còn tăng 13% so với năm 2012, giúp sản xuất 1,19 tỷ m³ khí khô và gia tăng đáng kể sản lượng LPG, Condensate. Xét về hiện trạng dây chuyền sản xuất của PV Gas, hệ thống khí Cửu Long có thể mạnh riêng về sản xuất 3 loại sản phẩm là khí khô, LPG và Condensate;
- » Vượt trội về mặt sản lượng là nguồn khí bể Nam Côn Sơn (Lô 06.1, 11.2, Chim Sáo, Hải Thạch - Mộc Tinh,...), đạt 6,26 tỷ m³ khí, tương đương 66% tổng sản lượng khí cấp cho khách hàng. Từ tháng 9/2013, hệ thống khí Nam Côn Sơn tiếp nhận và vận chuyển thêm nguồn khí mới từ mỏ Hải Thạch - Mộc Tinh, cho phép PV Gas chủ động hơn trong huy

động nguồn khí vào bờ để đáp ứng nhu cầu khách hàng tại khu vực Đông Nam Bộ;

- » Nguồn khí PM3 thuộc bể Malay - Thổ Chu đạt 1,98 tỷ m³ khí, tăng 4% so với năm 2012, mặc dù giàn Talisman có một số sự cố ảnh hưởng đến cấp khí vào tháng 2, 3, 7, 10/2013. Cuối tháng 12/2013, PV Gas hoàn thành lắp đặt máy nén khí Cà Mau, hệ thống khí PM3 sẵn sàng tăng thêm sản lượng khí vận chuyển trong những năm tiếp theo. Trong vận hành hệ thống khí PM3, PV Gas luôn nỗ lực huy động tối đa nguồn khí PM3 vào bờ để tận dụng hết quyền lợi của Việt Nam trong việc khai thác mỏ khí tại khu vực chống lẩn này với Malaysia.

Trong năm 2014, mặc dù dự kiến sản lượng khí tăng không nhiều so với năm 2013, nhưng quan trọng hơn cả là PV Gas sẽ ổn định, điều độ hợp lý các nguồn khí trong từng thời điểm, đối với từng đối tượng khách hàng để khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên của đất nước và đem về lợi nhuận tối đa cho PV Gas trong hoạt động sản xuất và kinh doanh khí khô; cũng như tập trung các nguồn lực thực hiện đầu tư các dự án đường ống khí Nam Côn Sơn 2 giai đoạn 1, Hàm Rồng - Thái Bình, kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải, đường ống khí Lô B - Ô Môn,... tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về khả năng cấp khí của PV Gas cho khách hàng trong năm 2015 và các năm tiếp theo.

Phân phối

Từ chỗ chỉ có 1 khách hàng duy nhất vào năm 1995 là nhà máy điện Bà Rịa, đến nay PV Gas đang vận chuyển và bán khí cho 14 khách hàng; bao gồm 11 nhà máy điện



(Bà Rịa, Phú Mỹ 1, 2.1, 2.2, 3, 4, Nhơn Trạch 1, 2, Hiệp Phước, Cà Mau 1, 2), 2 nhà máy đạm (Phú Mỹ, Cà Mau) và Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam. Khu vực Đông Nam Bộ có đủ 3 nhóm khách hàng nhà máy điện, đạm, khách hàng tiêu thụ khí thấp áp.

Các nhà máy điện luôn là khách hàng lớn nhất của PV Gas từ trước đến nay, chiếm khoảng 82 - 85% sản lượng khí tiêu thụ. Tùy thuộc điều kiện thời tiết nắng nóng hay mưa nhiều mà EVN huy động thủy điện và nhiệt điện khác nhau. Tiếp theo là 2 nhà máy đạm Phú Mỹ và Cà Mau: tiêu thụ 11% sản lượng khí. Và cuối cùng là khách hàng tiêu thụ khí thấp áp: 6 - 7%. Năm 2013, sản lượng khí tiêu thụ của 3 nhóm khách hàng này lần lượt là 7,80 tỷ m³, 1,01 tỷ m³ và 0,61 tỷ m³.

PV Gas chủ trương tăng dần tỷ trọng sản lượng khí bán cho khách hàng tiêu thụ khí thấp áp trong cơ cấu khách hàng, giúp PV Gas chủ động hơn trong phân phối khí và hạn chế dần sự phụ thuộc vào nhóm khách hàng lớn, bằng cách củng cố và tăng thêm sản lượng khí cấp cho khách hàng tiêu thụ khí thấp áp tại khu vực Đông Nam Bộ và đẩy nhanh tiến độ đầu tư dự án đường ống khí Hàm Rồng - Thái Bình để sớm cấp khí cho các khách hàng tiêu thụ khí thấp áp tại Thái Bình và các tỉnh lân cận vào năm 2015.

KHÍ THẤP ÁP VÀ CNG (COMPRESSED NATURAL GAS)

Khí thấp áp và CNG là 2 dạng tồn tại khác của khí khô ở các điều kiện áp suất khác nhau; trong đó, khí thấp áp ở áp suất thấp (khoảng trên dưới 10 bar, tùy theo yêu cầu của từng khách hàng), được cung cấp tới nơi tiêu thụ bằng đường ống; và CNG ở áp suất cao (có thể lên tới 250 bar), được nén vào các bồn chuyên dụng và vận chuyển đến nơi tiêu thụ bằng các đầu kéo.

PV Gas D, PV Gas South - 2 Công ty thành viên của PV Gas, và CNG Việt Nam - Công ty thành viên của PV Gas South, là 3 Công ty duy nhất tại Việt Nam hiện nay trực tiếp sản xuất và kinh doanh khí thấp áp và CNG, cung cấp cho các hộ tiêu thụ tại khu vực Đông Nam Bộ (các nhà máy sản xuất công nghiệp, phương tiện giao thông vận tải) với sản lượng trung bình khoảng 620 triệu m³ khí thấp áp và 130 triệu m³ CNG/năm.

Dự kiến trong 2 năm tiếp theo 2014 và 2015, các đơn vị thành viên của PV Gas là PV Gas D, PV Gas North và PV Gas City sẽ tiếp tục mở rộng mạng lưới phân phối khí thấp áp và CNG ra thị trường miền Bắc và đến các chung cư, tòa nhà cao tầng; kéo dài chuỗi hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn PV Gas.

LPG

PV GAS BẮT ĐẦU KINH DOANH LPG (VÀ CONDENSATE) VÀO NĂM 1998 SAU KHI HOÀN THÀNH ĐẦU TƯ VÀ ĐƯA VÀO HOẠT ĐỘNG NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ DINH CỐ.

LPG - Liquefied Petroleum Gas - khí dầu mỏ hóa lỏng là hỗn hợp hydrocarbon nhẹ, chủ yếu gồm propane và butane, có thể bảo quản và vận chuyển dưới dạng lỏng trong điều kiện áp suất trung bình ở nhiệt độ môi trường. Với lợi thế là chất đốt sạch, LPG là một trong những loại nhiên liệu quan trọng và phổ biến tại Việt Nam.

PV Gas bắt đầu kinh doanh LPG (và Condensate) vào năm 1998 sau khi hoàn thành đầu tư và đưa vào hoạt động Nhà máy xử lý khí Dinh Cố.



TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG LPG THẾ GIỚI

Trái ngược với xu hướng tăng giá của năm trước, thị trường LPG thế giới năm 2013 diễn biến theo chiều ngược lại. Trong đó, giá CP trung bình năm 2013 giảm 45 USD so với năm 2012 (CP tháng 5 thấp nhất là 755 USD/tấn, CP tháng 12 cao nhất là 1.162,5 USD/tấn), trong điều kiện nguồn hàng dồi dào, đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ trên toàn thế giới. Do đó, thị trường LPG châu Á cũng không bị thiếu hàng, giá không tăng mà giảm. Giá CP năm 2013 giảm chủ yếu do nguồn cung từ các nhà máy hóa dầu, lọc dầu châu Á (Singapore, Brunei, Hàn Quốc...) tăng mạnh; và lượng xuất khẩu LPG từ khu vực Tây Phi và Mỹ với giá cạnh tranh về khu vực châu Á tăng đột biến.

TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG LPG VIỆT NAM

Thị trường LPG Việt Nam đã tăng sản lượng tiêu thụ thêm 7,5% so với năm 2012, khoảng 1,3 triệu tấn.

Trong đó, nguồn cung LPG nội địa (từ Nhà máy xử lý khí Dinh Cố và Nhà máy lọc dầu Dung Quất) đáp ứng trên 50% sản lượng, tăng 10% so với năm 2012; nguồn cung LPG nhập khẩu (từ Trung Đông và các nước lân cận như Trung Quốc, Malaysia, Đài Loan, Singapore, Indonesia,...) tăng khoảng 3% so với năm 2012, đáp ứng gần 50% nhu cầu còn lại.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH LPG CỦA PV GAS

SẢN XUẤT, MUA VÀ NHẬP KHẨU LPG

PV Gas kinh doanh LPG từ 3 nguồn: LPG do Nhà máy xử lý khí Dinh Cố, Nhà máy lọc dầu Dung Quất sản xuất và LPG nhập khẩu.

» Lượng LPG do Nhà máy xử lý khí Dinh Cố của PV Gas sản xuất từ nguồn khí Cửu Long, thay đổi theo sản lượng khí Cửu Long về bờ và tỷ lệ thu hồi sản phẩm lỏng, sản xuất đạt 299.169 tấn và

cung cấp 302.300 tấn, đáp ứng khoảng 44% nhu cầu LPG của thị trường miền Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ.

» **Đối với LPG do Nhà máy lọc dầu Dung Quất sản xuất:** PV Gas (và các Công ty thành viên) tham gia đấu giá 6 tháng/lần để mua và thực hiện bao tiêu một phần sản lượng. Khi đó, PV Gas cũng như các khách hàng khác, dựa trên kết quả đánh giá, dự báo về thị trường và phương án kinh doanh LPG của PV Gas để quyết định đấu giá mức Premium phù hợp với từng khu vực thị trường, (không đấu giá CP; giá CP thay đổi hằng tháng theo công bố của Công ty Aramco Saudi). Năm 2013, PV Gas mua và bán 65.500 tấn LPG Dung Quất để cung cấp cho cả 3 khu vực thị trường miền Bắc, Trung và Nam.

» **Đối với LPG nhập khẩu:** PV Gas nhập khẩu LPG lạnh thông qua hợp đồng nhập khẩu định hạn từ nhà sản xuất lớn ADNOC tại Trung Đông và các hợp đồng spot từ các quốc gia khác như mức tổng cộng khoảng 281.309 tấn để kinh doanh tại thị trường nội địa và xuất khẩu. Ngoài ra, PV Gas còn nhập khẩu LPG định áp bằng các chuyến hàng nhỏ từ nam Trung Quốc để kinh doanh tại thị trường phía Bắc với khối lượng gần 59.065 tấn. Như vậy, trong năm 2013, PV Gas đã nhập khẩu khoảng 340.374 tấn LPG để cung cấp cho thị trường nội địa và xuất khẩu.

» Ngoài ra, để mở rộng hoạt động kinh doanh LPG theo hướng tiếp cận sâu vào thị trường LPG thế giới, trong đó tập trung vào thị trường Trung Đông và châu Á, PV Gas còn tiến hành hoạt động

giao dịch trao đổi hàng hóa (kinh doanh LPG quốc tế) với nhiều nhà kinh doanh LPG nước ngoài. Tổng khối lượng LPG giao dịch trên thị trường nước ngoài trong năm 2013 đạt khoảng 352.637 tấn.

Và tương tự như khi mua LPG Dung Quất, khi nhập khẩu và kinh doanh LPG quốc tế, PV Gas và các đối tác chỉ thỏa thuận mức Premium (còn giá CP theo công bố giá CP hằng tháng của Công ty Aramco Saudi như thông lệ quốc tế).

BÁN, XUẤT KHẨU LPG

» Về đối tượng khách hàng:

- Khách hàng trong nước: với vị trí là nhà bán buôn cấp nguồn lớn nhất thị trường Việt Nam, PV Gas có hợp đồng mua bán LPG với hầu hết các doanh nghiệp kinh doanh LPG lớn tại các thị trường Bắc, Trung, Nam. Số lượng khách hàng lớn nhỏ thường xuyên có giao dịch mua bán với PV Gas là khoảng 40-50 khách hàng, như Petrolimex, Saigon Petro, Gas Petronas, ... và 3 Công ty thành viên PV Gas South, PV Gas North và PV Gas City với sản lượng khoảng 640.224 tấn LPG;

- Khách hàng nước ngoài: PV Gas xuất khẩu LPG sang thị trường Campuchia, Malaysia, Bangladesh, Philippines, Indonesia gần 67.950 tấn LPG, tăng 16% so với năm 2012;

Ngoài ra, như đã nêu trên, PV Gas còn tiến hành hoạt động giao dịch trao đổi hàng hóa (kinh doanh LPG quốc tế) với nhiều nhà kinh doanh LPG nước ngoài với tổng khối lượng LPG giao dịch trên thị trường nước ngoài đạt khoảng 352.637 tấn.



PV GAS CÓ HỢP ĐỒNG MUA BÁN LPG VỚI HẦU HẾT CÁC DOANH NGHIỆP KINH DOANH LPG LỚN TẠI CÁC THỊ TRƯỜNG BẮC, TRUNG, NAM. SỐ LƯỢNG KHÁCH HÀNG LỚN NHỎ THƯỜNG XUYÊN CÓ GIAO DỊCH MUA BÁN VỚI PV GAS LÀ KHOẢNG 40-50 KHÁCH HÀNG, NHƯ PETROLIMEX, SAIGON PETRO, GAS PETRONAS, VÀ 3 CÔNG TY THÀNH VIÊN PV GAS SOUTH, PV GAS NORTH VÀ PV GAS CITY.

LPG (tiếp theo)

» Về chính sách bán hàng:

- Đối với nguồn LPG Dinh Cố, PV Gas tổ chức đấu giá công khai 6 tháng/lần và mời các khách hàng đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh LPG (theo Nghị định 107/2009/NĐ-CP ngày 26/11/2009 của Chính phủ) tham gia. Tương tự như phương thức đấu giá LPG Dung Quất, các doanh nghiệp kinh doanh LPG tự quyết định đấu giá mức Premium phù hợp cho từng khu vực thị trường; Nghị định 107/2009/NĐ-CP ngày 26/11/2009 của Chính phủ) tham gia. Tương tự như phương thức đấu giá LPG Dung Quất, các doanh nghiệp kinh doanh LPG tự quyết định đấu giá mức Premium phù hợp cho từng khu vực thị trường;
- Đối với nguồn LPG nhập khẩu: PV Gas thực hiện cơ chế giá bán cạnh tranh (so sánh mức Premium) với các nguồn

LPG nhập khẩu từ các nước trong khu vực về thị trường Việt Nam và các nguồn LPG nội địa khác, trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả kinh doanh; Tương tự như vậy, đối với hoạt động giao dịch trao đổi hàng hóa (kinh doanh LPG quốc tế), PV Gas cũng thực hiện cơ chế giá bán cạnh tranh (so sánh mức Premium) với các nguồn LPG tại thị trường Trung Đông, cũng trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả kinh doanh;

Như vậy hoạt động kinh doanh LPG của PV Gas, dù với vai trò là bên mua hay bên bán, đều theo cơ chế thị trường và tuân thủ các quy định của Nhà nước cũng như các thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, với lợi thế vừa là nhà sản xuất vừa là nhà nhập khẩu LPG lớn nhất tại Việt Nam; có hệ thống kho chứa LPG (hàng lạnh và định áp) rộng khắp, chiếm khoảng 50% tổng công

suất kho chứa LPG của cả nước; có uy tín của thương hiệu PV Gas;... nên PV Gas luôn có đủ nguồn hàng LPG để thỏa mãn nhu cầu của khách hàng và có khả năng điều phối nguồn hàng LPG, giảm thiểu tình trạng khan hiếm cục bộ và tăng giá bất thường tại thị trường LPG Việt Nam;

- Đối với các Công ty thành viên là PV Gas South, PV Gas North và PV Gas City, sản phẩm LPG được bán cho các nhà máy sản xuất công nghiệp (sử dụng LPG làm nhiên liệu trong quá trình sản xuất), nhà hàng, khách sạn, hộ gia đình riêng lẻ hoặc trong các chung cư, tòa nhà cao tầng (sử dụng LPG trong các bình chứa hoặc thông qua hệ thống gas trung tâm làm nhiên liệu đun nấu, sinh hoạt), phương tiện giao thông vận tải (sử dụng LPG làm nhiên liệu thay thế cho xăng dầu),...trên phạm vi toàn quốc.

Ngành công nghiệp khí là một chuỗi các hoạt động tìm kiếm – thăm dò - khai thác - sản xuất - kinh doanh từ khâu thượng nguồn, trung nguồn đến hạ nguồn. Không một doanh nghiệp nào có thể độc lập hoạt động mà không có mối liên hệ với các doanh nghiệp, tổ chức khác.

Do đó, PV Gas luôn tích cực tìm kiếm, duy trì và phát triển quan hệ hợp tác đầu tư, kinh doanh với các đối tác có uy tín trong và ngoài nước, các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, các đối tác lớn ở khu vực châu Á -Thái Bình Dương, châu Âu, châu Úc, khu vực Trung Đông.

Đổi lại, PV Gas cũng là một doanh nghiệp đáng tin cậy mà hầu hết các

nhà đầu tư, doanh nghiệp trong và ngoài nước đều tìm đến và thiết lập quan hệ khi có ý định đầu tư, kinh doanh trong ngành công nghiệp khí tại Việt Nam.

Quan hệ hợp tác đầu tư, kinh doanh giữa PV Gas và các đối tác đem lại lợi ích cho các bên tham gia, trong đó có PV Gas, góp phần nâng cao vị thế của PV Gas cũng như phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam.

Trong năm 2013, ngoài việc duy trì và tăng cường hợp tác với các đối tác lâu năm để khai thác các mỏ khí ngoài khơi Việt Nam (Rosneft, Perenco, Chevron, MOECO, PTTEP, Talisman, Vietsovpetro, JVPC, HLJOC, Thang Long JOC,...), tiêu thụ khí khô (EVN, PV Power, PVFCCo, PVCFC),

nhập khẩu LPG (Adnoc, Tasweeq, Saudi Aramco,...), kinh doanh LPG, Condensate (BSR, PV Oil, SaigonPetro, Petrolimex,...), phát triển chuỗi giá trị LNG (Tokyo Gas), sản xuất ống thép (Steel Flower và thành phố Busan), PV Gas cũng đã mở rộng thêm quan hệ hợp tác với đối tác nước ngoài thông qua ký kết thỏa thuận hợp tác với Công ty BG LNG Trading (Singapore), tập đoàn GDF SUEZ (Pháp) về đầu tư, mua bán, kinh doanh LNG và Gazprom (Nga) về sản xuất và sử dụng khí thiên nhiên làm nhiên liệu, phục vụ thiết thực cho hoạt động kinh doanh khí.

PV Gas luôn chào đón các nhà đầu tư, doanh nghiệp có uy tín quan tâm đến PV Gas và ngành công nghiệp khí Việt Nam.

CONDENSATE

Condensate: chủ yếu được sử dụng để sản xuất xăng, dung môi công nghiệp và làm nguyên liệu cho tổ hợp hóa dầu. Tương tự như LPG, PV Gas sản xuất Condensate tại Nhà máy xử lý khí

Dinh Cố từ nguồn khí Cửu Long, với sản lượng thay đổi theo sản lượng khí Cửu Long về bờ và tỷ lệ thu hồi sản phẩm lỏng sản xuất đạt 61.164 tấn, và cung cấp 62.200 tấn cho Nhà máy chế biến Condensate của PV Oil.

Đối với Condensate sản xuất tại Nhà máy xử lý khí Nam Côn Sơn, PV Gas đóng vai trò là bên vận chuyển cho chủ mỏ, và hưởng cước phí vận chuyển, với sản lượng vận chuyển khoảng 178.550 tấn.



**“SỨC MẠNH TỔNG
HỢP CỦA PV GAS TRONG
VẬN HÀNH VÀ KHAI THÁC
AN TOÀN, LIÊN TỤC, HIỆU
QUẢ TOÀN BỘ DÂY CHUYỂN
KHÍ ĐƯỢC TẠO DỰNG NÊN
NHỜ VAI TRÒ TRỤ CỘT CỦA
CÁC CÔNG TY TRỰC THUỘC
VÀ SỰ PHỐI HỢP HOẠT
ĐỘNG NHỊP NHÀNG CỦA
CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN
VỚI ĐỊA BÀN KINH DOANH
RỘNG KHẮP. CÁC CÔNG TY
TRỰC THUỘC ĐÓNG VAI TRÒ
TRỤ CỘT XÂY DỰNG NÊN,
NÂNG ĐỖ VÀ TẠO SỨC
SỐNG CHO NGÔI NHÀ
CHUNG PV GAS.**

CÔNG TY VẬN CHUYỂN KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ là đơn vị quản lý, vận hành hệ thống đường ống dẫn khí từ bể Cửu Long đến Bà Rịa - Phú Mỹ - Nhơn Trạch - Hiệp Phước và Trung tâm Phân phối khí Phú Mỹ. Năm 2013, Công ty đã vận chuyển dòng khí đầu tiên từ mỏ Rồng - Đối Mồi mở rộng, đưa vào bờ và phối hợp tiếp nhận thành công sản lượng khí mới từ mỏ Hải Thạch - Mộc Tinh, hòa cùng dòng khí của hệ thống khí bể Cửu Long và Nam Côn Sơn để phân phối hợp lý, hiệu quả các nguồn khí đến tất cả các nhà máy nhiệt điện (sử dụng nhiên liệu khí), nhà máy đạm và khách hàng tiêu thụ khí thấp áp tại khu vực Đông Nam Bộ; cũng như cùng với Công ty Đường ống Khí Nam Côn Sơn và Công ty Khí Cà Mau cung cấp m³ khí thứ 80 tỷ đến khách hàng tiêu thụ.



101 Lê Lợi,
phường 6, TP. Vũng Tàu

Tel: 064 3834174
Fax: 064 3834171

www.pvgas.com.vn

CÔNG TY ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN

Công ty Đường ống Khí Nam Côn Sơn là đơn vị quản lý, vận hành hệ thống đường ống dẫn khí từ bể Nam Côn Sơn đến Phú Mỹ và nhà máy xử lý khí Nam Côn Sơn. Năm 2013 đánh dấu sự kiện hệ thống khí Nam Côn Sơn đạt các cột mốc 10 năm vận hành an toàn, liên tục; vận chuyển thành công 50 tỷ m³ khí; hoàn thành nâng công suất lên 22 triệu m³ khí/ngày đêm, tạo cơ sở để tiếp nhận nguồn khí mới Hải Thạch - Mộc Tinh vào tháng 9/2013 hòa cùng dòng khí của hệ thống khí bể Nam Côn Sơn đưa vào bờ; tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng của hệ thống khí Nam Côn Sơn - hệ thống khí có công suất vận chuyển lớn nhất trong toàn bộ hệ thống khí của PV Gas.



Tỉnh lộ 14, xã An Ngãi, huyện
Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tel: 08 37840111
Fax: 08 37840345

www.pvgas.com.vn

CÔNG TY KHÍ CÀ MAU

Công ty Khí Cà Mau là đại diện của PV Gas trong Cụm khí - điện - đạm Cà Mau, quản lý, vận hành hệ thống đường ống dẫn khí PM3 - Cà Mau từ ngoài khơi vào bờ để cấp khoảng 2 tỷ m³ khí/năm cho các nhà máy nhiệt điện (sử dụng nhiên liệu khí) và nhà máy đạm tại khu vực Tây Nam Bộ. Năm 2013, đội ngũ lao động trẻ về tuổi đời như chính Công ty (Công ty mới được thành lập năm 2006), nhưng đầy sáng tạo, nhiệt huyết và quyết tâm trong công việc, trong học tập đã tiếp nhận, quản lý và đưa vào vận hành an toàn máy nén khí Cà Mau vào tháng 12/2013, giúp tăng thêm sản lượng khí PM3 vào bờ để cung cấp cho các khách hàng tiêu thụ.



xã Khánh An, huyện U Minh,
tỉnh Cà Mau

Tel: 0780 3591343
Fax: 0780 3591315

www.pvgas.com.vn

CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU

Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu là đơn vị quản lý, vận hành nhà máy xử lý khí Dinh Cố và hệ thống kho chứa và cảng xuất nhập LPG, Condensate trên khắp 3 miền Bắc, Trung, Nam. Hoạt động sản xuất của Công ty không chỉ giúp gia tăng giá trị sản phẩm khí, tạo thêm doanh thu và lợi nhuận cho PV Gas, mà còn phối hợp nhịp nhàng với Công ty Kinh doanh sản phẩm Khí trong hoạt động kinh doanh LPG để chiếm lĩnh thị phần chi phối tại thị trường LPG Việt Nam. Nhờ năng lực và kinh nghiệm vận hành, tháng 3/2013, Công ty đã tiếp nhận, quản lý và vận hành kho chứa LPG lạnh tại Thị Vải với sức chứa 60.000 tấn - kho chứa LPG lạnh duy nhất, hiện đại nhất và lớn nhất tại Việt Nam, góp phần nâng công suất các kho chứa LPG của PV Gas mà Công ty đang quản lý và vận hành trên 50% tổng công suất kho chứa LPG của cả nước.



101 Lê Lợi,
phường 6, TP. Vũng Tàu

Tel: 064 6250150
Fax: 064 3838257

www.pvgas.com.vn

CÔNG TY DỊCH VỤ KHÍ

Công ty Dịch vụ Khí là đơn vị đảm nhận nhiệm vụ bảo dưỡng, sửa chữa ngăn ngừa, thường xuyên, đột xuất và kiểm định, hiệu chuẩn kịp thời, có chất lượng, góp phần đảm bảo các hệ thống khí của PV Gas hoạt động ổn định. Năm 2013, lực lượng lao động có trình độ của Công ty đã hoàn thành 100% các đầu việc bảo dưỡng sửa chữa, thậm chí rút ngắn thời gian hoàn thành công tác bảo dưỡng, sửa chữa trong đợt dừng khí toàn bộ hệ thống khí Cữu Long trước tiến độ 34 giờ, và trong đợt dừng khí toàn bộ hệ thống khí PM3 - Cà Mau trước tiến độ 3 ngày, giúp PV Gas hạn chế mức giảm doanh thu, lợi nhuận trong thời gian dừng khí, giúp các nhà máy điện, đạm nhanh chóng được cấp khí trở lại để tiếp tục sản xuất. Chính vì vậy, lực lượng lao động có tay nghề cao, chuyên sâu của Công ty là tài sản quý giá của Công ty cũng như của PV Gas.



101 Lê Lợi,
phường 6, TP. Vũng Tàu

Tel: 064 3586381
Fax: 064 3563180

www.pvgas.com.vn



CÔNG TY KINH DOANH SẢN PHẨM KHÍ

Công ty Kinh doanh sản phẩm Khí không chỉ kinh doanh sản phẩm LPG do PV Gas sản xuất từ nguồn Nhà máy xử lý khí Dinh Cố, mà còn cả sản phẩm LPG từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất và nhập khẩu từ nước ngoài, hoàn toàn theo giá LPG thế giới, với thị trường tiêu thụ chủ yếu tại Việt Nam và một phần xuất khẩu sang các nước lân cận. Do đó, Công ty chịu nhiều áp lực của thị trường về nguồn hàng, giá cả, chi phí và hiệu quả kinh doanh. Tuy nhiên, với lợi thế vượt trội về nguồn hàng, hệ thống kho cảng rộng khắp đất nước, uy tín của thương hiệu PV Gas, đội ngũ nhân viên am hiểu thị trường LPG Việt Nam và thế giới, nên liên tục trong các năm qua, Công ty luôn giữ vững vị trí là Công ty kinh doanh LPG hàng đầu Việt Nam, hằng năm kinh doanh 1 triệu tấn LPG tại thị trường LPG Việt Nam và thế giới. Vị trí này ngày càng được củng cố vững chắc hơn nữa khi kho chứa LPG lạnh của PV Gas tại Thị Vải với sức chứa 60.000 tấn, duy nhất, hiện đại nhất và lớn nhất tại Việt Nam đi vào hoạt động vào tháng 3/2013, góp phần nâng công suất các kho chứa LPG của PV Gas lên 50% tổng công suất kho chứa LPG của cả nước, hội đủ điều kiện cho phép PV Gas có những giải pháp tàng trữ LPG với khối lượng lớn, lâu dài, tạo thêm lợi thế trong kinh doanh.

Tầng 11, Tòa nhà PV Gas Tower,
673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước
Kiển, huyện Nhà Bè, TP. HCM

Tel: 08 3784 0220
Fax: 08 3784 0215

www.pvgas.com.vn

CÔNG TY QUẢN LÝ DỰ ÁN KHÍ

Công ty Quản lý dự án Khí là đơn vị trực tiếp chuẩn bị và thực hiện đầu tư các dự án khí quan trọng của PV Gas. Mỗi năm đi qua, hệ thống các công trình khí của PV Gas ngày càng được mở rộng với sự chung tay, góp sức chủ lực của người lao động của Công ty - những người không chỉ miệt mài xem xét, đánh giá tài liệu tại văn phòng mà còn phải nếm trải nắng gió công trường trong suốt quá trình thi công, xây dựng. Năm 2013, Công ty đã hoàn thành đầu tư kho chứa LPG lạnh, đường ống khí mỏ Rồng - Đối Mồi mở rộng, chuẩn bị đầu thầu EPC kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải, đường ống khí Hàm Rồng - Thái Bình,... tạo cơ sở vật chất để PV Gas bổ sung nguồn cung cấp khí và tăng cường năng lực tàng trữ LPG.



Tầng 11, Tòa nhà PV Gas Tower,
673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước
Kiển, huyện Nhà Bè, TP. HCM

Tel: 08 3784 0181
Fax: 08 3784 0180

www.pvgas.com.vn

CÔNG TY ĐIỀU HÀNH ĐƯỜNG ỐNG LÔ B - Ô MÔN

Để triển khai Hợp đồng hợp tác kinh doanh đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn giữa PV Gas, Chevron, MOECO và PTTEP, Công ty Điều hành Đường ống Lô B - Ô Môn được thành lập để chuẩn bị và thực hiện đầu tư dự án nhằm thu gom khí từ Lô B và đưa về khu vực Tây Nam Bộ. Vì vậy, lực lượng lao động của Công ty đều là những người có chuyên môn và kinh nghiệm trong công tác đầu tư xây dựng có sự tham gia góp vốn của đối tác nước ngoài. Năm 2013, do chưa có kết quả đàm phán giá khí ở khâu thương nguồn nên Công ty chỉ triển khai một số công việc cần thiết (thiết kế chi tiết, xử lý nền,...) để chuẩn bị sẵn sàng tái khởi động dự án.



Tầng 5, Tòa nhà PV Gas Tower,
673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước
Kiển, huyện Nhà Bè, TP. HCM

Tel: 08 3784 0551
Fax: 08 3784 0550

www.pvgas.com.vn

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

Ban Quản lý dự án Khí Đông Nam Bộ là một đơn vị chuyên trách công tác đầu tư xây dựng một số dự án thu gom khí của PV Gas. Do tính chất quan trọng của các dự án nên nhân sự của Ban đều là những thành viên kỳ cựu, từng tham gia công tác đầu tư xây dựng nhiều dự án trong ngành dầu khí; có bản lĩnh, sáng tạo trong việc xử lý tình huống khi có những thay đổi về phương án đầu tư. Năm 2013, Ban đã tập trung toàn bộ nhân lực để hoàn thành đầu tư đường ống khí Hải Thạch - Mộc Tinh và lập, trình duyệt dự án đầu tư đường ống Nam Côn Sơn 2 giai đoạn 1 để đưa thêm nguồn khí mới vào bờ, cung cấp cho khách hàng tiêu thụ tại khu vực Đông Nam Bộ trong năm 2013 và các năm tiếp theo.



Lầu 12, Khách sạn Dầu khí, 9 - 11
Hoàng Diệu, phường 1, TP. Vũng Tàu

Tel: 064 358 4584
Fax: 064 358 4585

www.pvgas.com.vn

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU

Ban Quản lý dự án Nhà máy xử lý Khí Cà Mau là đơn vị chuyên trách chuẩn bị và thực hiện đầu tư dự án nhà máy xử lý khí Cà Mau nhằm gia tăng giá trị sử dụng khí với lực lượng lao động trẻ nhưng không ngừng tìm tòi, khám phá, sáng tạo, có sáng kiến để tối ưu hóa thiết kế kỹ thuật, tiết giảm tổng mức đầu tư, gia tăng hiệu quả kinh tế của dự án. Năm 2013, bên cạnh việc cập nhật các thông số đầu vào của dự án nhà máy xử lý khí Cà Mau phù hợp với những thay đổi trên thực tế, Ban đã hoàn thành đầu tư và bàn giao đưa vào vận hành an toàn máy nén khí Cà Mau vào tháng 12, giúp tăng thêm sản lượng khí PM3 vào bờ, cung cấp cho các khách hàng tiêu thụ tại khu vực Tây Nam Bộ.



Tầng 12, Tòa nhà PV Gas Tower,
673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước
Kiển, huyện Nhà Bè, TP. HCM

Tel: 08 3784 0118
Fax: 08 3784 0120

www.pvgas.com.vn

Với những hỗ trợ thiết thực, kịp thời từ PV Gas - Công ty mẹ, cổ đông lớn và nỗ lực của chính Công ty cổ phần, hoạt động của các Công ty cổ phần đạt kết quả khá tốt; từ đó, giúp PV Gas bảo toàn và phát huy nguồn vốn đầu tư tài chính của PV Gas, cũng như tạo điều kiện thuận lợi trong việc phối hợp hoạt động nhịp nhàng với các Công ty trong toàn PV Gas trong vận hành và khai thác toàn bộ dây chuyền khí.

STT	Tên Công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	PV Gas nắm giữ (%)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Tỷ suất LNST/VĐL (%)
1	Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam - PV Gas South	Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí hóa lỏng (bán lẻ LPG) Sản xuất, kinh doanh khí nén (CNG)	Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam Tower, 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM Tel: 08 39100108 - Fax: 08 39100097 www.pgs.com.vn	380,0	35,3	7.057,5	237,7	62,6
2	Công ty CP Đầu tư Phát triển Gas đô thị - Gas City	Kinh doanh Gas bằng đường ống; lắp đặt hệ thống cung cấp Gas cho khu đô thị, nhà cao tầng	Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí, 173 Trung Kính, quận Cầu Giấy, Hà Nội Tel: 04 37346848 - Fax: 04 37346838 www.pvgascity.com.vn	188,7	35,5	855,2	14,6	7,7
3	Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc - PV Gas North	Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí hóa lỏng (bán lẻ LPG)	Tầng 11, Tòa nhà Viện Dầu khí, 173 Trung Kính, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Tel: 04 39445555 - Fax: 04 39445333 www.pvgasn.vn	277,2	35,9	4.074,5	27,7	9,9
4	Công ty CP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - PV Gas D	Kinh doanh và vận chuyển khí thấp áp bằng đường ống	Tầng 7, Tòa nhà PV Gas Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, TP. HCM Tel: 08 37840445 - Fax: 08 37840446 www.pvgasd.com.vn	429,0	50,5	6.422,1	209,1	48,7
5	Công ty CP Bọc ống Dầu khí Việt Nam - PV Coating	Bọc ống và xây lắp công trình dân dụng và công nghiệp	68, Trương Công Định, phường 3, TP. Vũng Tàu. Tel: 064 3924456 - Fax: 064 3924455 www.pvcoating.vn	216,0	76,5	533,0	58,7	27,1



HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT KẾT QUẢ KHÁ TỐT; TỪ ĐÓ, GIÚP PV GAS BẢO TOÀN VÀ PHÁT HUY NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CỦA PV GAS, CŨNG NHƯ TẠO ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI TRONG VIỆC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG NHỊP NHÀNG.

6

ĐỊNH HƯỚNG VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

95 Mục tiêu phát triển

96 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014

102 Báo cáo tài chính hợp nhất 2013
đã được kiểm toán

cho **PHÁT TRIỂN** **BỀN LÂU**

Từ nền tảng sẵn có, PV Gas mạnh dạn đầu tư thêm nhà máy mới, phát triển nhiều dự án về thu gom khí, nâng cao về chất lượng và sản lượng khí đầu ra, đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của nhiều nhóm khách hàng, mở rộng thị trường vì sự phát triển bền vững.





MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Phát triển PV Gas vững mạnh, an toàn, chất lượng, hiệu quả, hiện đại, với phạm vi hoạt động hoàn chỉnh trong tất cả các khâu thu gom, vận chuyển, chế biến, tàng trữ, kinh doanh, dịch vụ và xuất nhập khẩu khí và các sản phẩm khí; tập trung

đẩy mạnh công tác đầu tư cơ sở hạ tầng công nghiệp khí trên phạm vi cả nước; tham gia thị trường quốc tế. Tốc độ tăng trưởng doanh thu: 6,6%/năm. Trong đó: doanh thu khí chiếm 53%, sản phẩm khí chiếm 33%, dịch vụ chiếm 14%.

**PHÁT TRIỂN PV GAS
VỮNG MẠNH, AN TOÀN,
CHẤT LƯỢNG, HIỆU
QUẢ, HIỆN ĐẠI**

MỤC TIÊU CỤ THỂ

“TỔ CHỨC THU GOM KHÍ TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC, THU GOM TỐI ĐA CÁC NGUỒN KHÍ HIỆN TẠI, SỚM THU GOM CÁC NGUỒN ĐÃ PHÁT HIỆN; ĐẢM BẢO VẬN HÀNH AN TOÀN, HIỆU QUẢ CÁC NGUỒN KHÍ; PHẦN ĐẦU ĐẠT SẢN LƯỢNG TRÊN 10,2 TỶ M³ VÀO NĂM 2015.

» Tổ chức thu gom khí trên phạm vi toàn quốc, thu gom tối đa các nguồn khí hiện tại, sớm thu gom các nguồn đã phát hiện; đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả các nguồn khí; phần đầu đạt sản lượng trên 10,2 tỷ m³ vào năm 2015;

» Đầu tư chế biến sâu, thu hồi tối đa sản phẩm, gia tăng giá trị công trình khí; đầu tư phát triển mạng lưới đường ống trên bờ đồng bộ với hoạt động thu gom; đảm bảo nguồn cung khí ổn định, liên tục cho các hộ tiêu thụ; phần đầu

cung cấp từ 9,5 - 9,8 tỷ m³/năm cho giai đoạn 2014 - 2015, sản xuất 185-212 nghìn tấn LPG/năm và 47 - 41 nghìn tấn Condensate/năm;

» Giữ vững vai trò chủ đạo trong thị trường kinh doanh LPG, phần đầu đạt ít nhất 70% thị phần LPG toàn quốc, trong đó ít nhất 50% thị phần bán buôn LPG cả nước và 27% thị phần LPG bán lẻ;

» Là nhà cung cấp dịch vụ hàng đầu trong lĩnh vực công nghiệp khí, đặc biệt là các dịch vụ vận chuyển khí và sản phẩm khí; sản

xuất và bọc ống; cung cấp khí thấp áp, cung cấp CNG/LNG cho giao thông vận tải/khu đô thị và tàng trữ sản phẩm khí. Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2014 - 2015 đạt 12,6%/năm.



ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

» Thuận lợi: uy tín của PV Gas ngày càng gia tăng trong nước và khu vực; PV Gas tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của PVN, hỗ trợ của các cấp chính quyền địa phương, Trung ương ưu tiên phát triển ngành công nghiệp khí. Kế hoạch 5 năm 2011-2015 điều chỉnh và Phương án tái cấu trúc PV Gas đã được PVN phê duyệt tạo thuận lợi cho PV Gas triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch và phát

triển ngành công nghiệp khí.

» Khó khăn: theo dự báo, kinh tế toàn cầu cũng như trong nước vẫn còn khó khăn, hoạt động của các doanh nghiệp trong nước tiếp tục bị ảnh hưởng. Nhiều dự án lớn của PV Gas đồng loạt triển khai, với tiến độ gấp, nhu cầu vốn lớn, cần phải tập trung và huy động nguồn lực lớn mới đảm bảo tiến độ.

CƠ SỞ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

» Kế hoạch 5 năm 2011 - 2015 điều chỉnh và Phương án tái cấu trúc PV Gas giai đoạn 2012-2015;

» Giá mua bán khí, cước phí vận chuyển khí theo quy định của hợp đồng và quy định của Chính phủ;

» Chưa có nguồn khí mới và chưa có thêm khách hàng tiêu thụ khí khô mới, lớn trong năm 2014;

» Dự báo thị trường LPG nội địa sẽ tăng trưởng nhưng ở mức không cao (khoảng 2% so với năm 2013);

» Giá dầu thô làm cơ sở xác định giá các loại nhiên liệu là 100 USD/thùng;

» Tình hình thực hiện thực tế của PV Gas trong 3 năm gần nhất.

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

» Vận hành an toàn, hiệu quả và đảm bảo công tác an ninh an toàn các công trình khí hiện có;

» Đảm bảo hiệu quả trong sản xuất, tiêu thụ khí và các sản phẩm khí ở mức tối đa trong khả năng cho các khách hàng;

» Kiểm soát và đảm bảo tiến độ, vốn cho các dự án đầu tư xây dựng, đặc biệt là các dự án thu gom, chế biến, tàng trữ và phân phối khí;

» Lấy lĩnh vực khí và dịch vụ khí làm trọng tâm, tiếp tục rà soát công tác đầu tư ra bên ngoài, điều chỉnh danh

mục loại hình, vốn đầu tư phù hợp, đảm bảo hiệu quả; tiết giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

» Thực hiện tái cấu trúc, rà soát, sắp xếp nhân sự theo phương án được phê duyệt, phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Gas;

» Quản lý/khai thác có hiệu quả các hợp đồng mua bán, vận chuyển khí;

» Tập trung đầu tư xây dựng và phát triển thương hiệu PV Gas trong và ngoài nước.

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2014
I	Chỉ tiêu khối lượng		
1	Khí khô	Triệu m³	9.511
-	Khí Cửu Long	Triệu m ³	980
-	Khí Nam Côn Sơn	Triệu m ³	6.581
-	Khí PM3	Triệu m ³	1.950
2	Condensate	Tấn	47.200
3	LPG Công ty mẹ	Tấn	940.465
-	Dinh Cố	Tấn	212.465
-	Dung Quất	Tấn	84.000
-	Nhập khẩu và kinh doanh quốc tế	Tấn	644.000
II	Chỉ tiêu tài chính		
1	Doanh thu	Tỷ đồng	62.444
-	Trong đó Công ty mẹ	Tỷ đồng	55.299
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10.537
-	Trong đó Công ty mẹ	Tỷ đồng	10.343
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	8.616
-	Trong đó Công ty mẹ	Tỷ đồng	8.454
4	Tỷ suất LNST/VĐL	%	45
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	33
6	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	4.176
-	Trong đó Công ty mẹ	Tỷ đồng	4.088
7	Giá trị giải ngân Công ty mẹ (*)	Tỷ đồng	4.582
-	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	2.268
-	Vốn vay + vốn khác	Tỷ đồng	2.314
8	Lao động cuối kỳ Công ty mẹ	Người	1.142
9	Nghiên cứu khoa học Công ty mẹ	Đề tài	06
-	Trong đó chuyển tiếp của năm 2013	Đề tài	04

(*) Tổng số dự án của Công ty mẹ là 18 dự án (chuyển tiếp, mới, chuẩn bị đầu tư và thanh quyết toán), tập trung vào 2 lĩnh vực chính là thu gom, vận chuyển, xử lý, phân phối khí và xây dựng cơ sở hạ tầng chuẩn bị cho nhập khẩu LNG với giá trị giải ngân là 4.582 tỷ đồng, bao gồm: 07 dự án nhóm A, 08 dự án nhóm B, còn lại là nhóm C, mua sắm trang thiết bị và đầu tư tài chính.

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

“ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN 2 - PHÂN KỲ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 1 (MỎ THIÊN ƯNG): HOÀN THÀNH 40% KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HỢP ĐỒNG EPC ĐƯỜNG ỐNG BIỂN, 100% KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC MUA THÉP TẤM...”

Mục tiêu/công việc thực hiện của một số dự án:

CÁC DỰ ÁN THU GOM KHÍ

- » Đường ống khí Nam Côn Sơn 2- phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 (mỏ Thiên Ưng): hoàn thành 40% khối lượng công việc hợp đồng EPC đường ống biển, 100% khối lượng công việc mua thép tấm, 90% khối lượng công việc sản xuất ống và 80% khối lượng công việc bọc ống;
- » Đường ống khí Lô B - Ô Môn: hoàn thành 100% khối lượng công tác xử lý nền trạm Ô Môn;
- » Đường ống khí Hàm Rồng - Thái Bình: hoàn thành 10% khối lượng công việc hợp đồng EPC;
- » Đường ống khí Thăng Long - Đông Đô: nghiên cứu giải pháp thu gom phù hợp trên cơ sở cập nhật khả năng thu gom khí.

CÁC DỰ ÁN NHẬP KHẨU KHÍ

- » Kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải: hoàn thành 80% khối lượng công tác thiết kế chi tiết, 90% khối lượng công tác xử lý nền móng, 10% khối lượng công tác mua sắm.
- » Kho chứa, cảng LNG 3 - 6 triệu tấn/năm tại Sơn Mỹ: xây dựng và làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước, tổ chức có liên quan về mô hình cung cấp, hợp đồng mua bán, cơ chế giá LNG, các quy chuẩn, tiêu chuẩn công trình LNG...; cũng như phối hợp chặt chẽ với các bên có liên quan của dự án nhà máy điện Sơn Mỹ ... để dự án đầu tư kho chứa, cảng LNG 3 - 6 triệu tấn/năm tại Sơn Mỹ sớm được thông qua.



TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CHẾ BIẾN, TÀNG TRỮ KHÍ, SẢN PHẨM KHÍ

- » Nâng cấp kho chứa LPG Đình Vũ - Hải Phòng: hoàn thành 100% khối lượng công tác thiết kế chi tiết, 60% khối lượng xây dựng, lắp đặt bồn, 30% khối lượng công tác mua sắm;
- » Tách Ethane từ nguồn khí Cửu Long và Nam Côn Sơn: phê duyệt dự án đầu tư, triển khai FEED và dự toán;

THANH QUYẾT TOÁN

Kho lạnh LPG Thị Vải, máy nén khí Cà Mau, một số hạng mục Đường ống khí Nam Côn Sơn 2, đường ống khí Rồng - Đồi Mồi mở rộng,...

GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN

SẢN XUẤT KINH DOANH

- » Tăng cường công tác bảo vệ, an ninh, an toàn trên các công trình khí; chủ động phối hợp chặt chẽ với các bên trong dây chuyền khí về dự báo, ấn định, bảo dưỡng, sửa chữa, đảm bảo vận hành an toàn, nhịp nhàng hệ thống nhằm giảm thiểu thời gian dừng/giảm cung cấp khí, huy động tối đa công suất hệ thống các bên;
 - » Liên tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy trình về an toàn, quy chế bảo dưỡng sửa chữa, định mức kinh tế kỹ thuật,... nhằm hạ giá thành sản phẩm, tăng năng suất lao động, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường;
 - » Cân đối nguồn hàng LPG (Dinh Cố, Dung Quất, nhập khẩu), xây dựng kế hoạch kinh doanh, đảm bảo hiệu quả kinh doanh và duy trì PV Gas là nhà cung cấp LPG lớn nhất tại thị trường Việt Nam;
 - » Đẩy mạnh công tác marketing, tìm kiếm khách hàng, phát triển thị trường tiêu thụ LPG, KTA, CNG, ống thép và bọc ống; đầu tư hệ thống hạ tầng phân phối, hạ tầng công nghiệp KTA, CNG, Gas đô thị đến các hộ công nghiệp và dân dụng;
 - » Duy trì và phát huy hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp AT-CL-MT. Tổ chức thực hiện tốt chương trình truyền thông, quy chế phối hợp bảo vệ an ninh, an toàn công trình khí.
- #### ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
- » Ưu tiên thực hiện các dự án quan

trọng để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn; tập trung triển khai các dự án kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải, đường ống khí Nam Côn Sơn 2 giai đoạn 1, Đại Hùng, Lô B - Ô Môn, Hàm Rồng - Thái Bình để tăng nguồn cung khí;

- » Liên tục rà soát và kiểm soát chặt chẽ tiến độ, đánh giá lại hiệu quả đầu tư (nếu cần) để thực hiện dừng/giãn và thực hiện theo nguyên tắc chỉ đầu tư dự án hiệu quả/hoặc có phương án thay thế nếu dự án không hiệu quả; thu xếp, đảm bảo đủ vốn cho dự án theo tiến độ;
- » Rà soát toàn bộ các gói thầu/hạng mục đầu tư, ưu tiên tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ các gói thầu/hạng mục đầu tư quan trọng nhằm đảm bảo tiến độ, giảm lãi vay và các chi phí liên quan, nâng cao hiệu quả dự án;
- » Căn cứ tính chất dự án và mức độ phân cấp, thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc tại hiện trường, duy trì giao ban hàng tuần/tháng để tháo gỡ vướng mắc, xây dựng và áp dụng cơ chế thường, phạt rõ ràng.

NGUỒN LỰC, ĐÀO TẠO, TIỀN LƯƠNG, QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- » Xây dựng kế hoạch đào tạo có trọng điểm gắn với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; tổ chức đào tạo, tái đào tạo phù hợp với chức danh; hạn chế các khóa đào tạo ngắn ngày ở nước ngoài; tăng cường công tác đào tạo nội bộ, đào tạo kèm cặp tại công trình hiện hữu để giảm chi phí;

» Đề xuất, áp dụng chính sách lương, thưởng, phúc lợi thích hợp nhằm tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên ổn định đời sống, tinh thần, sức khỏe, yên tâm làm việc để thu hút và phát triển nguồn lực có trình độ và kinh nghiệm gắn bó làm việc lâu dài với PV Gas; xây dựng, phát triển nguồn lực trẻ, năng động, sáng tạo, tâm huyết để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

» Thực hiện đề án tái cấu trúc PV Gas; không ngừng rà soát, sắp xếp, bố trí lại lao động phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh; không tuyển dụng thêm lao động khi nhiệm vụ, khối lượng công việc không tăng, giải quyết dứt điểm số lao động dôi dư (nếu có) nhằm tăng năng suất lao động, giảm chi phí nhân công; thực hiện bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ nhằm tăng khả năng lãnh đạo và hoàn thành tốt công việc;

» Rà soát lại chức năng, nhiệm vụ và năng lực của người đại diện của PV Gas tại các đơn vị thành viên nhằm nâng cao vai trò và trách nhiệm người đại diện; phân cấp mạnh, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc, giải quyết kịp thời những khó khăn, tồn tại của các đơn vị cơ sở.

Duy trì và phát huy hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp An toàn - Chất lượng - Môi trường. Tổ chức thực hiện tốt chương trình truyền thông, quy chế phối hợp bảo vệ an ninh, an toàn công trình khí.

GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN (TIẾP THEO)

HUY ĐỘNG, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN

» Tận dụng tối đa nguồn vốn tín dụng của các tổ chức tài chính trong và ngoài nước, PVN, đảm bảo đủ vốn cho nhu cầu đầu tư, sản xuất kinh doanh của PV Gas; quản lý, sử dụng linh hoạt và hiệu quả nguồn vốn tài chính của

PV Gas và các đơn vị nhằm huy động tối đa sức mạnh tài chính toàn PV Gas;

» Rà soát, cân đối thu - chi ngoại tệ, chủ động phối hợp với các ngân hàng thực hiện chính sách kết hối ngoại tệ khi cần thiết, phục vụ kịp thời cho sản xuất kinh doanh, đầu tư; rà soát nhu cầu đầu tư theo từng nguồn vốn, thu xếp vốn kịp thời theo tiến

độ từng dự án; tăng cường sử dụng nguồn vốn vay từ gốc VNĐ để giảm thiểu rủi ro về tỷ giá...;

» Đẩy nhanh công tác thẩm tra quyết toán các dự án hoàn thành; tăng cường quản lý tài sản, kiểm soát, kiểm tra thường xuyên; lập báo cáo tài chính kịp thời phục vụ tốt cho công tác quản trị và công bố thông tin;

» Quản lý, kiểm soát chặt chẽ giá thành, giá vốn các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ kết hợp với đổi mới quản trị doanh nghiệp, bảo đảm chất lượng và giá sản phẩm hàng hóa, dịch vụ ở mức cạnh tranh hợp lý, tổ chức kiểm tra, giám sát để chấn chỉnh kịp thời công tác thực hiện; cắt giảm chi phí thường xuyên, mua sắm vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu và sử dụng các dịch vụ đúng quy định và đảm bảo chất lượng;

» Tăng cường lồng ghép các nội dung để rút ngắn thời gian hợp, hội nghị nhằm tiết kiệm chi phí; hạn chế tối đa việc tổ chức hội thảo, hội nghị ở xa trụ sở chính của đơn vị; không kết hợp tổ chức họp, hội nghị với tham quan, nghỉ mát; tăng cường các cuộc họp, xử lý công việc bằng hình thức họp trực tuyến (video conference); cử cán bộ đi công tác đúng đối tượng, đúng số lượng.

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào ngành công nghiệp khí; tăng cường hợp tác về khoa học công nghệ trong lĩnh vực chế biến khí với tổ chức/đơn vị trong và ngoài nước; tập trung nghiên cứu, xây dựng các tiêu chuẩn, quy hoạch hệ thống tiếp nhận và phân phối phục vụ cho công tác kinh doanh các sản phẩm khí, thu gom khí các mỏ khí biên; ứng dụng công nghệ thông tin và phương thức quản lý tiên tiến vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh.



“ ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TIÊN TIẾN VÀO NGÀNH CÔNG NGHIỆP KHÍ; TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC VỀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG LĨNH VỰC CHẾ BIẾN KHÍ VỚI TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC.

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT 2013
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo có tài chính hợp nhất này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Lê Như Linh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 06 tháng 12 năm 2013)
Ông Đỗ Khang Ninh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2013
	miễn nhiệm ngày 05 tháng 12 năm 2013)
Ông Đỗ Khang Ninh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 06 tháng 12 năm 2013)
Bà Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch (nghỉ hưu từ ngày 15 tháng 4 năm 2013)
Ông Vũ Đình Chiến	Phó Chủ tịch
Ông Phan Quốc Nghĩa	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Dân	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Đỗ Khang Ninh	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Trần Hưng Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Nghị	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Mạnh Sơn	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Bùi Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Tùng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mậu Dũng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Khang Ninh
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2014



Số: 846/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Tel: +844 6288 3568
Fax: +844 6288 5678
www.deloitte.com/vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2014, từ trang 107 đến trang 154 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0042-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 24 tháng 3 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
1130-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

			Đơn vị: VND	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		28.307.000.125.801	20.371.923.851.895
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	18.292.997.853.785	12.753.084.518.890
1. Tiền	111		2.871.148.131.563	2.863.132.509.023
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.421.849.722.222	9.889.952.009.867
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		818.400.000.000	68.900.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	818.400.000.000	68.900.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.960.271.247.392	5.373.621.264.496
1. Phải thu khách hàng	131		5.367.524.365.864	4.685.347.490.903
2. Trả trước cho người bán	132		364.713.506.477	238.284.434.969
3. Các khoản phải thu khác	135	7	303.515.673.310	503.275.558.814
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(75.482.298.259)	(53.286.220.190)
IV. Hàng tồn kho	140	8	2.461.447.890.066	1.613.861.504.515
1. Hàng tồn kho	141		2.551.234.000.042	1.697.933.795.824
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(89.786.109.976)	(84.072.291.309)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		773.883.134.558	562.456.563.994
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		99.394.627.300	80.864.897.395
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		155.681.481.108	242.263.975.928
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	27.431.864.026	746.260.576
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	491.375.162.124	238.581.430.095
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		21.540.672.785.751	24.154.899.329.132
I. Tài sản cố định	220		19.832.971.680.375	20.995.219.488.496
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	16.566.943.437.255	15.322.431.154.651
- Nguyên giá	222		33.379.936.365.725	28.892.920.270.805
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.812.992.928.470)	(13.570.489.116.154)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	117.401.685.038	171.444.164.015
- Nguyên giá	225		234.189.964.033	233.414.964.033
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(116.788.2 78.995)	(61.970.800.018)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	345.269.451.846	344.498.531.074
- Nguyên giá	228		375.361.704.774	365.265.638.716
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.092.252.928)	(20.767.107.642)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	2.803.357.106.236	5.156.845.638.756
II. Bất động sản đầu tư	240		-	762.243.170
- Nguyên giá	241		-	5.653.026.713
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	(4.890.783.543)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		445.219.192.283	867.827.381.026
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	16	78.618.908.503	75.635.750.091
2. Đầu tư dài hạn khác	258	18	441.600.283.780	847.600.283.780
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(75.000.000.000)	(55.408.652.845)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.262.481.913.093	2.291.090.216.440
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	19	1.231.778.636.667	2.265.490.285.995
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		5.499.218.456	3.521.287.287
3. Tài sản dài hạn khác	268		25.204.057.970	22.078.643.158
C. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	269	20	531.262.467.013	619.357.443.887
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200+269)	270		50.378.935.378.565	45.146.180.624.914

Các thuyết minh từ trang 112 đến trang 154 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		15.345.611.241.732	16.310.931.351.123
I. Nợ ngắn hạn	310		9.873.098.383.528	8.056.204.626.148
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	21	2.852.512.594.119	3.041.859.621.480
2. Phải trả người bán	312		3.658.256.678.856	2.374.444.302.083
3. Người mua trả tiền trước	313		73.689.620.884	11.632.553.842
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	22	773.742.762.060	708.635.752.915
5. Phải trả người lao động	315		137.995.751.453	163.803.747.694
6. Chi phí phải trả	316	23	1.564.990.395.523	1.191.150.294.664
7. Phải trả ngắn hạn nội bộ	317	24	298.361.455.294	45.631.637.351
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	25	404.605.274.667	456.754.972.429
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		108.943.850.672	62.291.743.690
II. Nợ dài hạn	330		5.472.512.858.204	8.254.726.724.975
1. Phải trả dài hạn nội bộ	332	26	44.264.383.269	44.264.383.269
2. Phải trả dài hạn khác	333	27	229.197.999.385	270.061.016.924
3. Vay và nợ dài hạn	334	28	4.604.396.517.868	6.188.759.149.207
4. Dự phòng phải trả dài hạn	337		82.576.132.249	1.261.561.198
5. Doanh thu chưa thực hiện	338		505.123.377.794	596.715.164.385
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		6.954.447.639	1.153.665.449.992
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410+430)	400		33.358.036.009.393	27.192.763.424.095
I. Vốn chủ sở hữu	410	29	33.358.036.009.393	27.191.199.379.241
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18.950.000.000.000	18.950.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.216.727.266	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		33.010.841.083	33.010.841.083
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.519.430.938.822	1.548.073.253.137
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.683.834.433.528	1.456.619.605.947
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		134.944.997.553	131.687.747.553
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.035.598.071.141	5.071.807.931.521
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	1.564.044.854
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	1.564.044.854
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	30	1.675.288.127.440	1.642.485.849.696
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		50.378.935.378.565	45.146.180.624.914

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	31/12/2013	31/12/2012
1. Hàng hóa nhận giữ hộ (Kg)	1.397.848	1.108.431
2. Ngoại tệ các loại		
USD	5.107.337	4.596.527
EUR	1.947	1.638

Đặng Thị Hồng Yến

Người lập biểu

Mai Hữu Ngạn

Kế toán trưởng

M.S.D.N : 3500102710 - C.T.C.P

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN

H. NHÀ BÈ - TP. HỒ CHÍ MINH

Đỗ Khang Ninh

Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	65.597.100.116.086	68.419.862.408.855
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	32	197.414.320.128	118.503.607.859
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01 - 02)	10	32	65.399.685.795.958	68.301.358.800.996
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	33	48.167.455.634.889	53.394.663.454.298
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		17.232.230.161.069	14.906.695.346.698
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	1.222.947.832.000	1.143.873.657.044
7. Chi phí tài chính	22	35	649.017.818.757	556.776.193.436
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		420.450.207.908	449.624.014.624
8. Chi phí bán hàng	24		1.263.022.901.640	1.272.656.622.780
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.095.444.712.513	1.926.596.892.273
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		14.447.692.560.159	12.294.539.295.253
11. Thu nhập khác	31	36	1.201.093.426.441	90.534.302.545
12. Chi phí khác	32	37	71.328.506.419	37.121.818.982
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.129.764.920.022	53.412.483.563
14. Phần lãi trong công ty liên kết	45		5.298.215.259	2.349.765.728
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		15.582.755.695.440	12.350.301.544.544
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	38	2.988.853.977.911	2.247.551.651.441
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(1.977.931.169)	791.039.463
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		12.595.879.648.698	10.101.958.853.640
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		308.337.205.403	294.622.980.277
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		12.287.542.443.295	9.807.335.873.363
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	6.478	5.167

Đặng Thị Hồng Yến

Người lập biểu

Mai Hữu Ngạn

Kế toán trưởng

M.S.D.N : 3500102710 - C.T.C.P

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN

H. NHÀ BÈ - TP. HỒ CHÍ MINH

Đỗ Khang Ninh

Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Đơn vị: VNĐ			
CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.582.755.695.440	12.350.301.544.544
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.338.271.404.708	3.088.796.474.370
Các khoản dự phòng	03	47.501.243.891	102.223.792.403
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	12.343.823.954	(5.685.400.262)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.159.756.676.572)	(1.067.698.147.746)
Chi phí lãi vay	06	420.450.207.908	449.624.014.624
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	18.241.565.699.329	14.917.562.277.933
Thay đổi các khoản phải thu	09	(548.535.666.065)	1.479.228.476.613
Thay đổi hàng tồn kho	10	(853.300.204.218)	(581.402.364.408)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	518.796.365.795	(2.553.346.982.591)
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	919.153.794.756	1.081.050.011.962
Tiền lãi vay đã trả	13	(449.960.870.727)	(529.185.270.206)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.003.609.993.823)	(1.981.984.302.115)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	54.646.353.189	37.810.180.213
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(294.120.152.649)	(331.728.721.290)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.584.635.325.587	11.538.003.306.111
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(2.370.691.165.930)	(2.414.704.980.096)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	962.732.491	20.531.843.742
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(753.283.158.412)	(176.151.837.380)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	406.800.000.000	544.081.695.453
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.110.891.885.615	1.120.730.933.458
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.605.319.706.236)	(905.512.344.823)

Đơn vị: VNĐ			
CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.609.612.470.569	2.337.623.086.925
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.315.593.730.885)	(4.183.039.332.825)
3. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	(29.653.684.508)	(40.014.456.444)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.703.802.624.545)	(6.043.425.480.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.439.437.569.369)	(7.928.856.182.344)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	5.539.878.049.982	2.703.634.778.944
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	12.753.084.518.890	10.045.200.208.018
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	35.284.913	4.249.531.928
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	18.292.997.853.785	12.753.084.518.890

Đặng Thị Hồng Yến
Người lập biểu

Mai Hữu Ngạn
Kế toán trưởng

M.S.D.N : 3500102710 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY
KHÍ
VIỆT NAM
CÔNG TY
CỔ PHẦN
H. NHÀ BÈ - TP. HỒ CHÍ MINH

Đỗ Khang Ninh
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO THƯƠNG NIÊN 2013

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh từ trang 112 đến trang 154 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

Các thuyết minh từ trang 112 đến trang 154 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

110 | 111

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên - là công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 2232/QĐ-DKVN ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500102710 cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2007.

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 5 năm 2011 với vốn điều lệ là 18.950 tỷ đồng. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là GAS.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng Công ty có các công ty con sau:

- Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (sau đây gọi tắt là “PVGAS South”).
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (sau đây gọi tắt là “PVGAS North”).
- Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “PVGAS D”).
- Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Khí (sau đây gọi tắt là “PV Coating”).
- Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “PV Pipe”).
- Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “PV Cylinder”), đã sáp nhập vào PVGAS South trong năm 2013.
- Công ty Cổ phần Thể thao Văn hóa Dầu khí (sau đây gọi tắt là “PSCC”), đã giải thể trong năm 2013.

Hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm: Thu gom, vận chuyển, tàng trữ khí và sản phẩm khí. Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống, chi tiết: Chế biến khí và sản phẩm khí. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Tổ chức phân phối và kinh doanh các sản phẩm khí khô, khí LNG, CNG, LPG, Condensate; Xuất nhập khẩu các sản phẩm khí khô, LNG, LPG, Condensate. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan, chi tiết: Tư vấn đầu tư, thiết kế xây dựng công trình công nghiệp cơ khí chế tạo. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình công nghiệp, dân dụng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác, chi tiết: Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, dự án khí và liên quan đến khí. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu, chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến và sử dụng khí và các sản phẩm khí, nhập vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ ngành khí. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ kho bãi, cảng. Kinh doanh bất động sản. Đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng từ khâu nguồn từ cung cấp đến khâu phân phối bán buôn, bán lẻ. Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật, chi tiết: Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí, cải tạo công trình khí. Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực khí, cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa động cơ, lắp đặt thiết bị chuyển đổi cho phương tiện giao thông vận tải và nông lâm ngư nghiệp sử dụng nhiên liệu khí. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết: Dịch vụ vận tải và các phương tiện có sử dụng nhiên liệu khí, vận chuyển sản phẩm khí (kinh doanh dịch vụ vận chuyển các sản phẩm khí).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát

được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó tối đa là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác và các tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được trình bày theo giá gốc, bao gồm tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng, khoản tiền ủy thác quản lý vốn ngắn hạn và hưởng lãi suất ủy thác tương ứng với kết quả của hoạt động ủy thác và các khoản đầu tư ngắn hạn khác.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền hoặc nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2012 Số năm	Năm 2013 Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 – 25	4 – 25
Máy móc, thiết bị	3 - 12	3 - 12
Phương tiện vận tải	2 - 9	2 - 12
Thiết bị văn phòng	3 - 5	3 - 9
Tài sản cố định khác	3 - 20	3 - 20

Tài sản cố định hữu hình là máy móc, thiết bị trực tiếp liên quan đến sản xuất sản phẩm của dự án bọc ống tại Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu Khí Việt Nam (công ty con) được tính khấu hao theo khối lượng sản phẩm hoàn thành trong năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính, bản quyền, bằng sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa và các tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian được cấp, quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng lâu dài không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ ba (03) đến chín (09) năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào các công ty với tỷ lệ sở hữu nhỏ hơn 20% tổng số vốn tương đương quyền biểu quyết của các công ty này, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ cao hơn giá trị có thể thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản giá trị lợi thế kinh doanh, giá trị vỏ bình gas và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Giá trị lợi thế kinh doanh phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian ba (03) năm kể từ khi Tổng Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

Giá trị vỏ bình gas được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian sử dụng ước tính của vỏ bình (kỳ quỹ, kỳ cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác và được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vỏ bình gas). Giá trị vỏ bình gas được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá mười (10) năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí còn lại được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Căn cứ theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính, doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn được ghi nhận tại thời điểm Tổng Công ty phát hành hoá đơn giá trị gia tăng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện chủ yếu là phần giá trị chênh lệch giữa khối lượng khí giao nhận thực tế thấp hơn so với lượng khí theo định mức bao tiêu giữa Tổng Công ty với khách hàng. Giá trị này sẽ được bù trừ với phần giá trị sử dụng vượt định mức bao tiêu trong các kỳ tiếp theo.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa bằng 10% thu thập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Trong năm 2013, Công ty mẹ - Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập số dư Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với số tiền 1.146.711.002.353 đồng và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như trình bày tại Thuyết minh số 36.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị: VNĐ		
	31/12/2013	31/12/2012
Tiền mặt	20.278.890.078	13.967.220.175
Tiền gửi ngân hàng	2.850.438.727.910	2.849.165.288.848
Tiền đang chuyển	430.513.575	-
Các khoản tương đương tiền (i)	15.421.849.722.222	9.889.952.009.867
	18.292.997.853.785	12.753.084.518.890

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đơn vị: VNĐ		
	31/12/2013	31/12/2012
Tiền gửi có kỳ hạn và ủy thác quản lý vốn từ 12 tháng trở xuống	818.300.000.000	65.800.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	100.000.000	3.100.000.000
	818.400.000.000	68.900.000.000

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị: VNĐ		
	31/12/2013	31/12/2012
Phải thu các bên đối tác trong hợp đồng hợp tác liên doanh thực hiện xây dựng đường ống Lô B - Ô Môn	23.629.438.880	148.896.597.399
Phải thu Công ty Cổ phần Địa Ốc Phú Long	21.474.885.586	215.139.399.300
Phải thu PVC MeKong liên quan đến hợp đồng xây dựng khu văn phòng cho thuê tại Bạc Liêu	50.000.000.000	50.000.000.000
Lãi dự thu hợp đồng ủy thác quản lý vốn và tiền gửi có kỳ hạn	96.289.596.413	33.049.479.260
Phải thu Tổng Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam - Tiền bồi thường bảo hiểm	10.465.468.068	-
Các khoản phải thu khác	101.656.284.363	56.190.082.855
	303.515.673.310	503.275.558.814

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị: VNĐ		
	31/12/2013	31/12/2012
Hàng mua đang đi trên đường	75.266.818.644	24.239.996.690
Nguyên liệu, vật liệu	537.768.189.494	589.315.538.676
Công cụ, dụng cụ	61.045.044.314	64.028.781.677
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	47.169.471.714	96.321.933.781
Thành phẩm	89.974.375.039	163.692.283.252
Hàng hóa	1.739.953.337.079	760.335.261.748
Hàng gửi bán	56.763.758	-
	2.551.234.000.042	1.697.933.795.824
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(89.786.109.976)	(84.072.291.309)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	2.461.447.890.066	1.613.861.504.515

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

		Đơn vị: VNĐ					
		Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
NGUỒN GIÁ							
Tại ngày 01/01/2013	2.557.213.836.987	2.038.547.681.969	497.734.595.094	151.785.639.912	23.647.638.516.843	28.892.920.270.805	
Mua trong năm	11.245.055.379	43.218.610.385	10.447.919.934	16.074.729.914	2816.754.305	83.803.069.917	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.900.379.488.142	1.701.912.495.004	10.412.818.730	-	18.937.050.815	4.631.641.852.691	
Điều chỉnh theo quyết toán	3.517.010.800	(1.594.536.123)	-	-	(190.568.957.332)	(188.646.482.655)	
Tăng khác	13.603.585.228	1.064.376.907	-	94.500.420	8.083.557.409	22.846.019.964	
Thanh lý, nhượng bán	(2.127.172.185)	(2.364.124.390)	-	(2.025.474.818)	-	(6.516.771.393)	
Giảm khác	(2.485.255.683)	-	(1.305.514.096)	(441.237.745)	-	(4.232.007.524)	
Phân loại sang công cụ, dụng cụ	(867.422.339)	(12.416.972.046)	(1.487.900.938)	(34.190.005.999)	(2.917.284.758)	(51.879.586.080)	
Phân loại lại	5.175.464.424	(10.839.612.075)	5.555.600.652	337.547.038	(229.000.039)	-	
Tại ngày 31/12/2013	5.485.654.590.753	3.757.527.919.631	521.357.519.376	131.635.698.722	23.483.760.637.243	33.379.936.365.725	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/01/2013	984.005.062.327	734.109.573.580	254.617.501.217	95.094.289.438	11.502.662.689.592	13.570.489.116.154	
Khấu hao trong năm	403.956.366.839	400.088.724.211	103.940.904.933	21.221.262.729	2.344.172.691.621	3.273.379.950.333	
Tăng khác	5.601.311.303	6.054.049.230	-	-	-	11.655.360.533	
Thanh lý, nhượng bán	(165.054.911)	(1.769.051.903)	-	(2.025.738.452)	-	(3.959.845.266)	
Phân loại sang công cụ, dụng cụ	(294.252.965)	(8.516.080.296)	(440.993.683)	(26.744.060.920)	(1.766.879.909)	(37.762.267.773)	
Giảm khác	-	-	(248.464.635)	(560.920.876)	-	(809.385.511)	
Phân loại lại	(4.625.283.276)	4.293.447.162	906.423.056	248.117.648	(822.704.590)	-	
Tại ngày 31/12/2013	1.388.478.149.317	1.134.260.661.984	358.775.370.888	87.232.949.567	13.844.245.796.714	16.812.992.928.470	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 31/12/2013	4.097.176.441.436	2.623.267.257.647	162.582.148.488	44.402.749.155	9.639.514.840.529	16.566.943.437.255	
Tại ngày 31/12/2012	1.573.208.774.660	1.304.438.108.389	243.117.093.877	56.691.350.474	12.144.975.827.251	15.322.431.154.651	

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Đơn vị: VNĐ		
31/12/2013	31/12/2012	
Thuế giá trị gia tăng	201.612.424	
Thuế xuất nhập khẩu	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	218.273.332	
Thuế thu nhập cá nhân	-	
Các loại thuế khác	326.374.820	
27.431.864.026	746.260.576	

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị: VNĐ		
31/12/2013	31/12/2012	
Tài sản thiếu chờ xử lý	370.300.170	
Tạm ứng	16.447.885.255	
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	221.763.244.670	
491.375.162.124	238.581.430.095	

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 622.554. 209.299 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 227.308.426.531 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm một số tài sản có nguyên giá là 3.767.101.966.857 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 5.550.544.476.967 đồng) được tạm tăng theo chi phí thực tế phát sinh đã tập hợp được để trích khấu hao khi tài sản được đưa vào sử dụng. Nguyên giá các tài sản này sẽ được điều chỉnh lại khi giá trị quyết toán được phê duyệt.

Tổng Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 154.587.982.001 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 331.536.043.180 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam (công ty con) đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ dự án Nhà máy bọc ống tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu công trình Nhà máy và Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam (công ty con) đã thế chấp toàn bộ dây chuyền chế tạo ống thép tại Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp thuộc xã Gia Thuận, thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty này.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	231.893.729.033	1.521.235.000	233.414.964.033
Mua trong năm	775.000.000	-	775.000.000
Phân loại lại	(42.086.821.615)	42.086.821.615	-
Tại ngày 31/12/2013	190.581.907.418	43.608.056.615	234.189.964.033
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	60.604.192.770	1.366.607.248	61.970.800.018
Khấu hao trong năm	40.682.897.124	14.134.581.853	54.817.478.977
Phân loại lại	(14.104.364.947)	14.104.364.947	-
Tại ngày 31/12/2013	87.182.724.947	29.605.554.048	116.788.278.995
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	103.399.182.471	14.002.502.567	117.401.685.038
Tại ngày 31/12/2012	171.289.536.263	154.627.752	171.444.164.015

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: VND

NGUYÊN GIÁ	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2013	327.803.748.435	31.640.712.659	1.464.370.376	4.288.007.246	68.800.000	365.265.638.716
Tăng trong năm	558.409.091	7.401.366.751	-	-	-	7.959.775.842
Tăng khác	2.604.244.366	-	-	-	-	2.604.244.366
Giảm khác	-	(63.000.000)	-	-	-	(63.000.000)
Phân loại sang chi phí trả trước	-	(404.954.150)	-	-	-	(404.954.150)
Tại ngày 31/12/2013	330.966.401.892	38.574.125.260	1.464.370.376	4.288.007.246	68.800.000	375.361.704.774
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	2.592.412.977	17.798.323.498	336.237.837	-	40.133.330	20.767.107.642
Khấu hao trong năm	995.006.370	8.554.146.202	-	-	185.641.158	9.734.793.730
Giảm khác	-	(46.010.019)	-	-	-	(46.010.019)
Phân loại sang chi phí trả trước	-	(363.638.425)	-	-	-	(363.638.425)
Tại ngày 31/12/2013	3.587.419.347	25.942.821.256	336.237.837	-	225.774.488	30.092.252.928
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2013	327.378.982.545	12.631.304.004	1.128.132.539	4.288.007.246	(156.974.488)	345.269.451.846
Tại ngày 31/12/2012	325.211.335.458	13.842.389.161	1.128.132.539	4.288.007.246	28.666.670	344.498.531.074

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn	398.886.902.889	183.440.931.235
Kho chứa LPG lạnh	-	1.853.555.696.608
Dự án Chung cư C2 Chí Linh	46.438.795.278	46.438.795.278
Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2	498.635.784.711	307.710.556.124
Kho cảng nhập khẩu khí thiên nhiên hóa lỏng	131.849.342.644	131.848.342.644
Dự án nhà máy sản xuất ống thép dầu khí	13.108.145.053	2.034.167.598.362
Công trình trạm khí CNG cho xe ô tô	29.827.146.367	6.615.159.054
Nhà máy xử lý khí Cà Mau	362.651.695.592	73.445.529.518
Kho chứa LNG Thị Vải	74.349.202.109	69.941.941.558
Dự án thu gom và phân phối khí mỏ Hàm Rồng và mỏ Thái Bình	88.493.398.924	52.658.320.301
Các hạng mục dùng chung của kho chứa LPG lạnh Thị Vải và Kho LNG	250.265.717.649	181.933.290.591
Công trình mở rộng hệ thống thu gom khí Mỏ Rồng giai đoạn 1	737.285.175.350	56.675.744.156
Tuyến đường ống kết nối Đông - Tây Nam Bộ	20.809.223.285	18.328.681.959
Hệ thống thu gom và vận chuyển khí Đại Hùng - Nam Côn Sơn 2	20.237.217.410	-
Dự án Đại Hùng	9.706.709.983	-
Dự án đường ống thu gom khí mỏ Thăng Long - Nam Đông Đô	6.442.462.966	-
Văn phòng điều hành PVGas D tại thành phố Vũng Tàu	-	27.950.495.197
Tổng kho sản phẩm khí Đà Nẵng	28.625.586.440	29.510.229.556
Khác	85.744.599.586	82.624.326.615
	2.803.357.106.236	5.156.845.638.756

Tổng chi phí lãi tiền vay đã được vốn hóa vào giá trị các công trình xây dựng cơ bản trong năm khoảng 32 tỷ đồng.

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính	Số tiền đầu tư tại ngày 31/12/2013 VNĐ
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (i)	TP. HCM	35,26%	35,26%	Phân phối khí hóa lỏng	226.460.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (i)	Hà Nội	35,88%	35,88%	Phân phối khí hóa lỏng	118.364.908.900
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	TP. HCM	50,50%	50,50%	Phân phối khí thấp áp	778.958.445.000
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam (ii)	Đồng Nai	77,92%	91,00%	Sản xuất vỏ bình khí	-
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	Vũng Tàu	76,50%	76,50%	Kinh doanh dịch vụ bọc ống	184.839.835.833
Công ty Cổ phần Thể thao Văn hoá Dầu khí (iii)	Hà Nội	60,00%	60,00%	Hoạt động thể thao và văn hóa	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	Tiền Giang	99,99%	99,99%	Sản xuất ống thép	1.253.808.700.000
					2.562.431.889.733

(i) Các khoản đầu tư vào các công ty mà Tổng Công ty góp dưới 50% vốn điều lệ nhưng nắm quyền chi phối. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, quyền chi phối của Tổng Công ty đối với các công ty nhận đầu tư này đã được xác định chắc chắn và việc xác định các công ty này là công ty con của Tổng Công ty phù hợp với bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành.

(ii) Trong năm 2013, Tổng Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam (công ty con của Tổng Công ty) theo Nghị quyết số 137/NQ-KVN ngày 23 tháng 10 năm 2013 của Hội đồng Quản trị.

Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam đã mua lại toàn bộ số cổ phiếu đứng tên các cổ đông khác của Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam để sở hữu 100% vốn của công ty con này. Theo Nghị quyết số 13/ NQ-KMN ngày 18 tháng 11 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng miền Nam đã thông qua kế hoạch giải thể công ty con nói trên để chuyển đổi thành chi nhánh Nhà máy Bình khí Dầu khí Việt Nam trực thuộc công ty và tiếp tục các hoạt động sản xuất, kinh doanh như thông thường.

(ii) Công ty Cổ phần Thể thao Văn hóa Dầu khí đã thực hiện giải thể trong năm 2013 theo Quyết định số 72/2013/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2013.

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đơn vị: VNĐ			
	31/12/2013	31/12/2012	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị	78.618.908.503	75.635.750.091	
	78.618.908.503	75.635.750.091	
Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:			
Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị	Hà Nội	35,51%	Kinh doanh khí

17. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần, Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long hợp tác cùng góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án “Tòa nhà văn phòng PV Gas Tower” tại số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty thực hiện quản lý và hạch toán kết quả kinh doanh của hợp đồng và phân chia lợi nhuận sau thuế cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.

Tỷ lệ vốn góp theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

Phần vốn góp của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần chiếm tỷ lệ:	70%
Phần vốn góp của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần chiếm tỷ lệ:	20%
Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long chiếm tỷ lệ:	10%

Dưới đây là số liệu về kết quả kinh doanh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty:

Đơn vị: VNĐ		
	31/12/2013	31/12/2012
Nguyên giá tài sản cố định	718.541.747.813	718.541.747.813
Hao mòn lũy kế tài sản cố định	48.082.852.898	28.497.981.337
Giá trị còn lại của tài sản cố định	670.458.894.915	690.043.766.476

Đơn vị: VNĐ		
	2013	2012
Doanh thu của hợp đồng hợp tác kinh doanh	117.627.671.780	119.388.713.263
Giá vốn của hợp đồng hợp tác kinh doanh	46.785.341.898	46.840.855.174
Chi phí khác của hợp đồng hợp tác kinh doanh	21.533.571.464	4.051.964.612
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.327.189.605	17.123.973.369
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	36.981.568.814	51.371.920.108
Phân chia theo tỷ lệ góp vốn:		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần	25.887.098.170	35.960.344.075
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	7.396.313.763	10.274.384.022
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	3.698.156.881	5.137.192.011

18. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đơn vị: VNĐ		
	31/12/2013	31/12/2012
Đầu tư cổ phiếu (i)	356.600.283.780	356.600.283.780
Ủy thác quản lý vốn dài hạn và tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	-	441.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	85.000.000.000	50.000.000.000
	441.600.283.780	847.600.283.780

(i) Đầu tư cổ phiếu bao gồm giá trị khoản mua cổ phần của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á với số tiền là 311.250.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và nhận thấy không có sự suy giảm giá trị nên không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.

19. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị: VNĐ		
	31/12/2013	31/12/2012
Giá trị lợi thế kinh doanh doanh nghiệp (i)	341.217.322.506	1.251.130.182.514
Chi phí vô bình gas chờ phân bổ	558.646.525.552	634.997.802.500
Chi phí trả trước dài hạn khác	331.914.788.609	379.362.300.981
	1.231.778.636.667	2.265.490.285.995

19. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN (tiếp theo)

- (i) Lợi thế kinh doanh doanh nghiệp của Tổng Công ty phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 3 năm kể từ khi Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần. Giá trị đã phân bổ vào chi phí trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 909.912.860.008 đồng.

20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị: VNĐ		
	2013	2012
Số dư đầu năm	619.357.443.887	692.064.922.695
Biến động do mua/bán các khoản đầu tư	(12.006.997.852)	4.581.200.000
Phân bổ vào chi phí trong năm	(76.087.979.022)	(77.288.678.808)
Số dư cuối năm	531.262.467.013	619.357.443.887

21. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Đơn vị: VNĐ		
	31/12/2013	31/12/2012
Vay ngắn hạn	370.415.091.649	255.022.306.049
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 28)	2.482.097.502.470	2.786.837.315.431
	2.852.512.594.119	3.041.859.621.480

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: VNĐ		
	31/12/2013	31/12/2012
Thuế giá trị gia tăng	184.436.389.605	111.594.020.440
Thuế xuất, nhập khẩu	17.612.241	2.956.111.245
Thuế thu nhập doanh nghiệp	568.234.143.846	578.501.127.265
Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.339.839.281	3.302.217.226
Thuế thu nhập cá nhân	12.825.116.358	11.610.834.793
Các loại thuế khác	2.889.660.729	671.441.946
	773.742.762.060	708.635.752.915

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

Chi tiêu	Đơn vị: VNĐ	
	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 31/12/2013
Thuế giá trị gia tăng	111.392.408.016	180.016.746.604
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.302.217.226	5.339.839.281
Thuế xuất nhập khẩu	2.956.111.245	(22.364.690.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	578.282.853.933	568.020.832.874
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	295.892.000
Thuế thu nhập cá nhân	11.610.834.793	12.591.923.045
Thuế môn bài	-	-
Thuế nộp thay nhà thầu phụ	640.884.456	1.573.857.303
Thuế và các khoản phí, lệ phí khác	(295.817.330)	836.496.927
Cộng	707.889.492.339	746.310.898.034
Trong đó:		
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	746.260.576	27.431.864.026
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	708.635.752.915	773.742.762.060

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Chi phí nhà điều hành Nam Côn Sơn	35.338.734.292	43.081.839.539
Trích trước chi phí vận hành mỏ Rồng Đỏ, Mỏ và Vòm Bắc mỏ Bạch Hổ	26.670.743.950	-
Chi phí lãi vay	48.465.733.203	55.003.860.470
Trích trước chi phí sửa chữa công trình khí (i)	242.309.132.892	152.064.265.134
Trích trước chi phí mua khí	999.551.877.663	880.608.028.017
Trích trước chi phí xây dựng cơ bản dở dang	186.069.713.421	-
Các khoản khác	26.584.460.102	60.392.301.504
	1.564.990.395.523	1.191.150.294.664

(i) Tổng Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa bảo dưỡng các công trình khí trên cơ sở dự toán chi phí phát sinh cho các hạng mục sẽ được sửa chữa trong năm 2014. Tổng Công ty tin tưởng rằng việc trích trước các khoản chi phí này là phù hợp với tình hình thực tế của Tổng Công ty.

24. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN NỘI BỘ

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	298.361.455.294	45.631.637.351
	298.361.455.294	45.631.637.351

Số dư phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm:

- Khoản chi phí dịch vụ quản lý phải trả với số tiền 46.342.042.702 đồng theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty thực hiện trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chi phí dịch vụ quản lý hàng kỳ theo mức từ 0,05% đến 0,5% tính trên từng loại doanh thu.
- Khoản phải trả với số tiền 244.427.145.521 đồng liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa của Tổng Công ty tại ngày 16 tháng 5 năm 2011 như trình bày tại Thuyết minh số 29.
- Khoản phải trả với số tiền 7.592.267.071 đồng liên quan đến việc quyết toán công trình “Đường ống dẫn khí Phú Mỹ - Thành phố Hồ Chí Minh”.

25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Phải trả nhận tiền vốn góp (i)	262.772.314.681	232.314.963.400
Bảo lãnh dự thầu	-	105.159.339.517
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro (ii)	65.025.992.405	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	76.806.967.581	119.280.669.512
	404.605.274.667	456.754.972.429

(i) Khoản phải trả liên quan đến phần vốn góp của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long để đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án “Tòa nhà văn phòng PV Gas Tower” như đã đề cập tại Thuyết minh số 17.

(ii) Khoản phải trả liên quan đến việc đầu tư chung Dự án “Xây dựng nhà ở 10 chỗ tại giàn MSP4” của Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ (đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty) và Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro (Vietsov). Theo đó, Vietsov là đơn vị theo dõi, kiểm tra và chịu trách nhiệm chi trả cho nhà thầu. Căn cứ trên biên bản nghiệm thu với nhà thầu, Vietsov sẽ thu lại phần chi phí xây dựng tương ứng với tỷ lệ đầu tư của Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ.

26. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NỘI BỘ

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Phải trả dài hạn nội bộ	44.264.383.269	44.264.383.269
	44.264.383.269	44.264.383.269

Phải trả dài hạn nội bộ phản ánh khoản phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về số vốn cấp cho Ban Quản lý Dự án Khí Đông Nam Bộ (đơn vị phụ thuộc Tổng Công ty) để thực hiện Dự án thu gom khí đồng hành mỏ Rồng Đỏ, Mỏ.

27. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Nhận ký quỹ ký cược vỏ bình gas	226.233.196.950	267.116.214.489
Khác	2.964.802.435	2.944.802.435
	229.197.999.385	270.061.016.924

28. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Vay dài hạn	6.982.643.865.112	8.842.599.162.464
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.811.700.849.704	3.149.003.481.765
Ngân hàng Standard Chartered	1.246.357.777.731	1.845.596.667.069
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	224.696.339.043	443.912.295.925
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (trước là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí)	686.956.739.845	1.528.449.282.086
Ngân hàng Đầu tư Châu Âu	153.974.424.042	297.417.903.804
Ngân hàng Calyon Việt Nam	-	94.613.636.251
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	422.090.460.552	218.813.976.000
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	122.526.239.951	181.435.880.018
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	524.486.458.296	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	80.058.679.230	121.077.559.790
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	709.795.896.718	933.834.738.963
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	28.443.740.793
Nợ dài hạn	103.850.155.226	132.997.302.174
Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính - Sacombank	42.380.188.435	65.384.465.635
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu	18.072.761.679	27.567.735.349
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam VILC	41.068.480.639	36.598.588.969
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	2.328.724.473	3.446.512.221
	7.086.494.020.338	8.975.596.464.638
Trừ: nợ dài hạn đến hạn trả (được trình bày trên phần nợ ngắn hạn)	2.482.097.502.470	2.786.837.315.431
Vay và nợ dài hạn phải trả sau 12 tháng	4.604.396.517.868	6.188.759.149.207

Các khoản vay và nợ dài hạn của Tổng Công ty được giải ngân bằng đồng Việt Nam, Euro và Đô la Mỹ để phục vụ cho việc đầu tư mua sắm tài sản cố định của Tổng Công ty. Chi tiết số tiền vay theo đồng tiền giải ngân như sau:

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Vay bằng EUR	-	28.443.740.793
Vay bằng USD	4.678.602.464.864	6.323.771.178.055
Vay bằng VNĐ	2.407.891.555.474	2.623.381.545.790
	7.086.494.020.338	8.975.596.464.638

28. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Các khoản vay và nợ dài hạn của Tổng Công ty phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Tín chấp	5.857.194.256.952	7.032.143.971.015
Bảo lãnh của bên thứ 3	153.974.424.042	513.109.099.845
Bảo đảm bằng tài sản của Tổng Công ty	971.475.184.118	1.297.346.091.604
Thuê tài chính	103.850.155.226	132.997.302.174
	7.086.494.020.338	8.975.596.464.638

Các khoản vay của Tổng Công ty được ký hợp đồng theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Lãi suất trong năm là từ 9,1% đến 17,5%/năm đối với Đồng Việt Nam và từ 1% đến 4,5%/năm đối với Đô la Mỹ. Các khoản vay được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Vay theo lãi suất cố định	545.337.429.752	860.130.564.872
Vay theo lãi suất thả nổi	6.541.156.590.586	8.115.465.899.766
	7.086.494.020.338	8.975.596.464.638

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Trong vòng một năm	2.482.097.502.470	2.786.837.315.431
Trong năm thứ hai	1.855.496.667.675	2.429.288.754.212
Từ ba năm đến năm thứ năm	1.799.741.757.126	2.664.767.125.454
Sau năm năm	949.158.093.067	1.094.703.269.541
	7.086.494.020.338	8.975.596.464.638
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trên khoản nợ ngắn hạn)	2.482.097.502.470	2.786.837.315.431
Số phải trả sau 12 tháng	4.604.396.517.868	6.188.759.149.207

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Đơn vị: VNĐ								
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2012	18.950.000.000.000	-	30.966.515.289	357.653.653.654	456.640.566.558	(71.056.425.755)	3.541.719.326.186	214.429.579.255	23.480.353.215.187
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	10.101.958.853.640	-	10.101.958.853.640
Trích lập các quỹ	-	-	5.846.098.031	1.344.672.211.493	1.013.814.499.699	-	(2.370.332.809.223)	6.000.000.000	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	76.799.420.013	-	-	76.799.420.013
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	-	(83.029.522.589)	-	(83.029.522.589)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(6.064.000.000.000)	-	(6.064.000.000.000)
Hoàn nhập quỹ	-	-	-	-	-	-	85.771.831.702	(85.771.831.702)	-
Thay đổi khác	-	-	(17.192.985)	-	-	-	(67.894.882.324)	-	(67.912.075.309)
Trừ lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	(3.784.579.252)	(154.252.612.010)	(13.835.460.310)	(5.742.994.258)	(72.384.865.871)	(2.970.000.000)	(252.970.511.701)
Số dư tại ngày 01/01/2013	18.950.000.000.000	-	33.010.841.083	1.548.073.253.137	1.456.619.605.947	-	5.071.807.931.521	131.687.747.553	27.191.199.379.241
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	12.595.879.648.698	-	12.595.879.648.698
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	7.074.089.332.728	1.232.864.559.160	-	(8.313.403.891.888)	6.450.000.000	-
Điều chỉnh theo quyết toán cổ phần hóa (ii)	-	1.216.727.266	-	-	-	-	(245.831.372.787)	-	(244.614.645.521)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành (iii)	-	-	-	-	-	-	(216.057.825.177)	-	(216.057.825.177)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(5.685.000.000.000)	-	(5.685.000.000.000)
Lợi nhuận chia cho các bên liên doanh	-	-	-	-	-	-	(11.094.470.644)	-	(11.094.470.644)
Thay đổi khác	-	-	-	(96.538.297)	(93.163.176)	-	21.837.936.535	-	21.648.235.062
Phân bổ lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	(102.635.108.746)	(5.556.568.403)	-	(182.539.885.117)	(3.192.750.000)	(293.924.312.266)
Số dư tại ngày 31/12/2013	18.950.000.000.000	1.216.727.266	33.010.841.083	8.519.430.938.822	2.683.834.433.528	-	3.035.598.071.141	134.944.997.553	33.358.036.009.393

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(i) Trong đó, Công ty mẹ - Tổng Công ty phân phối lại lợi nhuận từ kết quả kinh doanh năm 2012 theo số liệu đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 74/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2013 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 vào Quỹ Đầu tư phát triển và Quỹ Dự phòng tài chính với số tiền lần lượt là 2.615.000.000.000 đồng và 383.749.448 đồng.

Công ty mẹ - Tổng Công ty cũng thực hiện tạm trích Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo phương án được phê duyệt tại Nghị quyết số 74/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2013 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 với số tiền tương ứng là 4.280.672.193.928 đồng và 1.223.049.198.265 đồng. Số trích vào các quỹ cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014.

(ii) Theo biên bản quyết toán cổ phần hóa, Công ty mẹ - Tổng Công ty thực hiện điều chỉnh lợi nhuận sau thuế từ các năm trước để chuyển trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với số tiền 244.427.145.521 đồng (Thuyết minh số 24), ghi nhận Thặng dư vốn cổ phần với số tiền 1.216.727.266 đồng, và trích bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 187.500.000 đồng.

(iii) Trong đó, Công ty mẹ - Tổng Công ty thực hiện trích bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 theo số liệu đã được phê duyệt tại Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 số 74/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2013 với số tiền 89.873.770.633 đồng.

Công ty mẹ - Tổng Công ty cũng thực hiện tạm trích bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 với số tiền 78.500.000.000 đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng số tiền trích các quỹ trên sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ %	Số vốn góp VNĐ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.832.835.900	96,72	18.328.359.000.000
Các cổ đông khác	62.164.100	3,28	621.641.000.000
	1.895.000.000	100	18.950.000.000.000

Số lượng cổ phần Tổng Công ty đã đăng ký và phát hành ra công chúng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.895.000.000 cổ phần. Toàn bộ số cổ phần của Tổng Công ty là cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu	31/12/2013	31/12/2012
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.895.000.000	1.895.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.895.000.000	1.895.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.895.000.000	1.895.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.895.000.000	1.895.000.000

Cổ tức:

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 số 74/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2013, Công ty mẹ - Tổng Công ty đã công bố và chi trả cổ tức đợt 3 từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 trong năm với số tiền là 1.895.000.000.000 đồng (tương đương với 1.000 đồng/cổ phần).

Công ty mẹ - Tổng Công ty cũng đã công bố và tạm ứng cổ tức đợt 1 và đợt 2 từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 với số tiền là 3.790.000.000.000 đồng (tương đương với 2.000 đồng/cổ phần).

30. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	833.953.049.289	892.131.685.993
Vốn khác thuộc chủ sở hữu	8.110.915.588	8.110.915.588
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	14.845.685.500	14.845.685.500
Thặng dư vốn cổ phần	38.055.042.784	38.055.042.784
Quỹ đầu tư phát triển	438.886.816.432	350.828.893.291
Quỹ dự phòng tài chính	64.880.969.147	56.816.699.268
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.162.750.000	2.970.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	270.392.898.700	278.726.927.272
	1.675.288.127.440	1.642.485.849.696

31. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Tổng Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, Tổng Công ty tổ chức các hoạt động kinh doanh theo từng lĩnh vực trên cơ sở các công ty con hoạt động tương đối riêng biệt.

Hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm các bộ phận như sau:

- Hoạt động kinh doanh khí và các sản phẩm khí (gồm có Công ty mẹ, PVGAS South, PVGAS North và PVGAS D);
- Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí: sản xuất ống thép, xây dựng, lắp đặt, sửa chữa các công trình khí (gồm có PV Pipe, PV Cylinder và PV Coating);
- Các hoạt động khác: tổ chức các hoạt động thể thao và văn hóa (gồm có PSCC).

32. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị: VNĐ		
	2013	2012
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	65.597.100.116.086	68.419.862.408.855
Doanh thu bán khí khô	32.266.408.660.838	36.645.020.843.182
Doanh thu bán LPG	27.657.602.672.799	27.581.037.326.065
Doanh thu vận chuyển khí	4.040.790.375.278	2.401.913.832.649
Doanh thu bán condensate	460.719.382.626	375.864.602.078
Doanh thu cho thuê tòa nhà PVGAS Tower	117.627.671.780	119.388.713.263
Doanh thu khác	1.053.951.352.765	1.296.637.091.618
Các khoản giảm trừ doanh thu	197.414.320.128	118.503.607.859
Chiết khấu thương mại	155.530.739.889	84.334.114.516
Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu	41.883.580.239	34.169.493.343
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	65.399.685.795.958	68.301.358.800.996

Tổng Công ty xác định thời điểm ghi nhận doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn là thời điểm phát hành hoá đơn theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu và chi phí mua khí của hoạt động bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn phát sinh trong tháng 11 và tháng 12 năm 2013 chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 với số tiền lần lượt là 4.056 tỷ đồng và 3.328 tỷ đồng (doanh thu và chi phí mua khí phát sinh trong tháng 11 và tháng 12 năm 2012 được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 với số tiền lần lượt là 4.380 tỷ đồng và 3.376 tỷ đồng).

33. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị: VNĐ		
	2013	2012
Giá vốn bán khí khô	22.045.209.092.382	27.851.151.959.167
Giá vốn bán LPG	23.625.246.404.884	23.911.742.387.020
Giá vốn vận chuyển khí	1.325.687.869.740	446.533.183.600
Giá vốn bán condensate	211.536.202.837	188.672.821.820
Giá vốn cho thuê tòa nhà PVGAS Tower	46.785.341.898	46.840.855.174
Giá vốn khác	912.990.723.148	949.722.247.517
	48.167.455.634.889	53.394.663.454.298

34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: VNĐ		
	2013	2012
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.129.514.181.099	1.077.249.409.492
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	44.238.541.654	44.910.354.472
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.387.907.500	8.552.538.080
Cổ tức, lợi nhuận được chia	39.471.557.750	13.161.355.000
Lãi từ bán các khoản đầu tư	5.146.263.919	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.189.380.078	-
	1.222.947.832.000	1.143.873.657.044

35. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị: VNĐ		
	2013	2012
Chi phí lãi vay	420.450.207.908	449.624.014.624
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	127.187.874.374	56.468.087.880
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	15.731.731.454	2.867.137.818
Lỗ từ bán các khoản đầu tư	12.674.960.000	-
Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	19.591.347.155	26.820.754.050
Chi phí tài chính khác	34.238.383.672	1.852.884.870
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản	19.143.314.194	19.143.314.194
	649.017.818.757	556.776.193.436

36. THU NHẬP KHÁC

Đơn vị: VNĐ		
	2013	2012
Hoàn nhập Quỹ phát triển khoa học công nghệ (i)	1.146.711.002.353	-
Thu từ thanh lý tài sản	962.732.491	20.531.843.742
Thu tiền phạt, bồi thường theo hợp đồng	-	12.121.487.954
Thu nhập khác	53.419.691.597	57.880.970.849
	1.201.093.426.441	90.534.302.545

- (i) Tổng Công ty hoàn nhập Quỹ phát triển Khoa học và công nghệ không sử dụng theo Nghị quyết số 01/NQ-KVN của Hội đồng Quản trị ngày 02 tháng 01 năm 2013.

37. CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị: VNĐ		
	2013	2012
Lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập do hoàn nhập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	30.945.482.839	-
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	2.557.189.761	20.740.531.608
Chi phí khác	37.825.833.819	16.381.287.374
	71.328.506.419	37.121.818.982

38. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đơn vị: VNĐ		
	2013	2012
Lợi nhuận trước thuế	15.582.755.695.440	12.350.301.544.544
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.988.853.977.911	2.247.551.651.441
Trong đó:		
Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	2.845.418.785.761	2.105.673.268.625
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	42.509.494.646	46.694.986.009
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	9.005.287.848	9.292.623.519
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	72.170.534.738	76.045.349.005
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	19.461.105.058	9.777.912.769
Công ty Cổ phần Thể thao Văn hoá Dầu khí	288.769.860	67.511.514

Tổng Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty có các khoản ưu đãi thuế lớn như sau:

- (i) Công ty mẹ - Tổng Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty mẹ - Tổng Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 20% đối với Dự án Trung tâm Phân phối Khí Phú Mỹ theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 8898-BKH/DN ngày 31 tháng 12 năm 2001, Dự án Dịch vụ Vận chuyển condensate Nam Côn Sơn theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3399-BKH/DN ngày 28 tháng 5 năm 2002 và Dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 6011-BKH/DN ngày 18 tháng 9 năm 2002 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Công ty mẹ - Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với Dự án Trạm nạp LPG Thị Vải theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 49221000055 ngày 10 tháng 8 năm 2007. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (đơn vị cổ phần hóa) đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

Công ty mẹ - Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với Dự án Hệ thống Phân phối khí thấp áp Giai đoạn 2 theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 49221000047 ngày 02 tháng 7 năm 2007. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

Công ty mẹ - Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo đối với Dự án Đường ống dẫn khí PM3 - Cà Mau theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 61101000095 ngày 09 tháng 02 năm 2010. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

- (ii) Công ty con - PVGAS South được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư cho hoạt động kinh doanh khí CNG, hoạt động kinh doanh khí CNG sẽ được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn thuế hai năm và giảm 50% cho sáu năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế.

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - công ty con của PVGAS South có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động và theo tỷ lệ 25% cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế suất áp dụng nêu trên cho 6 năm tiếp theo.

- (iii) Công ty con - PV Pipe được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 53101000116 ngày 21 tháng 10 năm 2010 của UBND tỉnh Tiền Giang, Công ty được hưởng ưu đãi đầu tư đối với dự án đầu tư trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang). Công ty được hưởng ưu đãi về thuế suất và thời gian miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của của Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Cụ thể: Thuế suất ưu đãi 20% áp dụng trong thời gian 10 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế, miễn thuế 2 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư; trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

39. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Đơn vị: VNĐ	
	2013	2012
Lợi nhuận kế toán sau thuế của Công ty mẹ	12.287.542.443.295	9.807.335.873.363
Lợi nhuận trả cho các bên tham gia liên doanh tòa nhà PVGas Tower	11.094.470.644	15.411.576.033
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.276.447.972.651	9.791.924.297.330
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	1.895.000.000	1.895.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.478	5.167

40. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị: VNĐ	
	2013	2012
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.545.105.893.149	5.975.521.011.866
Chi phí mua khí từ các chủ mỏ	17.353.555.072.678	22.470.710.284.754
Chi phí nhân công	748.819.717.935	769.216.391.395
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.338.271.404.708	3.088.796.474.370
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.016.057.746.706	2.037.843.553.621
Chi phí khác	1.911.386.641.153	1.396.860.398.851
	27.913.196.476.329	35.738.948.114.857

41. CÁC KHOẢN CAM KẾT

(i) Cam kết vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty có các khoản cam kết vốn liên quan tới một số hợp đồng đầu tư xây dựng cơ bản lớn đang thực hiện chưa hoàn thành sau:

	Đơn vị: VNĐ	
	2013	2012
Kho chứa LPG lạnh	-	733.282.927.297
Kho chứa LNG quy mô 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải	951.425.238.697	955.832.499.248
Dự án thu gom và phân phối khí mỏ Hàm Rồng và Thái Bình lô 102 và 106	576.644.814.849	612.479.893.472
Công trình Mở rộng hệ thống thu gom khí mỏ Rồng giai đoạn 1	427.471.810.522	1.108.081.241.716
	1.955.541.864.068	3.409.676.561.733

(ii) Cam kết khác

Các khoản cam kết liên quan đến hoạt động kinh doanh và vận chuyển khí:

Cam kết mua hàng

Cam kết mua hàng	Sản lượng cam kết	Thời gian cam kết
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 06.1	Tối thiểu là 4 tỷ m³/năm	Đến 30 tháng 6 năm 2014
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 11.2	Tối thiểu là 1,216 tỷ m³/năm	Đến hết giai đoạn bình ổn của Lô 11.2
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 05.3 và 05.2	Tối thiểu 1,3 tỷ m³/năm	Đến 31 tháng 12 năm 2034

Cam kết bán hàng

Cam kết mua hàng	Sản lượng cam kết	Thời gian cam kết
Bán khí Nam Côn Sơn cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Tối thiểu hàng năm là 1,85 tỷ m³	Trong giai đoạn bình ổn theo hợp đồng GSA
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty TNHH Phú Mỹ 3 BOT Power (PM3 BOT)	Tối thiểu hàng năm là 0,85 tỷ m³	Đến năm 2023
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty TNHH Năng lượng Mekong (PM 2.2 BOT)	Tối thiểu hàng năm là 0,85 tỷ m³	Đến năm 2023
Bán khí Nam Côn Sơn cho Tổng Công ty Điện Lực Dầu Khí Việt Nam	Tối thiểu hàng năm là 0,447 tỷ m³	Trong giai đoạn bình ổn theo Hợp đồng
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty Cổ Phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2	Tối thiểu hàng năm là 0,785 tỷ m³	Đến 30 tháng 6 năm 2014

Tổng Công ty đã ký hợp đồng với Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc cung cấp khí cho các nhà máy điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam từ nguồn bể khí Nam Côn Sơn. Việc cung cấp khí được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2009. Hợp đồng cung cấp khí giữa các bên có xác định định mức bao tiêu khí hàng năm, nhưng chưa có quy định về đơn giá áp dụng cho lượng khí giao nhận vượt trên định mức bao tiêu (nếu có) này. Tổng Công ty đang ghi nhận doanh thu bán khí đối với lượng khí giao vượt trên định mức bao tiêu trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo đơn giá tạm tính.

Đến ngày phát hành báo cáo này, Tổng Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang trong quá trình thương thảo để thống nhất đơn giá bán khí áp dụng cho lượng khí giao nhận vượt trên định mức bao tiêu quy định trong hợp đồng mua bán khí nêu trên. Số chênh lệch doanh thu (nếu có) khi áp dụng đơn giá bán khí mới sẽ được Tổng Công ty điều chỉnh và ghi nhận vào kết quả kinh doanh của các năm tiếp theo ngay khi thống nhất với Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

42. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 và số 28 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

42. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Đơn vị: VNĐ	
	Giá trị ghi sổ 31/12/2013	Giá trị ghi sổ 31/12/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.292.997.853.785	12.753.084.518.890
Đầu tư ngắn hạn	818.400.000.000	68.900.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.574.082.855.329	4.920.197.430.227
Đầu tư dài hạn	366.600.283.780	792.191.630.935
Tài sản tài chính khác	478.022.686.815	221.763.244.670
Tổng cộng	25.530.103.679.709	18.756.136.824.722
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	7.456.909.111.987	9.230.618.770.687
Phải trả người bán và phải trả khác	4.490.054.443.522	3.184.763.534.307
Chi phí phải trả	1.564.990.395.523	1.191.150.294.664
Tổng cộng	13.511.953.951.032	13.606.532.599.658

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Đơn vị: VNĐ			
	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
Đô la Mỹ (USD)	1.892.021.464.520	1.033.504.782.764	6.222.515.685.332	6.326.770.501.550
Euro (EUR)	508.225.001	1.013.344.168	706.948.286	29.429.044.908

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm một khoản như sau:

	Đơn vị: VNĐ	
	2013	2012
Đô la Mỹ	216.524.711.041	264.663.285.939

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

42. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công sẽ ảnh hưởng như sau:

Đơn vị: VNĐ		
	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013		
VNĐ	+200	138.231.433.645
VNĐ	-200	(138.231.433.645)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012		
VNĐ	+200	162.309.317.995
VNĐ	-200	(162.309.317.995)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào các đơn vị khác. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác cũng như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty có một số khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với số tiền là 75.482.298.259 đồng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Đơn vị: VNĐ			
31/12/2013	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.292.997.853.785	-	18.292.997.853.785
Đầu tư ngắn hạn	818.400.000.000	-	818.400.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.574.082.855.329	-	5.574.082.855.329
Đầu tư dài hạn	-	366.600.283.780	366.600.283.780
Tài sản tài chính khác	478.022.686.815	-	478.022.686.815
	25.163.503.395.929	366.600.283.780	25.530.103.679.709
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	2.852.512.594.119	4.604.396.517.868	7.456.909.111.987
Phải trả người bán và phải trả khác	4.216.592.060.868	273.462.382.654	4.490.054.443.522
Chi phí phải trả	1.564.990.395.523	-	1.564.990.395.523
	8.634.095.050.510	4.877.858.900.522	13.511.953.951.032
Chênh lệch thanh khoản thuần	16.529.408.345.419	(4.511.258.616.742)	12.018.149.728.677

Đơn vị: VNĐ			
31/12/2012	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.753.084.518.890	-	12.753.084.518.890
Đầu tư ngắn hạn	68.900.000.000	-	68.900.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.920.197.430.227	-	4.920.197.430.227
Đầu tư dài hạn	-	792.191.630.935	792.191.630.935
Tài sản tài chính khác	221.763.244.670	-	221.763.244.670
	17.963.945.193.787	792.191.630.935	18.756.136.824.722
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	3.041.859.621.480	6.188.759.149.207	9.230.618.770.687
Phải trả người bán và phải trả khác	2.869.176.572.916	315.586.961.391	3.184.763.534.307
Chi phí phải trả	1.191.150.294.664	-	1.191.150.294.664
	7.102.186.489.060	6.504.346.110.598	13.606.532.599.658
Chênh lệch thanh khoản thuần	10.861.758.704.727	(5.712.154.479.663)	5.149.604.225.064

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

43. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	Công ty liên kết
Các công ty con, liên doanh, liên kết của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Đơn vị: VNĐ	
	2013	2012
Bán hàng		
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	558.419.569.095	2.148.143.021.112
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - CTCP	2.787.129.395.448	2.871.034.208.573
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	460.771.141.390	376.850.833.585
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	152.232.843.631	536.032.910.353
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	6.081.162.877.766	10.631.792.874.737
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	1.008.939.315.885	847.415.322.123
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	81.873.337.990	135.141.156.645
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	3.335.312.637.970	1.131.037.918.994
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	694.768.792.342	672.296.423.257
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	1.121.317.224.264
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	43.638.833.903	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	180.646.390.774	13.714.964.160
Mua hàng		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	12.520.348.246.227	5.230.919.847.651
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	2.686.190.412.184	10.004.217.529.659
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	403.414.780.934	636.702.516.661
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	4.942.040.894.648	6.867.827.928.823
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí VietsovPetro	826.622.399.733	301.734.504.667
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	65.665.409.083	92.424.852.452
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	383.440.077.730	178.401.029.882
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	475.042.709.300	-
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	13.890.852.025	15.103.655.470

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Các khoản phải thu		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	302.402.933.494	778.684.404.634
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần	281.531.190.794	263.117.723.252
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	3.522.534.613	335.694.672.382
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	162.039.975.126	97.686.018.925
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần	61.596.610.765	40.453.188.086
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	44.957.405.058	27.617.030.195
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	138.578.958.296	125.731.918.738
Phải thu khác		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	57.177.865.931	38.776.911.280
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	50.000.000.000	50.000.000.000
Các khoản phải trả người bán		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	6.131.365.191	50.395.748.460
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	66.419.965.794	90.647.474.754
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	677.720.709.774	776.452.354.601
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần	29.053.590.773	16.534.498.331
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí VietsovPetro	317.546.678.975	41.621.760.075
Phải trả nội bộ		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	342.625.838.563	89.896.020.620
Chi phí phải trả		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	981.867.578.026	880.608.028.017
Phải trả khác		
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần	173.639.500.854	153.334.600.000
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí VietsovPetro	65.025.992.405	-
Trả trước người bán		
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần	7.475.635.514	31.021.824.003
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	173.645.399.729	-
Các khoản ủy thác đầu tư		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (trước là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam)	-	346.000.000.000
Các khoản vay		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (trước là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam)	686.956.739.845	1.528.449.282.086

44. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 16 tháng 01 năm 2014, Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (công ty con của Tổng Công ty) ban hành Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ/2013 quyết định tăng vốn điều lệ từ 429 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng theo hình thức phát hành cổ phần riêng lẻ cho Tổng Công ty, phát hành cổ phiếu ưu đãi cho cán bộ công nhân viên của Công ty và phát hành cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu tương ứng với tỷ lệ vốn góp của các bên. Theo đó, Tổng Công ty cam kết mua thêm tổng cộng 5.864.734 cổ phần với giá mua là 10.000 đồng/cổ phần, tương ứng với số tiền cam kết góp vốn thêm là 58.647.340.000 đồng. Tổng Công ty cũng sẽ nhận được thêm 2.770.766 cổ phần của Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam theo phương án phát hành cổ phiếu thưởng của công ty này theo Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ/2013.

Ngày 24 tháng 01 năm 2014, Tổng Công ty đã ban hành Quyết định số 28/NQ-KVN để thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam (công ty con của Tổng Công ty) từ 1.699,5 tỷ đồng lên thành 1.838,5 tỷ đồng.

45. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.



Đặng Thị Hồng Yến
Người lập biểu



Mai Hữu Ngạn
Kế toán trưởng



Đỗ Khang Ninh
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2014



cho **NGÀY MỚI**
BẮT ĐẦU...



TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP

Tòa nhà PV GAS Tower
673 Nguyễn Hữu Thọ,
xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, TP. HCM

Tel : (84.8) 3 7816 777
Fax : (84.8) 3 7815 666
www.pvgas.com.vn